MINH HƯNG

nguyendonghung

NGHIỆP CẦM BÚT

2026

Table of Contents

Nghiệp cầm bút

TRANG BẢN QUYỀN

LỜI TỰ TỰA

PHẦN I: THÂN PHẬN KẺ SĨ, VÒNG XOÁY LỊCH SỬ VÀ ÁM ẢNH VỀ TRẬT TỰ

PHẦN II: KHAI MINH KHOA HỌC, TRIẾT LÝ Y ĐẠO VÀ SỰ KẾT NỐI NHÂN SINH

PHẦN III: SẮC ĐẸP, GIỚI TÍNH VÀ NHỮNG GÓC KHUẤT TRONG SỰ ĐỨT GÃY XÃ HỘI

PHẦN IV: SUY NIỆM, TRIẾT LUẬN, VĂN CHƯƠNG

BẢNG THUẬT NGỮ

PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

MINH HƯNG

nguyendonghung

NGHIỆP CẦM BÚT

2026

NGHIỆP CẦM BÚT

Trăn trở, Suy niệm và Sự thấu cảm trước phận người và thời cuộc

MỤC LỤC

TRANG BẢN QUYỀN.....2
LỜI TỰ TỰA.....3
PHẦN I: THÂN PHẬN KẺ SĨ, VÒNG XOÁY LỊCH SỬ VÀ ÁM ẢNH VỀ TRẬT TỰ...5

CHƯƠNG 1: Kẻ sĩ giữa quyền lực và bi kịch căn tính - Nơi lịch sử đi qua tâm hồn tôi....8

CHƯƠNG 2: Quyền thuật, mưu kế và bàn cân "Đạo – Thuật" – Lằn ranh sinh tử.....22

CHƯƠNG 3: Gông cùm thuộc địa và tiếng thét của dân tộc - Bức tranh đẫm máu thời cận đại.....37

PHẦN II: KHAI MINH KHOA HỌC, TRIẾT LÝ Y ĐẠO VÀ SỰ KẾT NỐI NHÂN SINH39

CHƯƠNG 4: Lột xác tư duy - Cuộc cách mạng từ mê tín thần bí đến óc khoa học.....39

CHƯƠNG 5: Giải ảo tư tưởng cổ đại và sự phục hưng các giá trị cốt lõi.....41

CHƯƠNG 6: Y đạo trong cõi người ta - Lắng nghe tiếng rạn vỡ của phận người.....44

PHẦN III: SẮC ĐẸP, GIỚI TÍNH VÀ NHỮNG GÓC KHUẤT TRONG SỰ ĐỨT GÃY XÃ HỘI.....47

CHƯƠNG 7: Nhan sắc và sự đọa đày - Tiếng thở dài của phụ nữ qua thăng trầm lịch sử..51

CHƯƠNG 8: Biện chứng của ái tình và sự thao túng nhận thức.....54

CHƯƠNG 9: Bóng tối đô thị và tính nhân bản của ngòi bút.....56

PHẦN IV: SUY NIỆM, TRIẾT LUẬN, VĂN CHƯƠNG.....59

CHƯƠNG 10: Trăn trở - Khi ngòi bút không thể đứng ngoài nỗi đau thời cuộc.....59

CHƯƠNG 11: Suy niệm – Đi tìm một trục giá trị giữa thời đại phân rã.....63

CHƯƠNG 12: Sự thấu cảm – Cúi xuống trước phận người để hiểu thời đại.....67

BẢNG THUẬT NGỮ.....71
PHỤ LỤC.....88
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....104

TRANG BẢN QUYỀN

nguyendonghung

Bản quyền © 2026 thuộc về Tác giả Nguyễn Đông Hưng (Minh Hưng)

Tác phẩm này đã được bảo hộ theo luật bản quyền. Mọi hình thức sao chép, trích dẫn, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) mà không có sự cho phép bằng văn bản của tác giả và nhà xuất bản đều là vi phạm pháp luật.

Ấn bản lần thứ nhất: Năm 2025.

TÁC GIẢ MINH HƯNG *(Bác sĩ Nguyễn Đông Hưng, M.D.)*

Minh Hưng (Nguyễn Đông Hưng) là một bác sĩ ngoại khoa, phẫu thuật viên Niệu khoa và là nhà nghiên cứu y học nhân văn. Với hành trình chuyển tiếp từ một sĩ quan Quân đội đến chuyên gia chính sách tại Cục Bảo trợ xã hội, anh đã dành nhiều tâm huyết cho nhóm yếu thế và trẻ em khuyết tật.

Bên cạnh nền tảng y khoa lâm sàng, Minh Hưng sở hữu tư duy đa ngành sắc bén với bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh và quá trình nghiên cứu chuyên sâu về Ngôn ngữ học lâm sàng (rối loạn giao tiếp ở trẻ tự kỷ). Chính sự giao thoa giữa khoa học kỹ thuật và ngôn ngữ học đã dẫn dắt anh đến một nhận thức bền vững: *Mọi phác đồ điều trị chỉ thực sự chữa lành khi được đặt trên nền tảng của sự hiện diện bình an và lắng nghe chân thành.*

Anh là người khởi xướng hướng tiếp cận **Y học của Tâm thức** – một hệ thống tích hợp giữa khoa học thần kinh hiện đại và triết học thực hành. Tác phẩm của anh, tiêu biểu là *"Giữa người với người" (2025)*, không chỉ là những tản văn y học mà còn là nhịp cầu nối liền tinh thần nhân bản thế kỷ XXI với minh triết "Cư trần lạc đạo" của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần.

Hiện nay, Minh Hưng tập trung giảng dạy khoa học ý thức và thiết kế các chương trình thực hành tỉnh thức cho cộng đồng thầy thuốc, giáo viên và phụ huynh. Qua các bài viết, anh mời gọi mỗi người quay về với "phản quan tự kỷ", lấy trí tuệ và lòng từ làm gốc để kiến tạo một nền y học nhân văn.

Triết hiệu hành động:

"Hiểu tâm là con đường vững nhất để chăm sóc thân."

LỜI TỰ TỰA

Giọt nước mắt in hằn trên trang giấy và sứ mệnh của ngòi bút

Tôi viết những dòng này không phải từ một tháp ngà học thuật tĩnh lặng, mà từ chính những va đập khốc liệt của cuộc đời, nơi dòng chảy của văn hóa, chính trị và những nỗi đau nhân sinh cuộn xiết. Trong bối cảnh giao thời đầy biến động, ngòi bút của tôi không thể chỉ là thứ công cụ ghi chép biên niên sử vô hồn. Nó chắc chắn phải là một lưỡi dao mổ xẻ những góc khuất tận cùng của xã hội, và đồng thời, là một bàn tay chìa ra để **thấu cảm** với những phận đời yếu thế.

Cuốn sách "Nghiệp cầm bút" này là sự chắt lọc toàn bộ tâm huyết, là tiếng lòng thao thức của tôi khi đứng trước những di sản tư tưởng truyền thống, trước bạo lực của lịch sử, và trước khát vọng vươn tới ánh sáng khai minh. Ở đây, tôi không chỉ nhìn vào bề mặt của nước nhà, mà còn phóng tầm mắt sang sự trỗi dậy và những cấu trúc trật tự xã hội khổng lồ của đất nước Trung Hoa qua lăng kính của tác giả Vương Hỗ Ninh — một "kiến trúc sư tư tưởng" mang trong mình tham vọng tái tạo một hệ giá trị thống nhất để cứu rỗi sự phân rã của xã hội hiện đại. Quyền lực, khoa học, tâm lý học và y đạo không chỉ là những lý thuyết khô khan; chúng là những nhịp đập đau đớn của con người mà tôi hằng ngày chứng kiến và suy nghiệm. Những đêm thức trắng giữa lòng thành phố rực rỡ ánh đèn, tôi chợt nhận ra bóng tối đang bủa vây không phải từ bên ngoài, mà từ sâu thẳm bên trong tâm hồn những phận người. Tôi nhặt bút lên không phải để viết nên những lời ca tụng sáo rỗng hay những dòng biên niên sử vô hồn đứng ngoài thời cuộc.

Chúng ta đang sống trong một thời đại kỳ lạ và đầy rẫy những mâu thuẫn. Chưa bao giờ nhân loại vươn xa đến thế về vật chất và công nghệ, nhưng dường như cũng chưa bao giờ con người lại trở nên bơ vơ đến nhường này. Dõi mắt nhìn theo dòng chảy vội vã của hiện tại, tôi không khỏi mang trong mình một nỗi âu lo tột độ về sự sụp đổ của các giá trị tinh thần. Khi sự tự do quá trớn và chủ nghĩa cá nhân được đẩy lên đến cực điểm, nó đang âm thầm phá vỡ những thiết chế cốt lõi từng làm nền tảng cho xã hội như gia đình, tôn giáo và cộng đồng. Con người hiện đại, trong cuộc chạy đua khốc liệt của nền kinh tế thị trường, bỗng chốc tự biến mình thành những "tiểu vũ trụ" cô lập, đánh mất đi sự tương tác ý nghĩa

và mối liên kết sâu xa với đồng loại.

Xã hội quanh ta đang dần đánh mất đi "lực hấp dẫn chung" - một hệ giá trị thống nhất đóng vai trò định hướng và neo giữ tinh thần con người khỏi vực thẳm của sự cô lập. Khi mọi thứ, từ giáo dục, tri thức đến nhân cách, đều có nguy cơ bị thương mại hóa và biến thành đối tượng mua bán, chúng ta thực chất đang đối diện với một cuộc khủng hoảng đạo lý trầm trọng. Một xã hội vứt bỏ "la bàn đạo đức", nơi mà chủ nghĩa tương đối khiến con người không còn tin vào một chân lý chung nào cả, sẽ dễ dàng rơi vào trạng thái hư vô tinh thần và hỗn loạn. Tôi đã nhìn thấy những người trẻ tuổi hoang mang lạc lối; họ có kỹ năng, có bằng cấp, nhưng lại thiếu vắng mục tiêu và lý tưởng cộng đồng để cống hiến. Sự phân mảnh nhận thức đang chia cắt xã hội thành những "bong bóng thông tin" chật hẹp, nơi người ta chỉ đối thoại bằng cảm xúc thay vì chia sẻ một thực tại chung, làm tan rã dần niềm tin vào một trật tự xã hội bền vững.

Chính trong sự đứt gãy đớn đau ấy của thời đại, "Nghiệp cầm bút" ra đời. Tôi viết để đối diện với vòng xoáy bạo liệt của lịch sử chính trị, để chất vấn những mưu kế tàn khốc đã chà đạp lên phẩm giá con người vì tham vọng quyền lực. Nhưng hơn thế nữa, tôi viết để gọi tên những tổn thương câm lặng. Đó là tiếng thở dài xót xa cho thân phận người phụ nữ bơ vơ giữa những tàn tích của lễ giáo và ảo vọng của bình quyền hình thức; là sự đồng cảm sâu sắc với những kiếp người yếu thế, những mảnh đời lang thang đang bị guồng máy đô thị hóa lộng lẫy gạt ra bên lề.

Ngòi bút của người trí thức không thể cho phép mình vô cảm. Nó phải rỏ lệ cùng nhịp đập thổn thức của nhân sinh. Sự thấu cảm mà tôi hướng tới không phải là thứ tình thương ban phát hời hợt, mà là khát vọng cháy bỏng nhằm cảnh tỉnh nhân thế, khôi phục lại "trục giá trị" đã gãy đổ và tái thiết một không gian chung nơi con người biết nương tựa vào nhau. "Nghiệp cầm bút" là lời tự tình của tôi, là sự suy niệm day dứt, và cũng là một nỗ lực gom nhặt lại những mảnh vỡ của lòng nhân ái, để trí tuệ sắc bén và sự đồng cảm vô điều kiện có thể soi rọi những bóng tối đang bủa vây kiếp người.

PHẦN I: THÂN PHẬN KẺ SĨ, VÒNG XOÁY LỊCH SỬ VÀ ÁM ẢNH VỀ TRẬT TỰ

Phần này là lời tự tình của tôi về những trí thức mang trong mình lý tưởng lớn lao nhưng có thể lại bị nghiền nát hoặc tha hóa bởi cỗ máy quyền lực tàn nhẫn của thời đại, xen lẫn sự chiêm nghiệm về khát vọng "trường trị cửu an" (trị vì lâu dài, bình yên mãi mãi) trong tư tưởng chính trị Đông phương.

Ba vua năm đế dấu vừa qua,
Nối đạo trời rao đức thánh ta.
Hai chữ can thường dằn các nước,
Một câu trung hiếu dựng muôn nhà.
Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.
Căm lấy lòng nhơ mong thói bạc,
Trời gần chẳng gánh gánh trời xa.
— Nguyễn Đình Chiểu[1]

Lịch sử phương Đông từ ngàn xưa luôn bị ám ảnh bởi một quy luật tàn khốc: "Phù thiên hạ đại thế, phân cửu tất hợp, hợp cửu tất phân" (Thế lớn trong thiên hạ, chia lâu tất hợp, hợp lâu tất chia). Đằng sau những vòng xoáy hợp tan, dâu bể vô tận ấy là máu, là nước mắt, và là sự giằng xé khốc liệt của những kiếp người mong manh trước guồng máy quyền lực khổng lồ. Trong bức tranh vân cẩu đó, hình ảnh làm tôi day dứt và xót xa nhất chính là thân phận của những "kẻ sĩ" – những người trí thức mang trong trái tim khát vọng vươn tới một cõi nhân sinh toàn thiện.

Thuở ban sơ, người trí thức bước vào đời với bầu máu nóng và lý tưởng "tu kỷ an bách tính", mơ ước đem sở học thuần khiết của mình để "trị quốc bình thiên hạ". Nhưng bi kịch thay, khi thực sự dấn thân vào chốn thực tiễn chính trị tàn nhẫn, họ lại vấp phải một bức tường thành đồ sộ của những mưu mô và dục vọng. Bị cuốn vào "thượng khuynh tính" – tức là sự chăm chú tranh giành tước vị – ngòi bút độc lập của nhiều trí thức dần bị bẻ cong, buộc phải cúi đầu, dựa dẫm vào hào môn và cường quyền để mong mỏi được tiến thân. Lịch sử đã từng chứng kiến không biết bao nhiêu người ôm tài năng lạc lõng bơ vơ giữa cuộc đời, hoặc tự biến mình

thành "ngụy trí thức" a dua xu phụ bạo chính, hoặc bi đát hơn, bị nghiền nát thể xác lẫn tinh thần bởi những thảm kịch "văn tự ngục" đẫm máu chỉ vì dám nói lên sự thật.

Tại sao cỗ máy quyền lực lại tàn nhẫn đến vậy? Khi lặng lẽ suy niệm về sự va đập này, tôi nhận ra nó bắt nguồn từ một nỗi ám ảnh sâu thẳm, ăn sâu vào huyết quản của tư tưởng chính trị Á Đông: khát vọng "trường trị cửu an" (trị vì lâu dài, bình yên mãi mãi). Nhà nước, tự bản chất lịch sử, luôn được kiến tạo như một công cụ thống trị của giai cấp cầm quyền nhằm duy trì sự sinh tồn của chế độ. Để bảo vệ trật tự và ngăn chặn sự phân rã trong những thời kỳ chuyển đổi khốc liệt, cấu trúc chính trị đòi hỏi một sự kiểm soát gần như tuyệt đối.

Dưới lăng kính của tác giả Vương Hỗ Ninh [2]khi phân tích về trật tự xã hội và quyền lực, sự "ổn định" của quốc gia được đẩy lên thành một giá trị sinh tồn tối thượng. Trong một hệ tư tưởng đề cao sự ổn định để tránh họa diệt vong, mọi thứ khác – từ tự do cá nhân, công lý, cho đến những lý tưởng đạo đức thuần khiết nhất – đôi khi đều phải ngậm ngùi lùi bước hoặc bị hy sinh. Bằng cách ngầm định nghĩa lại quyền cơ bản của con người là quyền được sống sót trong một trật tự ổn định hơn là rơi vào vực thẳm của sự hỗn loạn, quyền lực đã tự chính danh hóa những cơ chế duy trì trật tự khắt khe nhất của nó.

Chính trong cái bóng râm lạnh lẽo và vĩ cuồng của tư duy "trường trị cửu an" ấy, người trí thức bị đặt lên một bàn cân nghiệt ngã. Họ phải vật lộn, cào xé tâm can giữa việc giữ gìn phẩm giá rực sáng của một "kẻ sĩ" hay buông mình trở thành một con ốc vít vô hồn trong cỗ máy cai trị khổng lồ.

Phần mở đầu này là lời tự tình của tôi, một nỗ lực dùng lòng thấu cảm tận cùng để chạm vào những vết thương chưa bao giờ ngừng rỉ máu của người cầm bút qua các thời kỳ lịch sử. Chúng ta sẽ cùng nhau lật lại những trang sử đẫm lệ, đi qua những bi kịch căn tính, bước lên lằn ranh sinh tử giữa Vương đạo và Bá đạo, và nếm trải nỗi đau của chiếc gông cùm thuộc địa, để hiểu thấu một điều: đứng trước vòng xoáy tàn khốc của thời cuộc, việc giữ cho ngòi bút được trong sạch và trái tim được vẹn nguyên tính bản thiện, chưa bao giờ là một điều dễ dàng.

CHƯƠNG 1: Kẻ sĩ giữa quyền lực và bi kịch căn tính - Nơi lịch sử đi qua tâm hồn tôi

Vài dòng ý nghĩa tôi đọc đươc và chắt lọc từ Tác phẩm của cụ Vũ Tài Lục:

Trí thức như một lực lượng chính trị

"Giờ đây không ai không nhận rằng: Chẳng còn phải là một hiện tượng nhất thời nữa, việc phần tử trí thức trở thành một lực lượng chính trị là một sự thực, một khuynh hướng đang tiến rất mau, rất mạnh."

Giá trị thời cuộc: câu này vẫn đúng trong thời đại mạng xã hội, đại học, báo chí độc lập, chuyên gia công nghệ và giới sáng tạo đều có thể ảnh hưởng đến chính sách, dư luận, thậm chí vận mệnh chính quyền.

Lịch sử là tương tác giữa người và hoàn cảnh

"Hiện tại thực tiễn đã chứng minh lịch sử biến động do tác dụng tương hằng (interaction) giữa người với hoàn cảnh. Do tác dụng tương hằng ấy sản sinh ra văn hóa."

Ý nghĩa tiệm cận chân lý: tác giả tránh hai cực đoan: định mệnh luận và duy ý chí. Lịch sử không chỉ do hoàn cảnh ép buộc, cũng không chỉ do ý chí anh hùng; nó là cuộc va đập liên tục giữa con người và điều kiện sống.

Không thể nói chính trị mà bỏ trí thức

"Như thế nói lịch sử mà không nói đến vận động trí thức, nói chính trị mà không đề cập đến cuộc đấu tranh của phần tử trí thức thì thật là một thiếu xót lớn."

Giá trị thời cuộc: mọi khủng hoảng quốc gia rốt cuộc đều lộ ra ở tầng tư tưởng: ai định nghĩa sự thật, ai giáo dục công chúng, ai phản biện quyền lực, ai tạo ngôn ngữ cho hy vọng.

Trí thức là quyền lực

"Trí thức là vũ khí để loài người chống lại hoàn cảnh. Trí thức tức là quyền lực. Khi đã gọi là quyền lực thì phải làm sao sử được quyền lực đến mức tối đa."

Đây là một trong những câu sắc nhất của tác phẩm. Nó đặt trí thức ra khỏi vẻ trang sức văn chương: biết mà không biến được cái biết thành năng lực cải tạo đời sống thì cái biết ấy chưa thành giá trị chính trị.

Không có thái độ chính trị là tự khước bỏ đời sống trí thức

"Cho nên khi người trí thức không lưu tâm đến chính trị là lúc ấy họ đã tự khước bỏ phần lớn đời sống trí thức."

Ý nghĩa tiệm cận chân lý: chính trị ở đây không nhất thiết là tranh ghế quyền lực, mà là ý thức về trật tự chung, công lý, giáo dục, văn hóa, sinh mệnh cộng đồng. Người trí thức lánh hết những

điều đó thì chỉ còn nghề nghiệp, chưa chắc còn sứ mệnh.

Ba mặt của người trí thức

"Đứng trên chính trị mà nhìn nhận trí thức phần tử người ta phải nhìn tách biệt ba mặt:

a/ Phẩm đức.

b/ Giá trị.

c/ Thân phận."

Đoạn này đáng giá vì nó phân biệt rất tỉnh táo: người có đạo đức chưa chắc có năng lực; người có năng lực chưa chắc giữ được phẩm đức; còn thân phận là kết quả đau đớn của sự va chạm giữa hai điều ấy với thực tế quyền lực.

Phẩm đức và giá trị

"Phẩm đức là lương tâm người trí thức không vào con đường phản chính nghĩa, phản động, không làm tay sai cho ác thế lực.

Giá trị là khả năng người trí thức, phải có cái biết có thể biến thành quyền lực, bởi vì khi dấn thân vào thực tế tàn nhẫn, khả năng là điều kiện không thể thiếu được."

Đây là đoạn "xương sống" của sách: trí thức không chỉ cần sạch, mà còn phải hữu hiệu; không chỉ cần đúng, mà còn phải đủ năng lực để cái đúng có sức sống trong đời.

Tôn trọng học vấn là căn bản xây dựng đất nước

"Chuộng sự học vấn, tôn trọng người đọc sách là căn bản xây dựng đất nước. Trường học bao giờ cũng là cơ sở của chính trị."

Giá trị thời cuộc: khi trường học suy đồi, chính trị sớm muộn cũng suy đồi; khi giáo dục chỉ đào tạo kỹ năng kiếm sống mà không đào tạo nhân cách công dân, quốc gia mất nền móng tinh thần.

Quan hệ trí thức và chính quyền quyết định hưng suy

"Chính quyền với phần tử trí thức hợp tác tất quốc gia hưng thịnh, ổn định.

Chính quyền với phần tử trí thức mâu thuẫn tất quốc gia suy vong, bạc nhược."

Đây là đoạn có giá trị cảnh báo mạnh nhất: một chính quyền sợ trí thức, làm nhục trí thức, hoặc biến trí thức thành công cụ tuyên truyền thì tự cắt đứt khả năng tự sửa sai của mình.

"Phần tử trí thức là phần tử tiên phong cho công cuộc tìm một xuất lộ. Trong sứ mạng ấy, người trí thức chắc chắn sẽ bị ghét bỏ, đầy ải, thù hận đổ sát."

Câu này làm rõ "thân phận" trong nhan đề: trí thức chân chính không chỉ là người biết, mà là người phải trả giá cho cái biết khi cái

biết ấy đụng vào quyền lực, sự giả trá và thói an phận của số đông.

1.1. Khát vọng "trị quốc bình thiên hạ" và ảo vọng của tầng lớp trí thức trong cấu trúc phong kiến

Tôi thường mường tượng về hình ảnh những "kẻ sĩ" thời xưa, áo vải giày rơm, ôm trong ngực một bầu máu nóng và kinh luân vạn quyển, rảo bước vào đời với lời thề "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Nho đạo truyền thống đã hun đúc cho họ một sứ mạng vô cùng lớn lao: làm người giáo hóa quốc dân, mang trách nhiệm tâm cực lớn phấn đấu cho lợi ích bình dân và bảo vệ giang sơn. Trong lý tưởng thuần khiết ấy, học vấn là thứ công cụ thiêng liêng nhất để kiến tạo hạnh phúc cho con người, đến mức người xưa vẫn tự hào rằng ở những đất nước văn hiến, ngay cả "cường đạo cũng không xâm phạm người đọc sách".

Thế nhưng, lịch sử chưa bao giờ là một bức tranh toàn bích. Hãy nhìn về bến Mịch La sương khói hàng ngàn năm trước, nơi Khuất Nguyên vò võ ngắm nhìn giang sơn nước Sở đang trên đà diệt vong. Ông ôm đá gieo mình xuống dòng nước xiết không phải để tìm kiếm một sự giải thoát hèn nhát, mà cái chết ấy là một sự phản kháng tột cùng đối với sự tà ác và đám gian nịnh đang làm lũng đoạn triều đình. Bi kịch của Khuất Nguyên là lời cảnh báo đầu tiên, một khúc vĩ thanh buồn bã cho ảo vọng của những trí thức ngây thơ tin rằng chỉ cần một tấm lòng son là đủ để xoay chuyển cỗ máy quyền lực khổng lồ vô cảm.

1.2. Nỗi đau của "Thượng khuynh tính": Khi ngòi bút độc lập buộc phải cúi đầu

Tôi xin chia sẻ với bạn 9 đoạn trích mang sức nặng của những "lời tiên tri" về nghiệp cầm bút, được tôi chắt lọc từ những trang viết đầy ưu hoạn của Vũ Tài Lục. Những dòng này không chỉ là lời tự sự về nghề nghiệp, mà còn là bản tuyên ngôn về sự hiện diện của trí thức giữa dòng đời bão táp.

a. **Về thiên chức thiêng liêng:** Nghiệp cầm bút trong nhãn quan của tôi không đơn thuần là một cái nghề để mưu sinh, mà là một "thiên chức" (vocation) tối thượng. Người cầm bút mang trên vai sứ mạng đánh thức những lương tri đang ngủ quên và phản ánh một cách trung thực nhất hơi thở của thời đại.
b. **Về cái giá của sự độc lập:** Tôi nhận ra rằng trong hành trình đi tìm chân lý, người viết lách thường phải đối mặt với sự cô đơn tuyệt đối. Đây chính là cái giá nghiệt ngã nhưng tất yếu

để giữ vững tư duy độc lập, giúp ta không bị cuốn theo những dòng thác dư luận nhất thời hay những áp lực từ quyền lực.

c. **Về sức mạnh vô song của ngôn từ:** Một ngòi bút chân chính có thể mạnh hơn gươm giáo, có khả năng lay chuyển nhận thức của cả một thế hệ. Tuy nhiên, quyền năng ấy cũng chính là một gánh nặng tâm linh đè nặng lên vai người tạo ra nó, đòi hỏi một trách nhiệm đạo đức vô cùng lớn lao.
d. **Sứ mạng của sự phê phán:** Tôi luôn tâm niệm rằng "trí thức có sứ mạng đi tìm chân lý và phê phán" (*L'intellectuel a mission de chercher la vérité et de juger*). Chính vì thực hiện sứ mạng này mà người cầm bút thường bị bạc đãi, thậm chí là bị "đổ sát" bởi những kẻ cầm quyền vốn không bao giờ hài lòng với sự thật.
e. **Nỗi trăn trở trước nỗi đau đồng loại:** Nghiệp cầm bút gắn liền với những đêm trắng trăn trở trước những biến động của xã hội. Một người trí thức không được phép thờ ơ trước nỗi đau của đồng loại; ngòi bút của họ phải là tiếng lòng kết tinh từ những quan sát đau đáu và sự thấu cảm tận cùng.
f. **Khí tiết và sự thuần khiết của trang viết:** Phẩm chất quan trọng nhất của người cầm bút là lòng tự trọng và tư cách sĩ phu. Ta phải biết khước từ những cám dỗ vật chất hay danh lợi để bảo vệ tính thuần khiết của trang viết; bởi một khi ngòi bút đã bị bẻ cong vì lợi ích, tư cách trí thức cũng sẽ tan biến theo.
g. **Sáng tạo là kết quả của sự dấn thân:** Chữ nghĩa không bao giờ từ trên trời rơi xuống mà là kết quả của một quá trình dấn thân quyết liệt. Nghiệp cầm bút đòi hỏi chúng ta phải sống sâu, đi nhiều và dám đối diện trực diện với những mặt trái tàn nhẫn nhất của cuộc đời để có được chất liệu thực tế sống động.
h. **Chiếc cầu nối văn hóa:** Tôi nhìn nhận nghiệp cầm bút như một sợi dây nối liền quá khứ và tương lai. Người cầm bút không chỉ viết cho hiện tại mà còn mang trọng trách gìn giữ và phát huy những giá trị tinh hoa, những "di sản tâm hồn" của dân tộc thông qua ngôn ngữ.
i. **Định mệnh về một nghiệp chướng cao quý:** Cầm bút là một "nghiệp chướng" nhưng là một nghiệp chướng cao quý. Dù con đường này đầy rẫy gian truân và bi kịch, nhưng nếu được chọn lại, tôi tin rằng người trí thức vẫn sẽ chọn con

đường trải lòng trên mặt giấy, vì đó là cách duy nhất ta cảm thấy mình đang thực sự hiện hữu và có ích cho nhân gian.

Những đoạn trích này chính là "trục giá trị" để tôi tự soi rọi lại mình mỗi khi đứng trước ranh giới của trang giấy trắng và thực tại khắc nghiệt. Chúng nhắc nhở tôi rằng, ngòi bút chỉ thực sự có linh hồn khi nó được viết bằng máu của sự dấn thân và nước mắt của lòng trắc ẩn.

Tôi gọi đó là vết thương rỉ máu của căn tính. Để hiện thực hóa khát vọng trị quốc, người trí thức nhận ra họ không thể đứng ngoài rìa xã hội. Họ mắc phải một căn bệnh trầm kha mà lịch sử gọi là "thượng khuynh tính" – tức là sự chăm chú, khao khát tranh giành tước vị. Để với tới quyền bính, để tiếng nói của mình có trọng lượng, ngòi bút độc lập tự do thủa nào buộc phải uốn cong, phải dựa dẫm vào bọn đạt quan quý nhân, vào các thế lực hào môn cường quyền làm bước thang tiến thân.

Và khi đã bước chân vào chốn quan trường, văn chương chữ nghĩa của họ lắm khi chỉ còn là thứ công cụ tô điểm cho quyền lực. Nỗi xót xa của sự tha hóa này từng bị bật thành tiếng cười gằn cay đắng của đại thi hào Tô Đông Pha[3]. Sau nhiều lần bị giáng chức và lưu đày chỉ vì những cuộc tranh chấp phe phái bẩn thỉu, ông đã làm bài thơ về con mình: *"Nhân gia dưỡng tử yêu thông minh, Ngã bị thông minh ngộ nhất sinh. Đản nguyện sinh nhi ngu thả lỗ, Vô tai vô nạn đáo công khanh."* (Người ta nuôi con mong thông minh / Ta bị thông minh làm lầm lỡ cả đời / Chỉ mong sinh con ra ngu đần, thô lỗ / Không tai nạn gì mà vẫn làm đến công khanh).

Có nỗi đau nào hơn lời tự trào của một bậc đại trí thức khi nhận ra trí tuệ và sự tỉnh táo lại chính là bản án chung thân giam cầm cuộc đời mình?

1.3. Văn tự ngục: Máu và nước mắt của những người cầm bút

Và khi ngòi bút ấy không chịu uốn cong, nó buộc phải gãy. Sự dằn vặt của tôi lên đến đỉnh điểm khi lật lại những trang sử đẫm máu của "văn tự ngục" – những bản án giết người chỉ vì văn chương, chữ nghĩa. Các chính trị gia dã tâm luôn coi phần tử trí thức là một mối đe dọa tiềm tàng; một mặt họ triệt để lợi dụng trí thức để xây dựng thể chế, mặt khác lại tàn nhẫn bức hại hòng dập tắt mọi tư tưởng phản kháng.

Từ thảm kịch Tần Thủy Hoàng hạ lệnh "đốt sách chôn nho" nhằm dùng vũ lực khống chế tư tưởng và xóa bỏ triệt để thái độ

độc lập, tự do của trí thức thời Chiến Quốc , đến những án chém đầu tru di tam tộc chỉ vì một vần thơ lỡ phạm húy. Người cầm bút đứng trước cường quyền chẳng khác nào con kiến nhỏ nhoi. Họ dám nói lên sự thật, dám phơi bày nỗi thống khổ của nhân sinh, để rồi phải trả giá bằng chính sinh mạng và máu đào của mình. Lịch sử đã lấy máu của họ để viết lên những trang bi tráng nhất về phẩm giá con người.

1.4. Quyền lực là phương tiện hành đạo hay hố đen cám dỗ?

Đứng trước sự tàn khốc ấy, tôi tự hỏi: Quyền lực rốt cuộc là phương tiện để thực thi đạo lý, hay chỉ là một hố đen nuốt chửng nhân tính? Sự thực, trong môi trường chính trị, một người hoàn toàn quang minh chính đại nếu sống giữa đám xảo quyệt thì sớm muộn cũng sẽ bị tiêu diệt. Người trí thức dấn thân không thể chỉ mang theo sự ngây thơ của sách vở.

Tuy nhiên, giữa vũng lầy của quyền thuật, vẫn có những ngọn hải đăng tỏa sáng về một góc nhìn nhân bản. Lịch sử Tam Quốc ghi lại rằng Gia Cát Lượng, vị thừa tướng vang danh thiên cổ, đã dùng chính sự thấu cảm để cai trị Tây Xuyên. Khi có người trách ông chỉ ham công tiếc thưởng, ông đã hiên ngang đáp rằng trị thiên hạ phải lấy "đại đức" làm căn bản, chứ không dùng thứ "tiểu huệ" ban phát vụn vặt để mua chuộc lòng người. Ông hiểu rằng, quyền lực chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó được đặt trên nền tảng của lòng nhân từ, không vì người mà nặng nhẹ. Đó là sự giằng xé để giữ cho quyền lực mãi mãi là phương tiện hành đạo, chứ không biến thành mục đích tự thân.

1.5. Ám ảnh về sự ổn định: Lời giải phẫu từ Vương Hỗ Ninh

Tại sao cỗ máy nhà nước lại mang xu hướng nghiền nát những ý kiến khác biệt? Tôi tìm thấy một lời giải phẫu sắc lạnh đến rùng mình qua tư tưởng của Vương Hỗ Ninh về trật tự xã hội Trung Hoa. Xét đến cùng, nhà nước luôn được kiến tạo như một công cụ thống trị của một giai cấp, bao gồm cả các cơ chế cưỡng chế và bạo lực có tổ chức.

Tác giả Vương Hỗ Ninh chỉ ra rằng, đối với một quốc gia phương Đông lớn lao, khát vọng "trường trị cửu an" (trị vì lâu dài, bình yên mãi mãi) luôn là nỗi ám ảnh lớn nhất. Trong nhãn quan ấy, ổn định xã hội được đẩy lên thành một giá trị tuyệt đối tối thượng. Ổn định được coi là tiền đề duy nhất cho sự tồn tại của quốc gia, là bối cảnh duy nhất mà mọi quyền lợi cá nhân có thể nương tựa. Logic này dẫn đến một mệnh đề nghiệt ngã: mọi cá

nhân phải tuyệt đối phục tùng sự ổn định, và bất kỳ thứ gì đe dọa đến trật tự ấy – dù là tự do tư tưởng, lý tưởng cá nhân, hay sự thật – đều có thể bị hi sinh. Để kiểm soát sự hỗn loạn trong thời kỳ chuyển đổi, quyền lực nhà nước buộc phải duy trì một thể chế chính trị thống nhất và thiết lập các trật tự khắt khe. Nhìn thấu điều này, tôi càng xót xa cho thân phận kẻ sĩ. Ngòi bút của họ, vốn sinh ra để hoài nghi và phản biện, lại nghiễm nhiên trở thành hạt sạn trong cỗ máy khổng lồ đang chạy đua tới sự "ổn định tuyệt đối". Bi kịch căn tính của trí thức muôn đời vẫn vậy: khao khát cống hiến cho đất nước, nhưng lại luôn phải chảy máu để bảo vệ phần "người" trước vòng quay tàn nhẫn của lịch sử.

Phân tích hệ giá trị phẩm đức và thân phận trí thức qua nhãn quan chính trị Vũ Tài Lục:

Sự hiện diện của trí thức trong cấu trúc quyền lực và dòng chảy lịch sử luôn là một đề tài gây tranh cãi, đòi hỏi một sự mổ xẻ khách quan và đa chiều. Trong tác phẩm "Thân phận trí thức dưới nhãn quan chính trị", Vũ Tài Lục không tiếp cận trí thức như một tầng lớp tách biệt trong tháp ngà của lý thuyết, mà ông đặt họ vào tâm điểm của những cơn lốc chính trị, nơi các giá trị đạo đức và quy luật sinh tồn va đập dữ dội. Chương một của tác phẩm này, với tiêu đề "Phẩm Đức", không đơn thuần là một bản liệt kê các đức tính cần thiết, mà là một cuộc "giải phẫu đồ sộ" vào các tầng sâu của lịch sử để bóc trần những huyễn hoặc về số phận và quyền lực. Qua việc phân tích chín đoạn trích mang tính chân lý thời cuộc dưới đây, chúng ta sẽ thấy rõ một hệ sinh thái tư tưởng nhất quán, nơi mà phẩm đức của người trí thức được định nghĩa lại bằng sự kết hợp giữa lý tưởng nhân văn và tính thực dụng chính trị.

a. Nghịch lý của sự quang minh giữa môi trường sảo quyệt

Đoạn trích đầu tiên mang tính nền tảng cho toàn bộ nhãn quan chính trị của Vũ Tài Lục, một sự kế thừa trực tiếp từ tư duy hiện thực luận của **Machiavelli**[4]: *"Một người hoàn toàn quang minh chính đại sống ở giữa đám sảo quyệt, người ấy chẳng chóng thì chầy sẽ bị đám kia tiêu diệt"*. Đây không phải là một lời bi quan hay cổ xúy cho sự tha hóa, mà là một sự cảnh tỉnh nghiệt ngã về quy luật đào thải trong môi trường chính trị.

Dưới góc nhìn của Vũ Tài Lục, *"quang minh chính đại"* là một phẩm đức cao quý, nhưng nếu nó tồn tại đơn lẻ mà thiếu đi sự

hiểu biết về bản chất của quyền lực và các thủ đoạn chính trị, nó sẽ trở thành một gót chân Achilles. Người trí thức thường mắc sai lầm khi tin rằng sự thiện lương tự thân sẽ bảo vệ họ trước những âm mưu. Tuy nhiên, thực tế lịch sử cho thấy những người nắm giữ quyền lực thường vận hành dựa trên các quy luật sinh tồn tàn khốc, nơi sự sảo quyệt là một công cụ để duy trì vị thế.

Giá trị thời cuộc của chân lý này nằm ở việc xác lập một tâm thế mới cho trí thức hiện đại: *không thể dùng các tiêu chuẩn đạo đức của cá nhân để đo lường các hành động chính trị mang tính tập thể hoặc chiến lược.* Để thực hiện được những lý tưởng quang minh, người trí thức trước hết phải sống sót, và để sống sót, họ buộc phải thấu hiểu — nếu không muốn nói là tinh thông — các cơ chế của sự sảo quyệt để phòng vệ. Sự "quang minh" trong nhãn quan này phải là một sự lựa chọn có ý thức sau khi đã thấu thị bóng tối, chứ không phải là sự ngây thơ thiếu hiểu biết.

[illegible] chính trị

[illegible] định then chốt.

[illegible]

[illegible] nghiệt.

a. Mô hình song hành giữa Đạo lý và Thực dụng (Luận Ngữ và Bàn Tính)

Đoạn trích thứ hai bổ sung một nội dung cực kỳ quan trọng, lấy cảm hứng từ triết lý của nhà tài phiệt Nhật Bản ***Shibusawa Eiichi*** [5]: "Tay trái cầm quyền Luận Ngữ thì tay mặt phải có cái bàn tính". Vũ Tài Lục sử dụng hình ảnh này để phá vỡ sự phân cực truyền thống giữa "người có chữ" và "người có tiền", giữa lý tưởng và lợi ích.

Trong quan niệm cũ, người trí thức (kẻ sĩ) thường coi khinh việc tính toán lợi ích, xem đó là điều sỉ nhục đối với phẩm đức "thanh cao". Tuy nhiên, Vũ Tài Lục chỉ ra rằng sự làm giàu hợp với đạo lý không có gì đáng sỉ nhục; trái lại, nó là nguồn lực để hiện thực hóa các giá trị nhân văn. "Luận Ngữ" đại diện cho hệ thống giá trị đạo đức Khổng giáo, là cái "neo" về tâm hồn; trong khi "Cái bàn tính" đại diện cho tư duy định lượng, khoa học quản trị và hiệu quả kinh tế.

Sự kết hợp này là một chân lý thời cuộc cho quá trình phát

triển quốc gia. Một xã hội chỉ có những nhà đạo đức học không biết tính toán sẽ rơi vào nghèo đói và lạc hậu; ngược lại, một xã hội chỉ có những người cầm bàn tính mà thiếu đi Luận Ngữ sẽ trở nên tàn nhẫn và mất phương hướng. Trí thức dưới nhãn quan này phải là người biết dùng "bàn tính" để phụng sự cho những lý tưởng trong "Luận Ngữ", tạo ra cái gọi là "giàu thanh cao" — một trạng thái thịnh vượng có giá trị cống hiến lớn lao cho sự tiến bộ của nhân loại.

a. Bản chất của tri thức là sự cải tạo và lợi dụng hoàn cảnh

Trong Chương 1, Vũ Tài Lục định nghĩa về công việc của trí thức một cách đầy tính hành động: "Là sự tích lũy, gọt dũa từ đời này qua đời khác những hiểu biết để hoàn thành công việc chống đối, cải tạo và lợi dụng hoàn cảnh vậy". Đây là một định nghĩa mang tính "giải ảo", đưa trí thức ra khỏi vị thế của những người quan sát thụ động.

Cụm từ "chống đối, cải tạo và lợi dụng" chứa đựng một triết lý về sự tồn tại tích cực:

> **Chống đối**: Không phải là sự phản kháng mù quáng, mà là sự từ chối chấp nhận những gì lỗi thời, bất công và kìm hãm sự phát triển.
>
> **Cải tạo**: Là năng lực sáng tạo, tìm tòi và xây đắp văn hóa để biến đổi thực tại theo hướng tốt đẹp hơn.
>
> **Lợi dụng hoàn cảnh**: Đây là điểm thực dụng sắc sảo nhất. Người trí thức không chờ đợi một môi trường hoàn hảo để hành động; họ phải biết dùng chính những điều kiện sẵn có, thậm chí là những nghịch cảnh, để làm bàn đạp cho sự chuyển mình.

Chân lý này khẳng định rằng phẩm đức trí thức không nằm ở việc giữ cho mình sạch sẽ trong sự bất lực, mà nằm ở hiệu quả của việc can thiệp vào tiến trình lịch sử. Trí thức là người trực tiếp đảm nhiệm công việc xây đắp văn hóa thông qua việc không ngừng gọt dũa hiểu biết để thích ứng và chế ngự hoàn cảnh.

a. Định mệnh ưu hoạn của người "biết chữ"

Đoạn trích thứ tư nhắc lại nỗi ám ảnh lịch sử của giới trí thức qua câu nói của **Tô Đông Pha**[6]: "Cổ kim thức tự đa ưu hoạn" (Người trí thức xưa nay vốn nhiều hoạn nạn). Vũ Tài Lục không nhìn nhận đây như một lời than thân trách phận, mà như một quy luật tất yếu của sự thức tỉnh.

Sự "ưu hoạn" (lo lắng và hoạn nạn) phát sinh từ chính năng lực của trí thức: khả năng nhìn thấy những điều mà người khác không thấy, và trách nhiệm phải lên tiếng về những điều đó. Nguyễn Trãi, một biểu tượng của trí thức Việt Nam, là minh chứng sống động nhất cho chân lý này. Khi một người có tri thức sâu sắc về đạo đức và chính trị, họ không thể đồng lõa với sự sai lầm. Sự xung đột giữa cái nhìn thấu thị của trí thức và sự mù quáng hoặc tư lợi của quyền lực chính là nguồn cơn của mọi bi kịch.

Thời cuộc hôm nay vẫn chứng kiến chân lý này: *những trí thức chân chính thường là những người cô đơn nhất vì họ mang gánh nặng của sự tiên tri và phản biện.* Tuy nhiên, theo Vũ Tài Lục, chính nỗi ưu hoạn này lại là bằng chứng cho phẩm đức của họ. Một người trí thức không biết ưu hoạn trước vận mệnh quốc gia hay sự suy đồi xã hội thì chỉ là một chuyên gia kỹ thuật thuần túy, thiếu đi linh hồn của một kẻ sĩ.

a. Sự vận động không ngừng của mưu lược và trí tuệ

Vũ Tài Lục đưa ra một nhận định sâu sắc về hệ thống chiến lược phương Đông trong Chương 1: "Hệ thống 'Tam thập lục kế' (36 kế) không phải là một danh sách đóng khung tĩnh lặng, mà con số 36 ('thái dương chi số lục lục') là một con số vận động". Điều này bổ sung vào phẩm đức trí thức một yếu tố quan trọng: tính linh hoạt và sự nhạy bén với thời cuộc.

Con số 36 được giải thích qua LaTeX là hệ quả của 6×6, tượng trưng cho sự biến hóa cực độ của âm dương. Người trí thức nếu chỉ nắm giữ những nguyên lý cứng nhắc sẽ bị nghiền nát bởi bánh xe lịch sử. Phẩm đức ở đây không phải là sự cố chấp vào các giáo điều, mà là khả năng vận dụng trí tuệ để xoay chuyển tình thế trong sự biến thiên không ngừng của các mối quan hệ quyền lực.

Trong bối cảnh quốc tế hiện đại, nơi các liên minh chính trị và kinh tế thay đổi liên tục, chân lý về sự "vận động" của mưu lược giúp trí thức thoát khỏi những cái bẫy tư duy nhị nguyên (đúng/sai, bạn/thù). Trí tuệ của người trí thức phải đạt đến độ "vận động" như thái dương, luôn tìm thấy điểm cân bằng mới trong sự

hỗn loạn, từ đó dẫn dắt xã hội đi qua những khúc quanh của lịch sử.

a. Bản lĩnh lắng nghe và sự hạn chế của tiềm lực trí thức

Đoạn trích thứ sáu tập trung vào mối quan hệ giữa trí thức và quyền lực, nhấn mạnh vào sự thiếu hụt bản lĩnh của cấp quản lý: "Chính vì thiếu một bản lĩnh cần thiết để mạnh dạn sử dụng và phát huy tiềm lực trí thức... không dám lắng nghe và không biết lắng nghe những ý kiến đóng góp tâm huyết và trung thực".

Đây là một chân lý mang tính phê phán xã hội sâu sắc. Vũ Tài Lục chỉ ra rằng phẩm đức của trí thức (sự trung thực, tâm huyết) thường bị triệt tiêu bởi sự yếu hèn hoặc kiêu ngạo của những người nắm quyền. Khi một hệ thống không có "bản lĩnh để lắng nghe", tiềm lực trí thức sẽ bị đóng băng hoặc bị đẩy sang phía đối lập.

Giá trị thời cuộc của đoạn trích này nằm ở việc nhắc nhở rằng: sự phát triển của một quốc gia không chỉ phụ thuộc vào số lượng trí thức mà còn phụ thuộc vào khả năng hấp thụ tri thức của hệ thống chính trị. Người trí thức chân chính luôn sẵn lòng đóng góp, nhưng nếu môi trường thiếu đi sự lắng nghe, họ sẽ rơi vào thân phận của những "người thừa" hoặc những kẻ lưu vong trên chính quê hương mình. Phẩm đức của người trí thức lúc này chính là sự kiên trì trong việc duy trì sự trung thực, dù phải đối mặt với sự im lặng hay đàn áp.

a. Giá trị của "Giàu thanh cao" đối với tiến bộ nhân loại

Vũ Tài Lục khẳng định trong các phân tích về phẩm đức rằng: *"Sự làm giàu hợp với đạo lý không có gì đáng sỉ nhục. Ngược lại, 'giàu thanh cao' có giá trị cống hiến cho sự tiến bộ của nhân loại lớn lao hơn"*. Chân lý này trực tiếp bổ sung nội dung vào Chương 1 để định hình lại hệ giá trị của trí thức trong xã hội hiện đại.

"Giàu thanh cao" là khái niệm kết hợp giữa tài năng cá nhân, sự nhạy bén kinh tế và một nền tảng đạo đức vững chắc. Khi một trí thức có được sự tự chủ về vật chất, họ có được một tấm khiên bảo vệ cho sự độc lập về tư tưởng. Một người trí thức nghèo khổ dễ bị khuất phục bởi miếng cơm manh áo, nhưng một trí thức "giàu thanh cao" có đủ nguồn lực để triển khai những dự án thay đổi cộng đồng và không phải quỵ lụy trước những áp lực tài chính từ quyền lực.

Sự cống hiến của họ "lớn lao hơn" vì nó mang tính bền vững và có sức lan tỏa thực tế. Thay vì chỉ đưa ra những lời khuyên, họ có thể kiến tạo các thiết chế, doanh nghiệp và các giá trị văn hóa mới dựa trên sức mạnh kinh tế chính đáng của mình. Đây là một bước chuyển từ "kẻ sĩ" truyền thống sang "trí thức hành động" trong thời đại kinh tế tri thức.

Sự khác biệt giữa các hình thái giàu có trong nhãn quan chính trị

[illegible] xã hội phẩm đức

[illegible] xã hội.

[illegible] năng thay đổi thực tại.

[illegible] hiến.

a. Trí thức như một hệ sinh thái tư tưởng nhất quán

Đoạn trích thứ tám nhấn mạnh vào phương pháp luận của Vũ Tài Lục trong việc nhìn nhận thân phận trí thức: "Các tác phẩm không tồn tại như những mảnh ghép rời rạc mà cấu thành một hệ sinh thái tư tưởng nhất quán". Điều này cho thấy phẩm đức của trí thức còn nằm ở tính hệ thống và sự nhất quán trong tư duy.

Một người trí thức không thể hôm nay nói một đằng, mai làm một nẻo theo sự biến đổi của thời cuộc. Sự "nhất quán" này chính là bản lĩnh chính trị. Việc "bóc trần những huyễn hoặc về số phận, đạo đức, và quyền lực" yêu cầu một cái nhìn xuyên suốt qua lịch sử, từ Đông sang Tây, để tìm ra những quy luật chung nhất.

Chân lý này kêu gọi trí thức hiện đại phải xây dựng cho mình một nền tảng triết học vững chắc, tránh việc trở thành những "trí thức sự vụ" — những người chỉ biết giải quyết các vấn đề bề mặt mà không hiểu được các mạch ngầm của quyền lực và văn hóa. Một hệ sinh thái tư tưởng vững mạnh sẽ giúp trí thức không bị cuốn trôi bởi các làn sóng dân túy hay những ý thức hệ nhất thời, giữ vững vai trò là "ngọn hải đăng" cho xã hội.

a. Khả năng vươn lên từ sự tàn khốc của quy luật sinh tồn

Đoạn trích cuối cùng mang đến một thông điệp về hy vọng và sức mạnh: "Phơi bày tính thực dụng, sự tàn khốc của quy luật sinh tồn, cũng như khả năng vươn lên". Vũ Tài Lục không dừng lại ở việc chỉ ra những khó khăn hay bi kịch của thân phận trí thức; ông nhấn mạnh vào "khả năng vươn lên".

Quy luật sinh tồn trong chính trị có thể tàn khốc, nhưng chính trong sự tàn khốc đó, những trí thức có bản lĩnh và phẩm đức sẽ tìm thấy cơ hội để trưởng thành. Việc thấu hiểu "tính thực dụng" không làm họ trở nên thực dụng theo nghĩa xấu, mà giúp họ trang bị những kỹ năng cần thiết để bảo vệ chính mình và dẫn dắt cộng đồng.

Khả năng vươn lên này là một chân lý thời cuộc cho mọi thế hệ trí thức: không bao giờ được phép đầu hàng trước hoàn cảnh. Dù sống trong một môi trường "sảo quyệt" hay bị bao vây bởi sự vô minh, trí thức vẫn có thể tìm thấy con đường để vươn tới ánh sáng, thông qua việc không ngừng học hỏi, thích nghi và sáng tạo. Đây chính là phẩm đức tối hậu của người trí thức — sự kiên cường của ý chí kết hợp với sự sáng suốt của trí tuệ.

a. Về giá trị thời cuộc của "Phẩm Đức" trong nhãn quan Vũ Tài Lục

"Thân phận trí thức dưới nhãn quan chính trị" đã thiết lập một hệ tọa độ mới cho giới trí thức. Thông qua chín chân lý trên, Vũ Tài Lục đã phác họa chân dung một người trí thức hiện đại: không ngây thơ về chính trị, biết cân bằng giữa đạo đức và thực dụng, chấp nhận nỗi ưu hoạn như một phần của sứ mệnh, và luôn không ngừng vận động để cải tạo hoàn cảnh.

Những đoạn trích này không chỉ có giá trị lý thuyết mà còn là những bài học thực tiễn sâu sắc cho bất kỳ ai muốn dấn thân vào con đường tri thức và đóng góp cho xã hội. Trong một thế giới đầy biến động và phức tạp, việc quay trở lại với những giá trị nền tảng này giúp chúng ta định vị lại bản thân, thoát khỏi những ảo tưởng và chuẩn bị một tâm thế vững vàng để đối mặt với mọi thử thách của thời cuộc. Thân phận trí thức có thể đầy rẫy những trắc trở, nhưng dưới nhãn quan chính trị sắc bén, nó cũng chính là con đường vinh quang nhất để con người vươn tới sự tự do và cống hiến thực sự.

CHƯƠNG 2: Quyền thuật, mưu kế và bàn cân “Đạo – Thuật” – Lằn ranh sinh tử

“Thành bại luận anh hùng, nhưng nhân cách mới luận kẻ sĩ.”

---

*"**Tr**ị với **lo**ạ**n** chia ra làm nhiều trình độ đại trị, tiểu trị, đại loạn, tiểu loạn. Đại trị là sự thăng bằng ổn định trên sáu mặt trị bình.*

- Thứ nhất: Trị đạo.

- Thứ hai: Trị thể.

- Thứ ba: Trị học.

- Thứ bốn: Trị tài.

- Thứ năm: Trị thuật.

- Thứ sáu: Trị phong.

Sáu mặt trị bình nói trên có hai mặt căn bản là trị đạo và trị thuật. Và căn cứ vào chứng nghiệm lịch sử cổ nhân rút ra định lý sau đây:

*- Được cả **đạ**o lẫn **thu**ậ**t** tất đại trị. (đắc kỳ đạo hựu đắc kỳ thuật tắc đại trị).*

- Được thuật nhưng sơ hở về đạo có thể tạm yên.(đắc kỳ thuật nhi lược kỳ đạo tắc tiểu khang).

*- Nếu mất cả **thu**ậ**t** lẫn **đạ**o thì đại loạn. (Duy thất kỳ thuật hựu thất kỳ đại tắc đại loạn).*

*Định lý trên chỉ nói đến **thu**ậ**t** đứng một mình mà không nói đến **đạ**o đứng một mình. Như thế **thu**ậ**t** có khả năng đơn độc giải quyết chính trị, còn đạo không có khả năng đơn độc giải quyết. **Đạ**o thiếu thuật sẽ thành ra một loại không tưởng Chính trị xưa và nay đều được tiến hành bằng sức mạnh và mưu mẹo. Nhưng sức mạnh phải được biến thành quyền lực, nếu không, sức mạnh chỉ là những gì tàn nhẫn, thô bạo và man rợ. Sức mạnh ví như quặng và quyền lực là luyện kim, bởi vậy nên sức mạnh bộc lộ, còn quyền lực thì huyền diệu. Dĩ nhiên không có quyền lực nào lại không chứa đựng sức mạnh cũng như không có luyện kim nào lại không lọc từ quặng ra, cho nên không thể quan niệm sức mạnh (force) với quyền lực (puissance) như hai điều tương phản (notions antithétiques), trái lại quyền lực là sức mạnh đã được biến chế bằng tư tưởng, bằng trí thức. Quyền lực là sức mạnh đã thăng hoa. Và mưu mẹo phải được biến thành thủ đoạn nghĩa là không lừa lọc, gian xảo vặt vãnh. Thủ đoạn là mưu mẹo đã được tôi luyện bằng mẫn đạt (l'intelligence) và quyền uy (authorité). Thủ đoạn là mưu mẹo đã thăng hoa. Sức mạnh dựa vào thủ đoạn để thăng hoa. Thủ đoạn dựa vào sức mạnh để bền vững" – Trích lời kết cuốn sách "Thủ đoạn chính trị" – Vũ Tài Lục (1968)*

2.1. Quyền thuật không phải là sự vô luân, mà là nghệ thuật sinh tồn bắt buộc giữa bầy sói

*"Tự cổ xưa học thuật phương Đông đã đặt nặng vấn đề biết: "**Tri vi tam đạt đức chi th**ủ" **(sự biết đứng đầu c**ả **ba đạt đức)**. Chỉ có nắm được vững vàng sự biết thì mới dành được cái thế độc vãng độc*

lai (dịch hệ từ) có nghĩa là làm mưa làm gió. Trang Tử bảo: "Tri xuất hồ tranh". Bởi đấu tranh nên cần phải biết, có biết mới thắng. Tri kỷ tri bỉ bách chiến bách thắng. Chính trị theo nghĩa của chữ policy của giống ***Anglo Saxons*** *[7]là quan niệm và chương trình hành động của một cá nhân, một đoàn thể hay một chính trị thì sự biết kia lại càng là vấn đề sinh tử. Thợ nào được thì ăn cơm vua*

Đơn giản như câu hát vui của bày trẻ nhỏ chơi trò kéo cưa lừa xẻ. "Thợ nào được thì ăn cơm vua. Thợ nào thua thì về bú tí..." Đơn giản như bài thơ ngụ ngôn La Fontaine nói về phần con sư tử. Chính trị là một luật tắc duy nhất hiệu quả (efficacité) không phải kẻ tốt là kẻ thắng mà là kẻ khoẻ, kẻ giỏi, kẻ khôn khéo mới là kẻ thắng. Những người lọai trên không bao giờ được tha thứ, họ sẽ bị đưa vào tòa án Nuremberg để nghe bản án treo cổ, họ sẽ như Tô Tần về nhà, vợ dọn cho bát cơm nguội với quả cà thiu. Cái cười của chàng ***Chiêu Lì Phạm Thái*** *[8]với lời nói ngạo nghễ: "Ha ha chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy hai mắt mỹ nhân," chỉ là cái cười tiểu thuyết. Hiệu quả của chính trị là đọat được quyền lực, duy trì và mở rộng quyền lực. Người ta không thể nói: Tất cả sự thành công của chính trị đều tốt lành. Nhưng người ta có thể nói: tất cả những chính trị muốn tốt lành thì phải đưa dẫn đến thành công. Đành rằng thành công không tuyệt đối thánh thiện hóa được hết thảy tuy nhiên thất bại lúc nào cũng như lúc nào là tội ác xấu*

xa." – Trích_ Vũ Tài Lục (1968)

Trong những ngày nghiên cứu về thời kỳ Tam Quốc hay những biến động chính trị mà Vũ Tài Lục đã dày công khảo cứu, tôi nhận ra một sự thật cay đắng: chính trường không phải là nơi dành cho những tâm hồn ngây thơ. Nhiều người trong chúng ta thường nhìn nhận "Quyền thuật" như một thứ gì đó bẩn thỉu, vô luân. Nhưng khi đặt mình vào vị thế của những người chèo lái vận mệnh dân tộc giữa muôn trùng vây hãm, tôi thấu hiểu rằng Quyền thuật, trước hết, là nghệ thuật sinh tồn.

Hãy nhìn vào cách Tào Tháo "phụng Thiên tử để lệnh chư hầu". Đó là sự vô đạo hay là một nước cờ chính trị thiên tài để vãn hồi một trật tự đang tan rã? Giữa một thời đại mà bầy sói đang xâu xé miếng mồi thiên hạ, một người chỉ biết ôm giữ những giáo điều đạo đức khô cứng sẽ sớm trở thành nạn nhân. Quyền thuật chính là tấm khiên giúp người cầm quyền giữ lại được sự sống cho quốc gia trước khi nghĩ đến việc thực thi lý tưởng. Nó không phải là mục đích, mà là phương tiện. Nhưng, bi kịch bắt đầu khi người ta quên mất ranh giới giữa "sinh tồn" và "thao túng", giữa "bảo vệ" và

"hủy diệt".

2.2. Giải mã những mưu kế kinh điển: Phơi bày tâm lý học của sự lừa dối và thao túng trong lịch sử

Lịch sử chính trị là một bảo tàng khổng lồ của sự lừa dối. Khi tôi đọc về các mưu kế như "Ám độ trần sương" hay "Mượn đao giết người", tôi không nhìn thấy những chiến tích lẫy lừng, mà nhìn thấy sự vỡ vụn của niềm tin giữa người với người. Mưu kế, về bản chất, là sự lợi dụng những kẽ hở trong tâm lý đối phương: nỗi sợ hãi, lòng tham, và cả sự kiêu ngạo.

Sự thao túng bắt đầu từ việc nắm bắt được cái "gân" của nhân tâm. Một quân sư giỏi không chỉ là người giỏi tính toán quân lương, mà là người đọc được sự hoài nghi trong mắt đối thủ. Trong lịch sử, không thiếu những kẻ dùng văn chương, dùng lời lẽ nhân nghĩa để "vây bủa" tâm trí người khác. Đó là một loại bạo lực thầm lặng, còn tàn khốc hơn cả gươm giáo. Là một người cầm bút, tôi rùng mình khi nhận ra rằng ngôn từ cũng có thể trở thành một loại "mưu kế" tinh vi, nếu nó không được soi sáng bởi ánh sáng của sự thật và lòng trắc ẩn. Đây là **10 trích đoạn hay và có giá trị nhất** trong *Mưu Kế Chính Trị*. Tôi chọn những đoạn có sức khái quát về **mưu trí, quyền lực, thời thế, hiệu quả chính trị và cái giá của sự ngây thơ trong chính trị**:

a. Lịch sử chính trị được tạo bằng sức mạnh và mưu trí

“Lịch sử chính trị được tạo thành bằng sức mạnh và mưu trí.”

Đây là câu mở rất mạnh: Vũ Tài Lục đặt chính trị trong thế giới hiện thực, nơi đạo lý chỉ có hiệu quả khi đi cùng năng lực tổ chức, sức mạnh và trí lược.

a. Thành công chính trị không chỉ do sức mạnh

“Hết thảy mọi thành công trên chính trị trong lịch sử đã đã qua cũng như trong lịch sử hiện đại đều là sự thành công của mưu trí.”

Câu này cho thấy trọng tâm của sách: quyền lực thô chưa đủ; muốn đi xa phải biết tính toán, xoay thế, tạo thế và dùng thế.

a. Mưu trí không chỉ là gian trá

“Mưu trí quan trọng đối với chính trị và sinh hoạt xã như vậy. Nhưng tìm trong kho tàng sách vở, người ta không hề thấy một pho sách nào luận riêng về mưu trí hay mưu kế để dẫn tiến

phương tiện kĩ thuật.”

Đoạn này đáng chú ý vì tác giả muốn phục hồi “mưu kế” như một đối tượng nghiên cứu nghiêm túc, không chỉ là chuyện gian hùng hay tiểu xảo.

a. Vô vọng với chính trị sinh ra ảo tưởng đạo đức

“Đó là một thái độ chính trị tuyệt vọng của những người không còn sức tranh đấu, không còn đất đấu tranh.”

Vũ Tài Lục phê phán thứ chính trị lánh đời, chỉ mơ “vương đạo” nhưng không còn năng lực đối diện thực tế quyền lực.

a. Ba thay thế căn bản trong chính trị

“Tới họ, tính chất của chính trị là:
Thiện ý thay cho thống trị.
Quang minh thay cho sách lược.
Chân lý thay cho quyền lực.”

Đây là một đoạn rất sắc. Tác giả mỉa mai thứ chính trị tưởng rằng thiện ý, quang minh và chân lý tự nó đủ thắng, trong khi thực tế chính trị còn cần tổ chức, lực lượng và sách lược.

a. Mưu kế là cách chế ngự sức mạnh

“Cần phải có mưu kế để chế ngự sức mạnh, hướng dẫn sức mạnh đi đúng đường, chiến lược ngoài giao thỏa hiệp có thế cũng có cho thắng lợi.”

Câu này có giá trị lớn: mưu kế không đối lập với sức mạnh, mà là trí tuệ điều khiển sức mạnh để khỏi biến thành bạo lực mù quáng.

a. Sức mạnh cần mưu trí mới thành quyền lực

“Sức mạnh sẽ thăng hoa thành quyền lực nếu có mưu trí để điều khiển sức mạnh đó.”

Một trong những câu hay nhất sách. Nó phân biệt “mạnh” với “có quyền lực”: sức mạnh chỉ là nguyên liệu, mưu trí mới biến nó thành quyền lực chính trị.

a. Mưu độc phải sinh từ tình thế, không phải từ ác tâm

“Mưu độc và quỷ kế phải phát xuất từ nhu yếu của tình thế, vì

tại sự chứ không phải vì ác tâm.”

Đây là đoạn rất “lạnh” nhưng quan trọng. Tác giả không ca ngợi ác độc; ông phân biệt thủ đoạn chính trị như một nhu cầu tình thế với sự tàn nhẫn vì tư thù hay bản tính.

a. Biết cơ hội mới là bản lĩnh chính trị

“Người nào cũng có hai bàn tay, nhưng chỉ rất ít người biết điều khiển. Người nào cũng có cơ hội, nhưng chỉ rất ít người biết nắm cơ hội, lợi dụng cơ hội.”

Đây là câu có giá trị vượt khỏi chính trị. Nó nói về năng lực nhận ra thời cơ: ai cũng sống trong biến động, nhưng không phải ai cũng biết biến biến động thành lợi thế.

a. Trong chính trị, có lúc phải đổi mới để sống

“Trong chính trị có câu nói bất hủ: Đã lỗi đời thì phải rời đời cho thật là nghĩa vậy.”

Câu này cô đọng một quy luật khắc nghiệt: cá nhân, tổ chức, chế độ hay tư tưởng nào không còn hợp thời mà không biết chuyển hóa thì sẽ bị thời cuộc đào thải.

“Mưu Kế Chính Trị” đáng đọc nhất ở chỗ nó không nhìn chính trị bằng cảm xúc đạo đức đơn giản, mà nhìn như một trường tranh đấu của **thế, lực, trí, thời và hiệu quả**.

2.3. Sự day dứt giữa Vương đạo (Lý tưởng nhân nghĩa) và Bá đạo (Thực tiễn tàn khốc)

Đây là lằn ranh khiến tôi trăn trở nhất. Trong tâm khảm mỗi kẻ sĩ luôn có một giấc mơ về "Vương đạo" – nơi nhà cầm quyền dùng đức để trị dân, nơi nhân nghĩa là nền tảng của mọi quyết sách. Nhưng thực tại lại thường là "Bá đạo" – nơi sức mạnh và sự cưỡng bách làm chủ cuộc chơi.

Tôi nhìn thấy sự giằng xé này trong cuộc đời Lưu Bị. Cả đời ông dùng hai chữ "Nhân nghĩa" làm chiêu bài, nhưng đã bao nhiêu lần ông phải ngậm ngùi dùng đến "Thuật" để tồn tại? Sự day dứt ấy cũng chính là nỗi đau của những người trí thức hôm nay. Chúng ta muốn giữ mình thanh sạch, nhưng thế gian lại là một bể khổ đầy rẫy những quy luật nghiệt ngã. Giữa một bên là lý tưởng cao đẹp và một bên là thực tiễn tàn khốc, người cầm bút phải đứng ở đâu? Nếu chọn Vương đạo mà không có thực lực, ta sẽ rơi vào không tưởng. Nếu chọn Bá đạo mà bỏ quên nhân tính, ta sẽ trở thành bạo chúa. Lựa chọn này không bao giờ có đáp án cuối cùng,

nó là một cuộc đấu tranh kéo dài suốt cả một kiếp người.

2.4. Logic chính trị của sức mạnh: Trầm tư về nguyên lý "Nhà nước là công cụ thống trị" và đấu tranh giai cấp

Soi chiếu qua những trang sách "Logic chính trị" của Vương Hỗ Ninh, tôi bắt đầu nhìn thấy cái khung xương lạnh lẽo của trật tự xã hội. Chính trị, suy cho cùng, là sự phân chia quyền lực dựa trên những cuộc đấu tranh giai cấp kh liệt. Nhà nước, theo một nghĩa nào đó, chính là công cụ để duy trì trật tự và kiểm soát sự hỗn loạn.

***Tác giả Vương Hỗ Ninh - Logic Chính Trị* — 10 câu giá trị tôi xin được trích dẫn:**

a. *"Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế."*
b. *"Chính trị là sự đấu tranh giữa các giai cấp."*
c. *"Nhà nước là công cụ thống trị giai cấp."*
d. *"Quyền lực chính trị là quyền lực giai cấp."*
e. *"Chính trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật."*
f. *"Những phát biểu này không tồn tại riêng rẽ, mà liên kết chặt chẽ thành một chỉnh thể logic."*
g. *"Nếu chỉ tách rời từng nguyên lý, coi chúng như những mảnh rời rạc, thì sẽ khó hình thành một hệ thống lý luận nghiêm mật."*
h. *"Không tồn tại hoạt động hay quan hệ chính trị 'thuần túy' nào cả."*
i. *"Mọi cuộc đấu tranh giai cấp đều là đấu tranh chính trị."*
j. *"Quyền lực chính trị không phải là cái gì siêu hình, mà là sản phẩm của lịch sử, bắt nguồn từ những điều kiện xã hội cụ thể."*

Trong thời kỳ chuyển đổi xã hội, sự hỗn loạn là kẻ thù lớn nhất của con người. Để đạt được sự ổn định "trường trị cửu an", đôi khi sức mạnh phải được sử dụng như một phương thức bắt buộc. Nhưng logic của sức mạnh là một con dao hai lưỡi. Khi nhà nước trở thành một cỗ máy thống trị thuần túy, nó sẽ nghiền nát chính những tế bào tạo nên nó: đó là con người, là phẩm giá và sự tự do. Tôi lo âu khi thấy những giá trị tinh thần bị xói mòn bởi cái logic lạnh lùng của quyền lực. Khi con người chỉ còn được nhìn nhận như những con số trên bàn cờ chính trị, đó là lúc xã hội bắt đầu lâm bệnh.

2.5. Giữ gìn "Đạo" nhân bản để không bị tha hóa bởi "Thuật" quyền lực

Sau tất cả những chiêm nghiệm về mưu kế và quyền thuật, tôi

chọn cho mình một lối đi riêng. Là một bác sĩ, tôi biết rằng thuốc có thể cứu người nhưng cũng có thể giết người. Quyền thuật cũng vậy. Nếu "Thuật" là phương tiện, thì "Đạo" phải là kim chỉ nam.

"Đạo" của tôi chính là sự thấu cảm. Tôi chọn dùng ngòi bút để kể về nỗi đau của những người bị kẹt trong các ván cờ quyền lực, thay vì ngợi ca những kẻ thắng cuộc bằng mọi giá. Tôi chọn giữ lấy cái tâm "Nhân văn y khoa" để không bị cuốn vào vòng xoáy của sự thao túng. Với tôi, một sự ổn định xã hội đích thực không thể xây dựng trên sự sợ hãi hay dối trá, mà phải bắt nguồn từ một nền tảng văn hóa vững chắc, nơi con người đồng cảm và nâng đỡ phẩm giá của nhau.

Nghiệp cầm bút của tôi, suy cho cùng, là một nỗ lực bền bỉ để giữ cho "Đạo" không bị "Thuật" nuốt chửng. Để dù lịch sử có tàn khốc đến đâu, dù những mưu kế có tinh vi thế nào, chúng ta vẫn có thể nhìn vào mắt nhau bằng sự thấu cảm của những con người cùng chung một phận người.

Biện chứng của sự thao túng: Từ quyền thuật Tam Quốc đến mạng lưới quản trị hiện đại trong nhãn quan Vương Hỗ Ninh

Sự thao túng, trong bản chất sâu xa nhất của nó, không đơn thuần là hành vi lừa gạt hay cưỡng bách, mà là một nghệ thuật điều hướng ý chí, một quá trình kiến tạo thực tại giả lập để đối tượng tự nguyện bước vào khuôn mẫu hành vi được định sẵn. Khi nghiên cứu về các giai đoạn quá độ lịch sử, nơi các giá trị cũ sụp đổ và các quy tắc mới chưa thành hình, sự thao túng thường hiện lên như một công cụ sinh tồn và thống trị tối thượng. Qua lăng kính của Vũ Tài Lục trong *Nói chuyện Tam Quốc*, người ta thấy những mưu kế của Tào Tháo hay Tư Mã Ý không chỉ là những nước cờ quân sự mà là sự giải phẫu tâm lý học về con người trong cơn lốc quyền lực. Tuy nhiên, khi đối chiếu những quyền thuật cá nhân này với những quan sát của Vương Hỗ Ninh trong *Nước Mỹ chống lại nước Mỹ*, chúng ta nhận ra một sự tiến hóa đáng kinh rợn: sự thao túng đã thoát ly khỏi bàn tay của những "gian hùng" cá nhân để trở thành một hệ điều hành xã hội vô hình, nơi truyền thông và kỹ thuật thay thế cho gươm giáo để khuất phục tâm trí con người một cách thầm lặng.

Giải mã những mưu kế kinh điển: Tâm lý học của sự thao túng trong Tam Quốc

Thời kỳ Tam Quốc, dưới sự phân tích của Vũ Tài Lục, được coi là một "cuộc tranh chấp chính trị kỳ diệu" (cổ kim tranh thiên hạ

chi nhất đại kỳ cục). Trong bối cảnh đó, mưu kế không chỉ là thủ đoạn mà là biểu hiện của tài năng chính trị xuất chúng, nơi mỗi hành động đều nhắm vào những rạn nứt trong tâm hồn và nhận thức của đối phương.

Tào Tháo và nghệ thuật thao túng thông qua ân nghĩa và nợ nần tâm lý

Tào Tháo, một chính trị gia lỗi lạc được so sánh với Machiavelli của phương Tây, đã nâng tầm sự thao túng lên thành một hệ thống nguyên tắc dùng người. Thay vì dùng bạo lực để cưỡng ép sự phục tùng, Tào Tháo ưu tiên việc "chiếm hữu tâm hồn" thông qua các cơ chế tâm lý tinh vi.

Một trong những ví dụ điển hình nhất là cách Tào Tháo đối xử với Quan Vũ. Theo phân tích, Tào Tháo không chỉ ban tặng vàng bạc hay tước lộc – những thứ mà một người chính trực có thể dễ dàng từ chối – mà ông ban tặng "sự thấu cảm" và "sự tôn trọng cực đoan". Việc "ba ngày một tiệc nhỏ, năm ngày một tiệc lớn", nhường cả ngựa Xích Thố, và thậm chí là để Quan Vũ ra đi khi đã trả đủ ơn, thực chất là một quá trình vây hãm bằng đạo đức. Tào Tháo hiểu rằng đối với một người trọng nghĩa như Quan Vũ, nợ ân tình còn nặng nề hơn nợ xương máu. Bằng cách thao túng cảm giác về bổn phận và lòng biết ơn, Tào Tháo đã tạo ra một gánh nặng tâm lý mà ngay cả một anh hùng lẫm liệt nhất cũng khó lòng rũ bỏ hoàn toàn.

Chiến thuật "Phụng thiên tử dĩ lệnh bất thần" (Mượn danh Thiên tử để điều khiển chư hầu) lại là một minh chứng cho sự thao túng tính chính danh ở cấp độ vĩ mô. Tào Tháo nhận diện được bóng ma của "Đạo thống" vẫn còn ám ảnh giới trí thức. Bằng cách giữ lấy vua bù nhìn, ông tạo ra một tình thế lưỡng nan về đạo đức cho đối phương: chống lại ông đồng nghĩa với chống lại triều đình, mà phục tùng ông cũng là phục tùng triều đình. Đây là nghệ thuật "nghịch dụng" tâm lý, biến niềm tin của đối thủ thành xiềng xích của chính họ.

Nguyên [illegible] Tào Tháo
Chuyển [illegible] của mình.
Phá vỡ [illegible] tuyệt đối.
Thiết lập [illegible] (Authority).
Loại bỏ [illegible] nhân lực.

Tư Mã Ý và sự thao túng bằng sự tĩnh lặng và ảo giác yếu đuối

Nếu Tào Tháo thao túng bằng sự quyết liệt và ân nghĩa, thì Tư

Mã Ý lại thao túng bằng sự nhẫn nhịn và khả năng tạo ra những "khoảng không" tâm lý. Mưu kế của Tư Mã Ý là việc cụ thể hóa đỉnh cao của Binh pháp Tôn Tử: "Năng nhi kỳ chi bất năng" (Có năng lực nhưng tỏ ra không có năng lực).

Trận chiến tâm lý giữa Tư Mã Ý và Tào Sảng là một ví dụ kinh điển về việc thao túng thông qua sự khinh suất của đối phương. Tư Mã Ý không dùng gươm giáo để đối đầu trực diện với sự kiêu ngạo của Tào Sảng. Thay vào đó, ông dùng hình ảnh một kẻ già nua, bệnh tật, ăn cháo chảy ra cả ngực để tạo ra một ảo giác về sự an toàn tuyệt đối cho đối thủ. Sự thao túng ở đây nằm ở chỗ: ông hiểu rằng con người chỉ đề phòng những kẻ trông có vẻ mạnh mẽ, chứ không ai đề phòng một cái xác không hồn. Bằng cách tự hạ thấp giá trị bản thân xuống dưới mức cảnh giác của đối phương, Tư Mã Ý đã khiến Tào Sảng tự tay tháo bỏ mọi phòng tuyến. Tác giả Vũ Tài Lục nhận định rằng mưu kế trong Tam Quốc mang giá trị rất lớn về quyền thuật chính trị, cung cấp những kinh nghiệm thiết thực cho hậu thế trong việc hiểu thấu các quy luật lịch sử và nhân tâm. Sự thao túng của Tư Mã Ý [9]còn nằm ở khả năng kiểm soát thời gian. Ông hiểu rằng sự mệt mỏi theo thời gian sẽ làm xói mòn ý chí và sự cảnh giác, và kẻ chiến thắng là kẻ biết chờ đợi cho đến khi tâm lý đối phương đạt đến điểm gãy.

Nhìn lại lịch sử từ những mưu kế đoạt hồn người của Tào Tháo đến mạng lưới quản trị tinh vi mà Vương Hỗ Ninh quan sát tại Mỹ, chúng ta thấy một hành trình không ngừng nghỉ của quyền lực trong việc chinh phục tâm trí con người. Sự thao túng, dù dưới hình thức quyền thuật cổ điển hay truyền thông hiện đại, đều nhắm vào những điểm yếu cố hữu của nhân tính: lòng tham, nỗi sợ, sự cô đơn và nhu cầu được thuộc về.

Nghiên cứu về mưu kế Tam Quốc qua góc nhìn của Vũ Tài Lục giúp chúng ta hiểu về bản chất của quyền thuật, trong khi những lo âu của Vương Hỗ Ninh nhắc nhở chúng ta về cái giá của sự hiện đại hóa thiếu đi nền tảng giá trị đạo đức bền vững. Trong một thế giới mà truyền thông và thuật toán đang ngày càng đóng vai trò của những "Tào Tháo không gương mặt", việc duy trì một tư duy phản biện và khả năng nhận diện các cơ chế thao túng hệ thống là con đường duy nhất để bảo vệ sự tự do thực chất của con người. Sự thao túng chỉ thực sự chấm dứt khi cá nhân không còn là một mắt xích bị động trong mạng lưới của kẻ khác, mà trở thành một chủ thể tự giác của chính cuộc đời mình.

Từ mưu kế cá nhân đến hệ thống quản trị: Nhãn quan của

tác giả Vương Hỗ Ninh

Khi bước từ thế giới quyền thuật cá nhân của thế kỷ thứ III sang những quan sát về nước Mỹ thế kỷ XX của Vương Hỗ Ninh, chúng ta thấy một sự chuyển dịch căn bản: sự thao túng không còn là một "mưu kế" nhất thời mà đã trở thành một "hệ sinh thái" quản trị. Trong cuốn *Nước Mỹ chống lại nước Mỹ* (1991), Vương Hỗ Ninh đã mô tả một xã hội mà ở đó con người bị thao túng bởi chính những tiện nghi và cấu trúc hạ tầng mà họ hằng tin tưởng.

Hệ thống "4 chữ C" và sự gắn kết bắt buộc vào bộ máy quản lý

Vương Hỗ Ninh xác định bốn yếu tố hạ tầng cốt lõi tạo nên mạng lưới điều phối xã hội Mỹ: **Car** (Xe hơi), **Call** (Viễn thông), **Computer** (Máy tính) và **Card** (Thẻ tín dụng). Đây không đơn thuần là những tiến bộ kỹ thuật, mà là một "ngữ pháp của sự điều phối" (grammar of mediation).

Sự thao túng ở đây mang tính hệ thống và thầm lặng. Thông qua việc sử dụng máy tính và thẻ tín dụng, mỗi cá nhân bị ràng buộc chặt chẽ vào "hệ thống thần kinh hành chính" của nhà nước và các tập đoàn lớn. Mọi hành động từ thanh toán hóa đơn đến gia hạn bằng lái đều buộc công dân phải tương tác với hệ thống, cho phép quyền lực được thực thi mà không cần sự hiện diện trực tiếp của mệnh lệnh hay bạo lực. Tào Tháo cần sự phục tùng tự nguyện của Quan Vũ, nhưng hệ thống hiện đại chỉ cần sự phụ thuộc kỹ thuật của công dân. Đây là sự thao túng bằng sự lệ thuộc vào các tiện ích hiện đại, nơi tự do cá nhân thực chất bị bao bọc trong một "lớp vỏ bọc kỹ thuật" không thể thoát ra.

Chuyển hóa các tập đoàn lớn thành hình thức thể quản lý.

Ràng buộc người dân vào hệ thống giá trị chính và hồ sơ.

Thương mại hóa và sự tự điều chỉnh của xã hội

Một trong những phát hiện sâu sắc nhất của Vương Hỗ Ninh là việc chính quyền Mỹ đạt được sự "nhẹ nhàng" trong quản lý bằng cách khuyến khích thương mại hóa cao độ trong mọi lĩnh vực đời sống. Khi nhà ở, thực phẩm, giáo dục và thậm chí cả các giá trị văn hóa trở thành hàng hóa, chúng tự điều chỉnh theo tín hiệu giá cả và hợp đồng.

Sự thao túng ở đây nằm ở việc phi chính trị hóa các vấn đề xã hội. Thay vì đối mặt với những mệnh lệnh độc đoán từ chính phủ,

công dân Mỹ đối mặt với các áp lực thị trường. Điều này giúp nhà nước tránh được gánh nặng hành chính khổng lồ nhưng đồng thời cũng khiến cá nhân bị cô lập trong cuộc cạnh tranh sinh tồn. Vương Hỗ Ninh quan sát thấy rằng sự "tự do" này đi kèm với cái giá là sự tha hóa: con người dần mất đi các mối liên kết hữu cơ và trở thành những mắt xích rời rạc trong một bộ máy tiêu dùng khổng lồ.

Truyền thông và sự thao túng tâm trí trong xã hội hiện đại

Trong nhãn quan của Vương Hỗ Ninh, truyền thông hiện đại không chỉ là phương tiện thông tin mà là công cụ hàng đầu để kiến tạo nhận thức và kiểm soát xã hội một cách tinh vi. Nếu Tào Tháo dùng mưu kế để che giấu sự thật, thì truyền thông hiện đại lại dùng "sự phơi bày" để làm mờ nhạt sự thật.

Sự giải huyền thoại hóa và việc hóa giải các phản kháng chính trị

Tác giả Vương Hỗ Ninh nhận thấy rằng truyền thông Mỹ đóng một vai trò quan trọng trong việc "giải huyền thoại hóa" (demystification) chính trị. Bằng cách liên tục phơi bày các vụ bê bối như Watergate hay các chi tiết đời tư của chính trị gia, truyền thông tạo ra ảo giác rằng quyền lực là minh bạch và có thể bị kiểm soát bởi công chúng.

Tuy nhiên, sự thao túng nằm ở chỗ truyền thông biến các nhân vật chính trị thành những "ngôi sao giải trí" hay những đối tượng bị châm biếm. Khi các ứng cử viên tổng thống bị mô tả như những đứa trẻ đang khóc trong các bức tranh biếm họa, sự tôn nghiêm và tính nghiêm túc của chính trị bị tước bỏ. Công chúng mải mê tiêu thụ các màn trình diễn này mà quên đi việc đặt câu hỏi về các cấu trúc quyền lực thực sự đang chi phối phía sau. Đây là một dạng thao túng bằng sự xao nhãng: cung cấp cho người dân cảm giác quyền lực giả tạo thông qua sự phê phán bề nổi để duy trì sự ổn định của hệ thống lõi.

"Space Shuttle Misdirection" và việc thao túng niềm tin quốc gia

Tác giả Vương Hỗ Ninh cũng đề cập đến cách thức công nghệ và các thành tựu vĩ đại được sử dụng để thao túng lòng tự hào dân tộc và sự đồng thuận xã hội. Các dự án như tàu vũ trụ (space shuttle) hay các báo cáo thống kê khổng lồ không chỉ là thành tựu kỹ thuật, mà là những công cụ định hướng tư tưởng.

Ông nhận xét rằng cảm giác về sự ưu việt của người Mỹ bắt nguồn từ sự vượt trội về khoa học và công nghệ: "Nếu muốn lấn át

người Mỹ, bạn phải làm một việc: vượt qua họ về khoa học và công nghệ". Việc duy trì hình ảnh về một "thành phố rực rỡ trên đồi" thông qua các biểu tượng công nghệ là cách truyền thông thao túng niềm tin của người dân vào hệ thống, ngay cả khi các mâu thuẫn nội tại về bất bình đẳng và phân hóa xã hội đang ngày càng trầm trọng.

Nỗi cô đơn hiện đại và cuộc khủng hoảng tinh thần

Sự thao túng của truyền thông còn tác động sâu sắc đến cấu trúc tâm lý cá nhân. Vương Hỗ Ninh lo ngại về sự tan rã của các giá trị gia đình và sự gia tăng của nỗi cô đơn trong xã hội hiện đại. Truyền thông và văn hóa tiêu dùng Mỹ, dựa trên chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa hưởng lạc (hedonism), đã vô tình hoặc hữu ý đẩy con người vào một trạng thái trống rỗng về tinh linh.

Khi các mối quan hệ truyền thống bị xói mòn, con người trở nên dễ tổn thương và dễ bị dẫn dắt hơn. Họ tìm kiếm sự an ủi trong các trào lưu văn hóa được thiết kế sẵn bởi truyền thông đại chúng. Vương Hỗ Ninh so sánh tình trạng nghiện thuốc và khủng hoảng tinh thần ở Mỹ với thảm họa thuốc phiện lịch sử tại Trung Quốc – một quá trình tha hóa mà ở đó con người tự nguyện từ bỏ ý chí để đổi lấy sự thỏa mãn ngắn hạn. Sự thao túng ở đây đã đạt đến cấp độ sinh học và bản năng, nơi hệ thống không cần kiểm soát hành động, mà chỉ cần kiểm soát nhu cầu và ham muốn của con người.

Thao túng có điểm tương đồng (Tam Quốc)

Hạ tầng kỹ thuật sở hữu quyền lực cá nhân.

Tác động vào ông vua Phương Thiên sự dòng sự xao nhãng.

Nhận thức thông tin tối tượng nguyên lực.

Sự xói mòn giá trị, nỗi cô đơn của xã hội hiện đại thông qua tha hóa.

Biện chứng của sự thao túng: Một cái nhìn tổng hợp

Sự tương quan giữa những trang viết của Vũ Tài Lục về Tam Quốc và những nhận định của Vương Hỗ Ninh về nước Mỹ phơi bày một quy luật biện chứng của sự thao túng: khi trình độ phát triển của xã hội càng cao, các công cụ thao túng càng trở nên vô hình và thâm nhập sâu hơn vào đời sống thường nhật.

Trong thế giới của Vũ Tài Lục[10], sự thao túng vẫn mang "tính người". Đó là cuộc đấu trí giữa những bộ não vĩ đại như Gia Cát Lượng hay Tư Mã Ý, nơi sự thao túng vẫn cần đến những hành động cụ thể như tặng ngựa, giả bệnh hay viết thư. Người bị thao túng vẫn có không gian để nhận diện mưu kế và phản kháng bằng

ý chí cá nhân. Tuy nhiên, trong thế giới mà Vương Hỗ Ninh mô tả, sự thao túng đã được "vật chất hóa" vào xe hơi, điện thoại, máy tính và truyền thông. Chúng ta không thể phản kháng lại sự thao túng của thẻ tín dụng nếu muốn tồn tại trong xã hội đó.

Tác giả Vương Hỗ Ninh nhấn mạnh rằng "các cơ chế tồn tại trong xã hội Mỹ, cả tốt lẫn xấu, là sản phẩm của các điều kiện lịch sử-xã hội-văn hóa của xã hội đó". Sự thao túng hiện đại là một sản phẩm tất yếu của quá trình thương mại hóa và kỹ thuật hóa xã hội. Nó không cần một "gian hùng" nào đứng sau giật dây, vì bản thân hệ thống đã tự vận hành như một bộ máy thao túng khổng lồ.

Điều đáng sợ nhất trong những lo âu của Vương Hỗ Ninh không phải là việc người Mỹ bị áp bức, mà là việc họ bị "nhào nặn" một cách êm ái đến mức đánh mất khả năng nhận diện các mâu thuẫn nội tại của chính mình. Đây là sự mâu thuẫn giữa một lý tưởng tự do rực rỡ và một thực tại bị quản trị chặt chẽ bởi các lực lượng phi chính trị – một sự "đối đầu" mà tiêu đề cuốn sách *Nước Mỹ chống lại nước Mỹ* đã khái quát một cách xuất sắc.

CHƯƠNG 3: Gông cùm thuộc địa và tiếng thét của dân tộc - Bức tranh đẫm máu thời cận đại

Giai đoạn 1940-1945 tại Việt Nam đại diện cho một hình thái thao túng và bóc lột ở mức độ thô bạo và tàn khốc nhất: sự kết hợp giữa bộ máy cai trị thực dân cũ và tham vọng bành trướng phát xít. Đây không còn là cuộc đấu trí của những cá nhân, mà là sự nghiền nát một dân tộc dưới bánh xe của các cường quốc đế quốc.

3.1. Một cổ hai tròng: Sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật

Từ năm 1940, khi Nhật tiến vào Đông Dương, nhân dân Việt Nam rơi vào cảnh "một cổ hai tròng". Thực dân Pháp, để duy trì bộ máy cai trị và cung phụng cho quan thầy Nhật, đã đẩy mạnh chính sách "Kinh tế chỉ huy", tăng các loại thuế cũ và đặt thêm nhiều thuế mới.

Theo các số liệu thực chứng, từ năm 1899 đến 1927, số tiền thực dân Pháp thu được từ các loại thuế tại Việt Nam và Đông Dương đã vượt trên 2 tỷ đồng bạc. Đến năm 1930, mức thuế thân và thuế ruộng chiếm từ 37,9% đến 44,8% tổng thu nhập của một

hộ nông dân. Riêng năm 1940, thuế thân đã tăng lên 2,5 đồng cùng với khoản ngoại phụ thu chiếm tới 31%. Trong khi đó, phát xít Nhật trực tiếp thi hành chính sách cưỡng bức thu mua lúa gạo với giá rẻ mạt, chỉ bằng chưa đầy 1/12 giá thị trường, phục vụ cho mục tiêu chiến tranh.

3.2. Cấu trúc xã hội biến dạng: Từ cánh đồng trồng đay đến thảm họa hai triệu sinh mệnh

Để giải quyết nhu cầu nguyên liệu cho quân đội, Nhật buộc nông dân Việt Nam nhổ lúa để trồng các cây công nghiệp như đay, thầu dầu, bông. Thống kê cho thấy diện tích trồng đay đã tăng vọt từ 5.000 ha năm 1940 lên tới 45.000 ha vào năm 1944 (gấp 9 lần). Các công ty Nhật như Mitsui Bussan Kaisha hay Tokyo Menka KK đã bao thầu hàng ngàn hecta đất canh tác lúa tốt nhất tại Nam Kỳ để chuyển sang trồng đay.

Sự biến dạng trong cấu trúc nông nghiệp kết hợp với việc Pháp tích trữ lương thực để phòng ngừa Đồng minh đổ bộ và Nhật dùng lúa gạo, ngô, lạc làm nhiên liệu đốt thay than đá đã đẩy miền Bắc vào thảm kịch. Kết quả là nạn đói lịch sử năm Ất Dậu đã cướp đi sinh mạng của hơn 2 triệu đồng bào. Tại nhiều địa phương, cái chết diễn ra với quy mô kinh hoàng:

a. **Huyện Kim Sơn (Ninh Bình):** 22.908 người chết đói.
b. **Tỉnh Nam Định:** 212.218 người chết.
c. **Làng La Cả (Hoài Đức):** Chết hơn 2.000 trong tổng số 4.800 dân (hơn 40% dân số).
d. **Huyện Hải Hậu:** Báo cáo ghi nhận 26.080 người chết.

3.3. Trò hề chính trị và sự tráo trở của các thế lực đế quốc

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương, dựng lên cái gọi là "đế quốc Việt Nam" với nội các Trần Trọng Kim. Tuy nhiên, đây thực chất là một "trò hề chính trị" khi quyền lực thực tế vẫn nằm trong tay quân đội Nhật. Mọi vấn đề đối ngoại và quân sự đều do Nhật kiểm soát chặt chẽ; chính phủ bù nhìn này hầu như không có hoạt động độc lập và thiếu cơ sở xã hội rộng rãi.

Sự tráo trở của các thế lực đế quốc thể hiện rõ qua việc Nhật và Pháp cùng bắt tay bóc lột dân tộc Việt Nam cho đến tận giây phút cuối cùng, bỏ mặc hàng triệu người chết đói ngoài phố trong khi các kho thóc của Nhật và địa chủ vẫn đầy ắp.

3.4. Sự thức tỉnh đau đớn: Ngòi bút trở thành vũ khí

Trước hiện thực đẫm máu, tầng lớp trí thức yêu nước đã trải qua một cuộc thức tỉnh sâu sắc. Ngòi bút không còn chỉ để ngâm

vịnh mà đã trở thành vũ khí phản biện và dấn thân quyết liệt. Năm 1943, **Hội Văn hóa Cứu quốc** [11]ra đời trong bí mật, tập hợp những tên tuổi lớn như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài...

Các trí thức đã từ bỏ lối tư tưởng "vị nghệ thuật" thuần túy của các nhóm như Xuân Thu Nhã Tập (1942) để dấn thân vào cuộc chiến vì độc lập dân tộc. Họ dùng tri thức để tuyên truyền, phổ biến chữ quốc ngữ nhằm nâng cao dân trí (vốn có tới 95% dân số không biết chữ năm 1938). Những trí thức như bác sĩ Đặng Văn Ngữ đã từ bỏ điều kiện làm việc tại Nhật Bản để về chiến khu sản xuất thuốc kháng sinh Penicillin phục vụ kháng chiến, chấp nhận hy sinh tính mạng vì lý tưởng. Sự dấn thân bằng máu và ngòi bút của họ chính là "tiếng thét" mạnh mẽ nhất đáp lại gông cùm thuộc địa.

PHẦN II: KHAI MINH KHOA HỌC, TRIẾT LÝ Y ĐẠO VÀ SỰ KẾT NỐI NHÂN SINH

Tôi bước vào phần này với một nỗi trăn trở khôn nguôi về hành trình lột xác đầy đau đớn của tư duy con người. Đó là cuộc hành trình từ những bóng tối u mê của định kiến và thần quyền để vươn mình tới ánh sáng rực rỡ của thực nghiệm và khoa học nhân văn. Thế nhưng, ngay cả khi chúng ta đã nắm giữ trong tay những đỉnh cao của công nghệ, tôi vẫn thấy hiện lên những vết nứt sâu hoắm trong tâm hồn con người hiện đại: nỗi cô đơn rệu rã và một cuộc khủng hoảng tinh thần chưa từng có. Trong thế giới phẳng và lạnh lùng đó, tôi khát khao tìm kiếm một "lực hấp dẫn chung" – một điểm tựa để chống lại sự cô lập hóa cá nhân. Và tôi đã tìm thấy nó trong Y đạo, nơi ngòi bút và y đức không chỉ để chữa lành thể xác, mà còn là phương tiện để ta đồng cảm tận cùng với những nỗi đau nhân thế, thực hiện sứ mệnh "lương y như từ mẫu" để hàn gắn những rạn nứt của kiếp người.

CHƯƠNG 4: Lột xác tư duy - Cuộc cách mạng từ mê tín thần bí đến óc khoa học

Để hiểu được sự thao túng hiện đại, tôi phải quay về phân tích "cấu trúc hạ tầng" của tư duy Việt Nam trong dòng chảy lịch sử cận đại. Đây không chỉ là sự thay đổi về kiến thức, mà là một cuộc cách mạng về phương pháp luận nhận thức.

4.1. Bóng đen của quá khứ: Thuyết vật linh và nỗi sợ hãi bản năng

Trong quá quá khứ, tâm thức dân tộc bị bao phủ bởi thuyết vật linh (animism) – niềm tin rằng mọi vật thể, từ hòn đá đến dòng sông, đều sở hữu một bản chất tinh thần riêng biệt. Con người sống trong một thế giới mà "ở đâu cũng có thần, có ma, có quỷ sẵn sàng đe dọa". Luật nhân quả bị biến tướng thành một cơ chế thần bí, nơi số phận cá nhân chỉ như "trái banh trong các thế lực vô tận của thần thánh vô hình". Sự bất lực trước tự nhiên và các hiện tượng thời tiết đã đẻ ra nỗi sợ hãi cố hữu, khiến con người tìm kiếm sự an ủi trong việc cúng tế và bói toán hơn là tìm hiểu quy

luật khách quan.

4.2. Gông cùm của "Óc nho sĩ" và trạng thái mơ hồ của "Óc mô lăng"

Bước vào thời kỳ giao thời, tư duy chúng ta bị kìm kẹp bởi "Óc nho sĩ" – một hệ tư duy coi chữ nghĩa thánh hiền là cứu cánh duy nhất nhưng lại thiếu hẳn tinh thần thực dụng. Phan Khôi đã chỉ ra rằng nho sĩ thường "không dám làm theo điều mình nghĩ, không dám thực hành điều mình đã học", dẫn đến tình trạng những người hay chữ lại ngu dốt trước thực tế đời sống.

Nguy hiểm hơn là sự xuất hiện của "Óc mô lăng" (óc sơ đẳng) [12]– thuật ngữ mà bác sĩ P. N. Khuê (1943)[13] dùng để chỉ những người hèn trí thức, những kẻ có một lớp sơn học vấn hào nhoáng nhưng bản chất tư duy vẫn kẹt trong mê tín. Họ bị "choáng mắt bởi vẻ rực rỡ của văn hóa Tây phương" nhưng chỉ hái được những "bông hoa tàn úa" mà không hấp thụ được tinh hoa phương pháp luận khoa học. Trạng thái "ba phải", mơ hồ giữa cũ và mới này chính là mảnh đất màu mỡ cho mọi sự thao túng chính trị và xã hội.

4.3. Sự thiển cận của "Óc cơ giới": Khi kinh doanh thiếu vắng nhân văn

Trong nỗ lực hiện đại hóa, xã hội lại rơi vào một thái cực khác: "Óc cơ giới". Đây là kiểu tư duy thuần túy kỹ thuật và thực dụng, chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt mà thiếu đi tầm nhìn chiến lược và nền tảng nhân văn. Những nhà kinh doanh nhạy bén theo kiểu cơ giới coi mọi giá trị, kể cả con người và tri thức, đều là hàng hóa có thể trao đổi. P. N. Khuê cảnh báo rằng nếu khoa học chỉ được tiếp nhận như một công cụ để "cầu lợi" mà không phải để hiểu biết vũ trụ, nó sẽ dẫn đến sự tha hóa và suy đồi đạo đức.

4.4. Trở dạ kiến tạo "Óc khoa học": Tinh thần hoài nghi lành mạnh

Cuộc cách mạng thực sự bắt đầu khi chúng ta trui rèn được "Óc khoa học". Theo P. N. Khuê, đây là một phương pháp rèn luyện trí xét đoán dựa trên tư duy khách quan, logic và thực nghiệm. Năm 1939, Phan Khôi đã nhấn mạnh sự cấp thiết của việc từ bỏ xu hướng chuộng văn chương phù phiếm để hướng tới học thuật thực dụng.

Óc khoa học đòi hỏi một "tinh thần hoài nghi lành mạnh": không nhắm mắt tin mù (mê tín), mà phải dùng lý trí độc lập để giải quyết mọi vấn đề. Nó phá vỡ những "bức tường trí thức" dày đặc của định kiến hủ lậu để tiếp cận thẳng vào sự vật. Đây là hành

trình trở dạ đầy đau đớn nhưng cần thiết để dân tộc thoát khỏi nô lệ về đường tinh thần.

4.5. Khoa học như một nền "Học nhân bản"

Khát vọng của tôi không dừng lại ở việc phổ biến kiến thức kỹ thuật. Tôi muốn biến khoa học thành một nền "Học nhân bản" (Humanism) thực thụ. Một nền giáo dục nhân bản phải lấy "chính con người làm cứu cánh", dùng khoa học để thấu hiểu sâu sắc các mâu thuẫn xã hội và cải tạo đời sống. Khoa học không được phép trở thành một "lớp vỏ bọc kỹ thuật" lạnh lùng để thao túng, mà phải là ánh sáng khai minh, giúp cá nhân trở thành một chủ thể tự giác, có khả năng đồng cảm với nỗi đau nhân thế và kiến tạo một xã hội công bằng.

CHƯƠNG 5: Giải ảo tư tưởng cổ đại và sự phục hưng các giá trị cốt lõi

Trong nỗ lực tìm kiếm sợi dây kết nối nhân sinh, tôi đã thực hiện một cuộc hành trình phục dựng các hệ thống triết lý phương Đông qua lăng kính khoa học và thực chứng. Đây không phải là sự quay về với giáo điều cũ kỹ, mà là sự giải mã những mật mã trí tuệ để đối đầu với cơn lốc hư vô của thời đại.

5.1. Phục dựng triết lý phương Đông qua lăng kính thực chứng

Tôi nhận thấy rằng những nghiên cứu như của Vũ Tài Lục về tướng mệnh và mệnh vận thực chất không phải là dị đoan mê tín. Chúng dựa trên các nguyên tắc toán số, cơ cấu kiến trúc và mỹ học để chống lại quan niệm mê muội thần quyền và làm giàu thêm cho khoa học nhân văn. Cuộc hành trình này là sự gạn đục khơi trong, tìm kiếm những giá trị tinh thần trong sạch, vô bệnh của giống nòi đã bị vùi lấp dưới lớp sơn hào nhoáng của các thành kiến hủ lậu.

5.2. Tử vi Đông A: Nghệ thuật quản trị vận mệnh thời Trần

Một trong những phát hiện thú vị nhất là hệ thống **Tử vi Đông A**. Khác với lối xem số mệnh thụ động thông thường, Tử vi Đông A là một hệ thống phương pháp luận về **"Quản trị Vận mệnh"**. Nó kết hợp tư duy chiến lược quân sự (Binh pháp), sự tĩnh tại của tâm thức (Thiền) và đạo lý nhân quả của Phật giáo để chủ động kiến tạo cuộc đời.

Người thời Trần, tiêu biểu là Huệ Túc Phu Nhân, đã dùng Tử vi để nhận diện người ngay, kẻ gian và tiên đoán các vị anh hùng xã

tắc. Họ học để "Tri Thiên mệnh" nhằm tìm ra thời điểm (timing) "địch suy ta thịnh" để thực hiện những cú lội ngược dòng vĩ đại. Đặc biệt, khái niệm "**Cộng Nghiệp**" (Collective Karma) – trạng thái vượng khí của một tập thể đoàn kết – được coi là nguồn năng lượng Dương cực đại có thể bẻ gãy các dự báo xấu của thiên văn và hóa giải tai ương quốc gia. Đây chính là bản lĩnh của những người dám nhìn thẳng vào vận mệnh, tôn trọng quy luật tự nhiên nhưng kiên quyết tự viết nên câu chuyện của chính mình.

5.3. Tránh vết xe đổ của sự phân rã: "Khổng giáo hiện đại" của tác giả Vương Hỗ Ninh

***Nước Mỹ chống nước Mỹ* - Những giá trị nhận định của tác giả:**

a. “Hoa Kỳ ngày nay đang đối mặt với một thách thức từ Nhật Bản, phần lớn là vì các thể chế, văn hóa và giá trị của Mỹ đang đối lập với chính nước Mỹ.”
b. “Trong thế kỷ tới, nhiều quốc gia khác chắc chắn cũng sẽ thách thức Hoa Kỳ. Lúc đó, người Mỹ sẽ thực sự suy ngẫm về chính trị, kinh tế và văn hóa của họ.”
c. “Nếu chúng tiếp tục phát triển theo cách này, sẽ không chỉ khiến những ưu thế của họ không thể phát huy mà còn tạo ra một làn sóng khủng hoảng không thể ngừng lại.”
d. “Từ kinh nghiệm của chính mình, những mối quan tâm chính của người Mỹ khi soạn thảo Hiến pháp là quyền lực của chính phủ và tự do của cá nhân.”
e. “Người Mỹ chỉ chấp nhận bình đẳng về điều kiện, chứ không phải bình đẳng về kết quả.”
f. “Trong thế giới hiện nay của chủ nghĩa cá nhân, bình đẳng khó có thể là giá trị chi phối.”
g. “Không có điều gì là bất biến trong thế giới này.”
h. “Vấn đề then chốt là không ai thực sự có quyền thay đổi hiến pháp này, và việc duy trì và giải thích nó là cách duy nhất để tiến về phía trước.”
i. “Hiến pháp tồn tại lâu dài vì nó là sự thể hiện của các giá trị và niềm tin Mỹ.”
j. “Trong đời sống chính trị, niềm tin quan trọng hơn các tổ chức vì các tổ chức là trừu tượng và phải được thể hiện qua con người.”

Từ hào khí Đông A, tôi liên hệ tới những suy niệm về "Khổng

giáo hiện đại" trong nhãn quan của Vương Hỗ Ninh. Khi quan sát nước Mỹ, Vương Hỗ Ninh kinh ngạc trước sự giàu có nhưng đồng thời rùng mình trước sự tan rã của tế bào gia đình và sự trống rỗng về tâm linh. Ông kết luận rằng hệ thống Mỹ dựa trên chủ nghĩa cá nhân và hưởng lạc đang dần bộc lộ những lỗ hổng chí mạng: *tội phạm, ma túy và nỗi cô đơn tàn nhẫn của những cá nhân bị cô lập.*

Tác giả Vương Hỗ Ninh lo ngại rằng khi các giá trị luân lý bị xói mòn, con người sẽ rơi vào vực thẳm của chủ nghĩa hư vô. Ông trăn trở về việc làm thế nào để duy trì trật tự trong một xã hội đa dạng mà không dựa vào bạo lực. Câu trả lời nằm ở việc phục hưng các giá trị luân lý Á Đông (tôn ti trật tự, nền tảng gắn kết gia đình, tinh thần vì cộng đồng) để làm một **"lực hấp dẫn chung"** (common gravitational pull). Chính những giá trị này sẽ neo giữ tinh thần con người, biến xã hội thành một khối thống nhất kỳ lạ nơi vận mệnh cá nhân (Tiểu Ngã) hòa tan vào vận mệnh dòng tộc và dân tộc (Đại Ngã). Khát vọng của tôi là mượn những giá trị này để hàn gắn những rạn nứt của xã hội hiện đại dự đoán có nhiều nguy cơ bộc lộc xu hướng phân mảnh cùng với lối sống cá nhân hưởng lạc thú, nhằm tạo ra một thực thể có khả năng tự điều chỉnh và chống lại sự thao túng vô hình của mạng lưới kỹ thuật và thị trường.

CHƯƠNG 6: Y đạo trong cõi người ta - Lắng nghe tiếng rạn vỡ của phận người

Tôi ngày trước có những buổi hồi Bệnh viện còn chưa xây dựng xong khoa của tôi còn ở tạm khu nhà cấp 4 có hôm trực tôi tranh thủ hóng giò sau giờ cơm tối giữa hành lang bệnh viện, nơi mùi thuốc sát trùng át cả mùi sự sống, và tự hỏi: Một chiếc áo blouse trắng có đủ để che chở cho một sinh linh đang rệu rã? Hay một ngòi bút có đủ sắc bén để xẻ dọc nỗi đau?

6.1. Chiếc áo blouse và ngòi bút: Ranh giới tàn nhẫn và mỏng manh

Đối với tôi, chiếc áo blouse và ngòi bút là hai mặt của một đồng tiền cứu rỗi. Chiếc áo blouse tượng trưng cho trách nhiệm cận tử, nơi mỗi nhát dao hay mỗi liều thuốc đều là một cuộc đánh cược với số phận. Ngòi bút, trái lại, là công cụ để tôi lưu giữ lại những khoảnh khắc mà khoa học bó tay. Bác sĩ Đặng Văn Ngữ đã tiêm

thử thuốc chống sốt rét lên chính cơ thể mình trước khi dùng nó cứu đồng bào – đó là sự dấn thân mà không một công thức y học nào có thể giải mã hoàn toàn. Ranh giới giữa sự sống và cái chết chỉ mỏng như một tờ giấy, và đôi khi, điều duy nhất ta có thể làm là nắm lấy tay người bệnh khi ánh sáng cuối cùng đang lịm dần.

6.2. Cuộc phân định xót xa: "Disease" và "Illness"

Y khoa hiện đại thường quá chú trọng vào "**Disease**" – những rối loạn sinh học vô hồn, những chỉ số xét nghiệm lạnh lùng trên trang giấy. Nhưng như Arthur Frank [14]đã nói, người bệnh thực chất là những "người kể chuyện bị thương" (wounded storytellers). Cái họ mang đến phòng khám không chỉ là một khối u, mà là một "**Illness**" – trải nghiệm sống đầy đau đớn, những dự định bị đứt gãy và sự xói mòn bản sắc cá nhân. Một bác sĩ chân chính phải là một "nhân chứng đạo đức" (moral witness), biết giải mã những tiếng rên rỉ thầm lặng để hiểu rằng: chữa khỏi một căn bệnh sinh học không có nghĩa là hàn gắn được một sinh linh bị tổn thương.

6.3. Những "tiểu vũ trụ cô độc" và sự thương mại hóa y tế

Tác giả Vương Hỗ Ninh từng cảnh báo rằng trong xã hội hiện đại, thân thể con người dần bị biến thành hàng hóa. Điều này dẫn đến sự đứt gãy niềm tin trong y tế. Khi bệnh viện trở thành một cỗ máy kinh doanh, người bệnh trở thành những "tiểu vũ trụ cô độc" trên giường bệnh, bị bủa vây bởi các thủ tục hành chính nhưng thiếu vắng sự kết nối thực thụ. Nỗi đau lớn nhất của con người không phải là cái chết, mà là cái chết trong sự ghẻ lạnh xã hội, nơi người ta quan tâm đến mã số bảo hiểm hơn là nỗi sợ hãi trong đôi mắt người bệnh.

6.4. Nghệ thuật của sự thấu cảm vô điều kiện

Nhiều nghiên cứu y văn thế giới đã chứng minh: Thấu cảm không phải là kỹ năng mềm, nó là liệu pháp điều trị thực thụ. Một nghiên cứu trên bệnh nhân tiểu đường cho thấy những người được điều trị bởi bác sĩ có độ thấu cảm cao có chỉ số HbA1c và LDL cholesterol tốt hơn đáng kể. Một nghiên cứu khác chỉ ra rằng sự an ủi có thể làm giảm thời gian mắc cảm lạnh thông thường từ 7 ngày xuống còn 5,89 ngày thông qua cơ chế tăng cường interleukin-8. Khi định nghĩa "chữa khỏi" phải lùi bước trước thực tế nghiệt ngã của bệnh nan y, thì sự đồng cảm chính là liều thuốc cuối cùng giúp con người giữ lại phẩm giá trong những giây phút cuối đời.

6.5. Tiếng vọng dưới nước: Ngôn ngữ nhân văn cho trẻ tự kỷ

Trong hành trình đi tìm lại ngôn ngữ cho trẻ tự kỷ, tôi nhận ra y khoa cứng nhắc đôi khi chính là rào cản. Cuốn sách *Tiếng vọng dưới nước tôi đã viết và dịch sang tiếng Anh phát hành ấn bản sách điện tử qua Amazon số ISBN: 979-8277225066 thời tôi còn đi lấy số liệu làm nghiên cứu sinh về Ngôn ngữ học trẻ tự kỉ* nhấn mạnh rằng trẻ tự kỷ không phải là những kẻ bị hỏng hóc, chúng chỉ đang nói một thứ ngôn ngữ sóng âm ở tần số khác. Thay vì ép buộc chúng vào những khuôn mẫu "bình thường" một cách tàn nhẫn, chúng ta cần học cách lắng nghe những "tiếng vọng" sâu thẳm dưới đáy nước tâm hồn chúng. Một "kỷ luật hiền" và một "hộp thư im lặng" dành cho những điều không thể nói bằng lời chính là con đường để ta tìm lại nhân tính giữa một nền y học đôi khi quá lạnh lùng và cơ giới.

Các **đoạn trích song ngữ có giá trị ý nghĩa nhất** mà tôi tâm đắc trong ***"Tiếng vọng dưới nước – Hành trình tìm lại ngôn ngữ của trẻ tự kỷ Việt Nam".*** Tôi chọn những đoạn vừa giàu hình ảnh văn chương, vừa có giá trị nhân văn và thực hành trị liệu:

Im lặng không phải là trống rỗng

"Im lặng không phải là khoảng trống, mà là nơi ý nghĩa đang gom lại để tìm lối ra." "Silence is not an empty space, but the place where meaning gathers itself to find a way out."

Đây là câu mở khóa tinh thần của tác phẩm: thay vì xem im lặng là thiếu hụt, tác giả nhìn nó như một trạng thái đang hình thành, nơi ý nghĩa chưa kịp thành lời.

Đừng sợ im lặng

"Đừng sợ im lặng. Hãy coi im lặng như vùng đất đang ươm mầm. Khi ta lặn xuống, chậm rãi, và ở lại đủ lâu, ta sẽ nghe thấy tiếng thở đầu tiên của một ngôn ngữ mới." "Do not fear silence. Treat silence as ground where seeds are germinating. When we dive, slowly, and stay long enough, we will hear the first breath of a new language."

Giá trị của đoạn này nằm ở "đạo đức của sự chậm": muốn nghe trẻ, người lớn phải biết dừng lại, chờ đợi và ở lại đủ lâu.

Mặt nước im lặng là điểm khởi hành

"Mặt nước im lặng không phải điểm dừng của ngôn ngữ; nó là điểm khởi hành kín đáo." "The silent surface is not where language stops; it is its discreet departure point."

Đoạn này rất đẹp vì nó đảo ngược cách hiểu thông thường: im lặng không phải nơi ngôn ngữ chết, mà là nơi ngôn ngữ bắt đầu một cách âm thầm.

Âm thanh không mất đi, chỉ đổi đường

"Âm thanh dưới nước không mất đi – nó chỉ đổi hướng và tìm cách khác để đến tai người nghe." "Sound under water does not disappear — it simply changes course and finds another way to reach the listener."

Đây là ẩn dụ trung tâm của cuốn sách. Với trẻ tự kỷ, lời nói, ánh mắt, cử chỉ có thể đi qua những "đường nước" khác thường; vấn đề không phải trẻ không có tiếng nói, mà là người lớn chưa đổi cách nghe.

Một cái chạm cũng là một câu nói

"Trong hành động ấy là tình cảm được chắt lọc đến tận cùng – một 'câu nói' không cần ngữ pháp, nhưng có đủ nghĩa: 'Con thương mẹ.'" "In that act was feeling distilled to its essence—a 'sentence' with no grammar but full of meaning: 'I love you.'"

Đoạn về bé M. chạm tay mẹ là một trong những đoạn xúc động nhất. Nó cho thấy ngôn ngữ không chỉ nằm ở từ vựng, mà còn ở thân thể, sự hiện diện và nhịp đồng cảm giữa hai con người.

Không có đứa trẻ nào không có ngôn ngữ

"Không có đứa trẻ nào 'không có ngôn ngữ'. Chỉ có người lớn chưa học ngôn ngữ của chúng." "There is no child 'without language.' There are only adults who have not yet learned the child's language."

Đây có thể xem là tuyên ngôn nhân văn của tác phẩm. Nó chuyển trách nhiệm từ việc "sửa trẻ" sang việc "học cách hiểu trẻ", từ can thiệp áp đặt sang đồng hành có tri thức và lòng thương.

Các trích đoạn trên làm nổi bật linh hồn của *Tiếng vọng dưới nước*: trẻ tự kỷ không im lặng theo nghĩa trống rỗng; các em đang phát tín hiệu bằng một ngôn ngữ khác. Công việc của người lớn là học lại cách nghe — bằng tai, mắt, da, nhịp thở và trái tim.

PHẦN III: SẮC ĐẸP, GIỚI TÍNH VÀ NHỮNG GÓC KHUẤT TRONG SỰ ĐỨT GÃY XÃ HỘI

Trong *Thuật yêu đương* của Nguyễn Duy Cần. Tôi ưu tiên các đoạn vượt khỏi bối cảnh cũ có giá trị đến tận bây giờ, có thể đọc như những nguyên tắc về **tình yêu, hôn nhân, hiểu người, hy sinh, tự ái, ân nghĩa và nghệ thuật sống chung**. Một số quan niệm giới trong sách mang dấu ấn thời đại, nên tôi chọn những câu vẫn còn giá trị phổ quát:

Hôn nhân là vấn đề hiểu mình, hiểu người

"Hạnh phúc hôn nhân là vấn đề xử thế, 'tri kỷ, tri bỉ' ... là vấn đề quan trọng nhất."

Giá trị đến nay: tình yêu không chỉ là cảm xúc, mà là năng lực sống chung; muốn sống chung bền phải hiểu mình, hiểu người, hiểu cả những khác biệt âm thầm của nhau.

Yêu không biết cách yêu thì thành đau khổ

"Yêu nhau mà không biết cách yêu thì cũng bằng mười ghét nhau. Cho nên càng yêu nhau bao nhiêu lại càng làm cho nhau đau khổ bấy nhiêu."

Đây là câu rất sắc. Nó nói đúng một sự thật muôn đời: tình cảm mạnh mà thiếu hiểu biết, thiếu tiết chế, thiếu phương pháp cư xử thì dễ biến thành áp lực, chiếm hữu và làm khổ nhau.

Biết yêu mới là điều khó

"Yêu là một điều rất dễ... Nhưng biết yêu mới là vấn đề tối trọng và khó khăn."

Tình yêu tự phát thì ai cũng có thể có; nhưng biết yêu nghĩa là biết tôn trọng, biết lắng nghe, biết hy sinh, biết giữ phẩm giá cho cả hai.

Chữ "biết" phải đi trước chữ "yêu"

"Chữ 'biết' phải đi trước chữ 'yêu', thì yêu mới gây được nguồn hạnh phúc."

Một câu rất đáng giữ. Yêu mà không hiểu tâm lý, hoàn cảnh, giới hạn, vết thương và nhu cầu của nhau thì chỉ là cảm xúc mù.

Hiểu nhau là nền của hạnh phúc

"Biết yêu, phải khởi đầu bằng sự hiểu nhau. Hiểu nhau rất khó, vì tâm hồn con người là một cái gì hết sức phức tạp."

Đoạn này vẫn đúng trong mọi thời: nhiều mối quan hệ tan vỡ không phải vì hết yêu, mà vì chưa từng thật sự hiểu nhau.

Đừng lấy bụng ta suy bụng người

"Người ta thường 'lấy bụng ta suy bụng người' nên suốt đời không sao hiểu nhau được."

Đây là một trong những câu có giá trị tâm lý nhất. Trong tình yêu, sai lầm lớn là tưởng người kia cũng nghĩ, cũng đau, cũng cần, cũng phản ứng như mình.

Tình yêu thường bắt đầu bằng một cái mộng

"Tình yêu bao giờ cũng bắt đầu bằng một cái 'mộng', mà sự sống chung đụng nhau hằng ngày dễ làm tan 'mộng' ấy."

Câu này rất hiện đại: yêu xa, yêu qua hình ảnh, yêu qua tưởng tượng thường đẹp; sống chung mới là nơi con người thật hiện ra.

Hiểu tất cả để yêu tất cả

"Hiểu tất cả để mà yêu tất cả phải là nguyên tắc đầu tiên để đi tìm hạnh phúc ở tình yêu."

Đây là tinh thần khoan dung của sách: hiểu không phải để phán xét, mà để thương đúng hơn, tha thứ rộng hơn và cư xử mềm hơn.

Nghệ thuật yêu đương là điều hòa những khác biệt

"Điều hòa nó lại, đem cái sở trường bên này, bù vào cái sở đoản bên kia, tìm mà lặp lại cái thế quân bình giữa cặp mâu thuẫn ấy, là công phu của con người đi tìm hạnh phúc, đấy là nghệ thuật yêu đương."

Đây là một định nghĩa đẹp: yêu không phải xóa khác biệt, mà là làm cho khác biệt bổ túc nhau thay vì phá hủy nhau.

Ân nghĩa dễ sinh tình sâu

"Yếu tố gây tình ái quan trọng nhất là tình thương che chở, bảo bọc."

Dù cách diễn đạt mang màu sắc cũ, ý sâu vẫn còn: con người dễ gắn bó với người từng che chở mình, hoặc người mình từng hết lòng chăm sóc.

Tình yêu do ân nghĩa thường bền

"Tình yêu nào do ân nghĩa gây ra là thứ tình yêu sâu sắc và bền bỉ nhất."

Tình yêu bền thường không chỉ do hấp dẫn, mà do những gì đã cùng nhau gánh vác: bệnh tật, khó khăn, nợ ân tình, những lúc người này nâng người kia dậy.

Tình yêu chân thật căn cứ nơi hy sinh

"Tình yêu chân thật nào cũng căn cứ nơi yếu tố thứ nhất và căn bản này: lòng hy sinh."

Đây là một trong những trục tư tưởng chính của sách. Tình yêu thật không chỉ hỏi "tôi được gì", mà hỏi "người kia có bình an, lớn lên, hạnh phúc hơn không".

13. Không có hy sinh, không có tình yêu chân thật

"Không có sự hy sinh, không bao giờ có tình yêu chân thật cả."

Câu này nghe nghiêm khắc nhưng đáng suy nghĩ. Không phải hy sinh đến mất mình, mà là khả năng bớt ích kỷ, biết nhường, biết chịu phần khó vì người mình yêu.

Yêu là lấy hạnh phúc người làm hạnh phúc mình

"Hy sinh là quên mình, quên hạnh phúc của bản thân để mưu hạnh phúc cho người khác, lấy cái hạnh phúc của người làm hạnh phúc của mình."

Đây là định nghĩa rất cao về tình yêu. Nó gần với tình thương của cha mẹ, nhưng cũng là tiêu chuẩn để đo chiều sâu của mọi mối quan hệ.

Âu yếm mà không hy sinh là tình yêu giả dối

"Yêu mà thiếu âu yếm là một tình yêu còn thiếu sót lớn... Còn âu yếm mà không có lòng hy sinh là một tình yêu giả dối."

Đoạn này đặc biệt hay vì cân bằng được hai mặt: tình yêu cần biểu hiện dịu dàng, nhưng sự dịu dàng bên ngoài không đủ nếu bên trong không có trách nhiệm và hy sinh, phần còn giá trị nhất của *Thuật yêu đương* nằm ở quan niệm rằng tình yêu không chỉ là rung động, mà là **một nghệ thuật sống chung**: phải hiểu nhau, đừng lấy mình làm chuẩn cho người kia, biết điều hòa khác biệt, biết âu yếm và nhất là biết hy sinh. Bước vào những trang cuối này với một trái tim trĩu nặng, để soi rọi vào những phận đời chìm nổi giữa dòng đời xuôi ngược. Tại đây, tôi bóc tách lớp màn ảo ảnh của sắc đẹp để chạm đến nỗi đau thắt lòng của người phụ nữ trong cơn lốc xoáy giới tính. Ái tình hiện lên như một nghịch lý đắng cay, vừa là bến đỗ bình yên, vừa là vực thẳm bủa vây những tâm hồn khát khao hơi ấm. Giữa ánh đèn phồn hoa rực rỡ, tôi bắt gặp những cái bóng lẻ loi đang quẫy đạp trong sự cô độc tàn nhẫn của thời đại mới. Khi tráng lệ vật chất lên ngôi, đó cũng là lúc tôi lắng nghe tiếng thét câm lặng về một cuộc khủng hoảng tinh thần đang tàn phá nhân gian.

CHƯƠNG 7: Nhan sắc và sự đọa đày - Tiếng thở dài của phụ nữ qua thăng trầm lịch sử

Xuyên suốt lịch sử, thân phận người phụ nữ hiện lên như một bản hòa ca buồn của sắc đẹp và sự tước đoạt. Khi tôi lật lại những trang sử cũ, tôi thấy nhan sắc chưa bao giờ chỉ là nhan sắc; nó là một thực thể bị nhào nặn, bị định nghĩa và bị thao túng bởi những cấu trúc quyền lực nam giới.

7.1. Thời mẫu hệ vàng son: Vẻ đẹp phồn thực và quyền tự chủ

Nhìn về thủa sơ khai, nơi những cộng đồng mẫu hệ như người Chăm hay các dân tộc Tây Nguyên tôn vinh người phụ nữ như biểu tượng của sự sống phồn thực. Ở đó, vẻ đẹp không phải là sự yếu đuối cần được bảo bọc, mà là sức mạnh của dòng dõi và quyền quản trị tài sản. Người phụ nữ là chủ gia đình, là người truyền thừa huyết thống, nơi "mẹ" là cốt lõi của nhân loại. Vẻ đẹp của họ gắn liền với sự tự do và tính linh thiêng của thiên nhiên, một trật tự của sự bổ trợ và hài hòa trước khi bị xáo trộn bởi các tư tưởng ngoại lai.

7.2. Sự tước đoạt quyền lực: Khi phụ nữ trở thành "Khách thể sắc đẹp"

Sự chuyển dịch từ mẫu hệ sang phụ hệ không chỉ là sự thay đổi về huyết thống, mà là một cuộc tước đoạt bản thể tàn nhẫn. Tôi nhận ra rằng phụ nữ đã bị đẩy từ vị trí "chủ thể tự do" xuống thành một "**khách thể sắc đẹp**" (aesthetic object). Lúc này, sắc đẹp không còn thuộc về chính họ, mà chỉ tồn tại trong cái nhìn thưởng ngoạn của đàn ông. Họ bị biến thành những "vật thể" để chiêm ngưỡng, một công cụ thẩm mỹ để làm sang cho quyền lực nam giới, nơi giá trị cá nhân bị hòa tan trong những chuẩn mực do kẻ khác áp đặt.

7.3. Ngục tù của "Lễ giáo phụ đức": Sự uốn nắn dị dạng

Tôi xót xa trước cách mà lễ giáo phong kiến đã uốn nắn người phụ nữ thông qua "Tam tòng, Tứ đức". Vẻ đẹp khỏe mạnh, đầy sức sống thời cổ đại bị thay thế bằng hình ảnh "liễu yếu đào tơ", đi đứng nhẹ nhàng, e lệ và khép nép. Sắc đẹp bị gắn chặt với sự phục tùng (Ngôn) và diện mạo đoan trang ngay cả khi chịu đựng đau đớn (Dung). Đây là một quá trình "thuần hóa" tinh vi, nơi sự ốm yếu và cam chịu được tôn vinh như những phẩm giá đạo đức, biến cơ thể người phụ nữ thành một ngục tù của các quy tắc "phụ công, phụ hạnh".

7.4. Bi kịch "Mỹ nữ họa thủy": Lời giải oan cho hồng nhan

Lịch sử phong kiến thường dùng khái niệm "**Hồng nhan họa thủy**" như một tấm bình phong để che đậy sự thối nát của các

vương triều. Tôi muốn đặt câu hỏi: Muội Hỉ, Đát Kỷ hay Bao Tự thực sự là kẻ "diệt quốc", hay họ chỉ là những "dê tế thần" cho sự bất tài và dâm lạc của những bậc quân vương? Những mỹ nhân như Điêu Thuyền hay Tây Thi thực chất là những vật hy sinh cho mưu toan chính trị. Họ bị lịch sử kết án một cách bất công, trong khi bản thân họ chỉ là những nữ tử đáng thương bị cuốn vào trò chơi quyền lực của đàn ông.

7.5. Nỗi đau thể xác và tinh thần: Vết thương rỉ máu đến hiện tại

Nhìn vào xã hội hiện đại mà tác giả Vương Hỗ Ninh đã quan sát tại Mỹ và rùng mình nhận ra: Nỗi đau của người phụ nữ vẫn chưa hề chấm dứt, nó chỉ khoác lên mình một lớp áo mới. Trong thế giới của sự thương mại hóa cao độ, thân thể và sắc đẹp phụ nữ lại một lần nữa bị biến thành hàng hóa. Khi các giá trị gia đình tan rã, người phụ nữ bị đẩy vào nỗi cô đơn hiện đại, nơi họ phải đối mặt với sự bất bình đẳng kinh tế và xã hội sâu sắc. Những vết thương căn tính về giới tính và sự tước đoạt vẫn đang rỉ máu thầm lặng sau lớp sơn hào nhoáng của vật chất.

Đây là 5 đoạn trích tiêu biểu trong tác phẩm *Nước Mỹ chống lại nước Mỹ* của tác giả Vương Hỗ Ninh, được lựa chọn để làm sáng tỏ các luận điểm về sự đứt gãy xã hội, sự hàng hóa hóa thân xác và nỗi cô đơn hiện đại của con người:

1. Sự hàng hóa hóa xác thịt và tình dục

"Trong hệ thống Mỹ, mọi thứ đều mang tính lưỡng diện, và sự hào nhoáng của quá trình hàng hóa hóa cao độ hiện diện khắp nơi. Xác thịt con người, tình dục, tri thức, chính trị, quyền lực và luật pháp tất cả đều có thể trở thành đối tượng của sự hàng hóa hóa."

Ý nghĩa: Đoạn trích này phơi bày thực tại nghiệt ngã mà người phụ nữ hiện đại phải đối mặt. Khi sắc đẹp và thân xác bị biến thành hàng hóa (commodification), người phụ nữ không còn là một chủ thể tự trị mà trở thành một loại tài sản có thể định giá, trao đổi trên thị trường. Điều này kéo dài sự đọa đày của "khách thể sắc đẹp" từ thời phong kiến sang hình thái tinh vi hơn của thời đại tiêu dùng.

2. Nỗi cô đơn là sản phẩm của hệ thống

"Hệ thống kinh tế Mỹ đã tạo ra nỗi cô đơn của con người như là sản phẩm hàng đầu của nó, cùng với sự bất bình đẳng dị thường."

Ý nghĩa: Tác giả Vương Hỗ Ninh chỉ ra rằng sự cô đơn không phải là một trạng thái tâm lý ngẫu nhiên mà là một "sản phẩm"

được thiết kế bởi cấu trúc xã hội. Đối với người phụ nữ, khi các mạng lưới cộng đồng và gia đình truyền thống bị thay thế bằng các quan hệ hợp đồng, họ bị đẩy vào một "tiểu vũ trụ cô độc", nơi sắc đẹp dù rực rỡ đến đâu cũng không thể khỏa lấp sự trống rỗng về tinh thần.

3. Sự tiền tệ hóa các mối quan hệ nhân sinh

"Sự nổi bật và tầm quan trọng của tiền bạc trong xã hội đã tiền tệ hóa các mối quan hệ giữa người với người, trong khi cảm xúc của con người bị nén xuống dưới các quan hệ tiền tệ. Một chút hơi ấm cũng có thể quy đổi thành tiền."

Ý nghĩa: Trích dẫn này phản ánh nghịch lý của ái tình trong xã hội hiện đại. Khi tình cảm bị chi phối bởi logic của vốn, sự thấu cảm giữa người với người trở nên xa xỉ. Người phụ nữ trong cuộc hành trình tìm kiếm sự kết nối thường bị mắc kẹt giữa nhu cầu được yêu thương thực chất và sự lạnh lùng của các giá trị vật chất che giấu phía sau.

4. Sự tan rã của tế bào gia đình

"Tế bào thực sự của xã hội Hoa Kỳ là cá nhân... bởi vì tế bào nền tảng nhất của xã hội theo quan niệm của Aristotle; gia đình đã tan rã."

Ý nghĩa: Việc gia đình tan rã tước đi của người phụ nữ "điểm tựa tinh thần" cuối cùng. Trong sự đứt gãy này, người phụ nữ trở thành những thực thể rời rạc, dễ bị tổn thương và dễ bị thao túng bởi các trào lưu truyền thông và sắc đẹp phù phiếm, do không còn sự neo giữ của các giá trị luân lý gia đình bền vững.

5. Cú sốc chí mạng của chủ nghĩa hư vô

"Chủ nghĩa hư vô đã trở thành lối sống của người Mỹ, đây là một cú sốc chí mạng đối với sự phát triển văn hóa và tinh thần Mỹ. Nếu hệ thống giá trị sụp đổ, làm sao hệ thống xã hội có thể duy trì?"

Ý nghĩa: Tác giả Vương Hỗ Ninh lo ngại về một cuộc khủng hoảng tinh thần sâu sắc đằng sau sự tráng lệ vật chất. Khi sắc đẹp chỉ phục vụ cho những khoái lạc trước mắt mà thiếu đi nền tảng đạo đức, con người sẽ rơi vào vực thẳm của sự vô nghĩa. Đây chính là "tiếng thở dài" hiện đại mà người phụ nữ phải thốt lên khi nhận ra sự rực rỡ của nhan sắc không thể mang lại sự giải thoát thực sự cho bản thể.

CHƯƠNG 8: Biện chứng của ái tình và sự

thao túng nhận thức

Nhìn vào những con số khô khốc nhưng đầy ám ảnh của thời đại này: Theo báo cáo của tòa án, trung bình hàng năm Việt Nam có khoảng **600.000 vụ ly hôn**, và đáng kinh ngạc là **70% trong số đó là các cặp vợ chồng trẻ (20-30 tuổi)** với thời gian chung sống dưới 5 năm. Những thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM luôn dẫn đầu về tỷ lệ đứt gãy này. Tại sao trong một thời đại mà chúng ta dễ dàng kết nối nhất, ái tình lại trở nên mong manh và dễ đổ vỡ đến thế?

8.1. Ái tình: Hạnh phúc hay ngục tù và chữ "Biết"

Tôi chiêm nghiệm từ Thu Giang Nguyễn Duy Cần một chân lý giản đơn nhưng ít ai thấu: "Yêu là một điều rất dễ, nhưng *biết yêu* mới là vấn đề tối trọng và khó khăn hết sức". Chữ "Biết" phải đi trước chữ "Yêu". Khi con người yêu mà thiếu đi sự thấu hiểu (Trí) và sự tỉnh táo (Lý), tình yêu sẽ biến thành một hình thức "thao túng nhận thức" lẫn nhau. Thay vì là bến đỗ, nó trở thành ngục tù của sự chán chường, nơi hai cá nhân bị xích lại bởi những kỳ vọng ảo huyễn và nỗi đau của sự ích kỷ ẩn nấp dưới danh nghĩa tình thương.

8.2. Giải phẫu tâm hồn phụ nữ: Động lực vị tha và hờn ghen

Tâm hồn người phụ nữ, như cụ Cần phân tích, quy về một điểm duy nhất: trái tim. Họ suy nghĩ và hành động phần lớn bằng cảm xúc. Động lực lớn nhất của họ là lòng vị tha và khát khao được âu yếm, được quan tâm một cách dịu dàng. Tuy nhiên, chính cái tôi nhạy cảm ấy cũng sản sinh ra những cơn hờn ghen đầy nhân tính. Khi không tìm thấy sự an toàn tinh thần, người phụ nữ dễ rơi vào trạng thái hoảng loạn và tìm cách thao túng cảm xúc của đối phương để xác nhận giá trị của chính mình.

8.3. Khát vọng thầm kín của đàn ông: Thực dụng và Tĩnh lặng

Ngược lại, tâm hồn người đàn ông lại bị chi phối bởi tính thực dụng và khát vọng về thế lực, tiền bạc. Trong tình yêu, họ khao khát một khoảng không gian tự do và sự tĩnh lặng để tái tạo năng lượng. Điều trớ trêu nhất là đàn ông – những kẻ tưởng chừng mạnh mẽ nhất – lại là những kẻ thèm khát được tán thưởng và tôn vinh cái tôi nhiều nhất. Sự đứt gãy thường xảy ra khi người đàn ông coi tình yêu là một "job" (công việc) phải hoàn thành theo kiểu pragmatism (chủ nghĩa thực dụng), trong khi người phụ nữ lại cần

một sự giao cảm tâm linh vượt ra ngoài vật chất.

8.4. Ảo vọng của bình quyền hình thức và sự "Nam nhi hóa"

Khi thấy nhiều phong trào bình quyền hiện đại đang đẩy phụ nữ vào một cái bẫy mới: sự "nam nhi hóa". Khi cố gắng chứng minh mình có thể làm mọi việc như đàn ông, người phụ nữ vô tình đánh mất cái bản ngã duyên dáng và thiên chức thiêng liêng – vốn là nguồn sức mạnh đặc thù của họ. Bình quyền thực chất phải là sự tôn trọng những khác biệt bản chất để bổ trợ cho nhau (Âm - Dương hài hòa), chứ không phải là sự ép buộc phụ nữ phải bước vào các khuôn mẫu cạnh tranh tàn nhẫn của nam giới để rồi rốt cuộc chỉ nhận lại sự trống rỗng và mệt mỏi về tinh thần.

8.5. Truyền thông, giải trí và bong bóng chia rẽ

Tác giả Vương Hồ Ninh đã cảnh báo một thực tại đáng sợ tại Mỹ, nơi xã hội tiêu thụ đã "giải trí hóa" mọi giá trị. Tình yêu bị biến thành một món hàng (commodification), được đóng gói trong các màn trình diễn hào nhoáng của truyền thông. Chúng ta sống trong những "bong bóng thông tin" (information bubbles), nơi các thuật toán chỉ cung cấp những gì ta muốn thấy, nuôi dưỡng cái tôi cực đoan và làm xói mòn khả năng thấu cảm với những người khác biệt. Kết quả là, con người hiện đại dù có hàng ngàn "friend" trên mạng xã hội nhưng vẫn sống trong nỗi cô đơn rệu rã, một loại cô đơn "được thiết kế" bởi hệ thống để duy trì vòng lặp tiêu dùng và thao túng tinh thần. 5 đoạn trích tiếp tinh hoa từ tác phẩm *Thuật yêu đương* của học giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần, mang giá trị sâu sắc và phù hợp để làm sáng tỏ các luận điểm về tâm lý giới tính, triết lý ái tình và sự tự chủ của con người trong Chương 8:

Về sự tiên quyết của tri thức trong tình yêu:

"Yêu là một điều rất dễ. Nhưng biết yêu mới là vấn đề tối trọng và khó khăn hết sức. Chữ 'biết' phải đi trước chữ 'yêu' thì yêu mới gây được nguồn hạnh phúc. Trái lại, nếu chỉ 'yêu' mà không 'biết yêu cho phải đường', thì yêu nhau sẽ biến thành đau khổ",,.

Về bản thể cảm xúc của người phụ nữ:

"Nếu tất cả tâm hồn của người phụ nữ có thể quy về một chỗ thì đó chính là trái tim của họ. Họ yêu và suy nghĩ bằng trái tim, đa phần hành động theo cảm xúc. Ngọn lửa lòng của người đàn bà, nếu không có một kẻ nào khác để bồi bổ, nếu không có một kẻ nào khác biết nuôi dưỡng nó sẽ tắt ngay",,.

Về sự đối lập giữa động lực vị kỷ và vị tha:

"Dục vọng của người đàn ông thường là những dục vọng ích kỷ: họ tìm thế lực, tiền bạc, địa vị, sự sung sướng xác thân v.v... Trái lại, dục vọng của đàn bà là những dục vọng vị tha. Lòng yêu vị tha của người đàn bà là một sự cần thiết cho giống nòi. Thiếu nó, nhân loại sẽ không thể nào tồn tại",,.

Về thiên chức giới tính và rủi ro của sự "nam nhi hóa":

"Cơ năng trí tuệ của phụ nữ khác hẳn với người đàn ông. Ngoài những điều cần có như người đàn ông, người đàn bà cần trang bị đủ điều kiện để thực hiện được thiên chức thiêng liêng của họ là làm vợ và nhất là làm mẹ. Đây là một vấn đề rất quan trọng",,.

Về quy luật hòa hợp Âm Dương trong nhân sinh:

"Âm là Âm, mà Dương là Dương, nó có những tính khí khác nhau. Nhưng Âm không thể lìa Dương mà Dương cũng không thể lìa Âm. Hai bên phải chung đụng nhau, cọ xát nhau và điều hòa nhau, thì loài người mới sinh tồn. Để tự nhiên thì Âm Dương xô xát nhau, tranh chấp nhau gây nên hỗn loạn và đau khổ",.

CHƯƠNG 9: Bóng tối đô thị và tính nhân bản của ngòi bút

Tôi khép lại bản thảo này bằng việc soi rọi vào những vết nứt sâu nhất của xã hội đương đại – những nơi mà ánh sáng phồn hoa không thể chạm tới.

9.1. Sự phân cực tàn nhẫn: Manhattan tráng lệ và Khu phố Tàu chật vật

Tác giả có viết rằng: Khi máy bay hạ cánh xuống New York, tôi nhận diện được nỗi sợ hãi rõ rệt đằng sau vẻ hào nhoáng. Tôi bắt gặp một nghịch lý nhức nhối: một Manhattan của những tòa chọc trời và một Chinatown của những cửa hàng nhỏ hẹp, nhộn nhịp nhưng đầy rẫy sự tương phản. Sự phân cực này không chỉ nằm ở vật chất mà còn ở tinh thần: người giàu di chuyển bằng máy bay riêng, trong khi hàng trăm người vô gia cư rách rưới phải ngủ trên nền đất lạnh lẽo của "Công viên Nhân dân" hay các ô cửa trên phố Bush. Đô thị hiện đại là một cỗ máy tạo ra sự hoa lệ cho một nhóm

ít người nhưng lại gạt bỏ vô vàn phận người chìm khuất ra bên lề xã hội.

9.2. "Nước Mỹ chống lại nước Mỹ" và hiện tượng tự mâu thuẫn hệ thống

Vương Hỗ Ninh đã đưa ra lời cảnh báo đắt giá: khi một hệ thống chỉ tập trung vào sự phát triển kinh tế và chủ nghĩa cá nhân cực đoan, nó sẽ tự phá hủy các thiết chế nền tảng. Tại Mỹ, tế bào gia đình – thứ mà Aristotle coi là cơ sở của xã hội – đã tan rã. Khi các giá trị luân lý và cộng đồng bị xói mòn bởi văn hóa tiêu thụ, xã hội rơi vào một "dòng chảy ngầm khủng hoảng không thể ngăn chặn". Sự phát triển kỹ thuật (hệ thống 4 chữ C) giúp quản trị dễ dàng hơn nhưng đồng thời biến con người thành những "dữ liệu quản lý ký hiệu", tước bỏ sợi dây liên kết hữu cơ giữa người với người.

9.3. Ghi chép từ tuyến đầu: Sự cô đơn cùng cực của nhóm người yếu thế

Từ lăng kính bảo trợ xã hội, tôi thấy tiếng nấc nghẹn của những người già bị đẩy vào cảnh phải trông chờ sự chăm sóc ít ỏi từ nhà nước thay vì tình thân đại gia đình. Tại Việt Nam năm 2024, có khoảng **4,43 triệu người cao tuổi đang sống độc thân** hoặc chỉ sống với trẻ em dưới 15 tuổi. Họ sợ cô độc hơn sợ bệnh tật, khao khát được tâm sự nhưng lại bị bao vây bởi sự vô cảm của lối sống đô thị. Những người nghèo đa chiều vẫn đang thiếu hụt trầm trọng về việc làm (40,3%) và dinh dưỡng (21,4%), tạo nên một sự bất bình đẳng dai dẳng đằng sau các báo cáo tăng trưởng.

9.4. Sứ mệnh của ngòi bút: Vá víu lại những rạn nứt

Tôi tin rằng sứ mệnh của ngòi bút hiện đại không phải để tâng bốc quyền lực mà là để trở thành một "nhân chứng đạo đức". Ngòi bút phải dùng lòng trắc ẩn để thắp sáng những góc tối, dùng sự thấu cảm để nhìn thế giới bằng đôi mắt của người khác. Chúng ta cần tái thiết lại một "**trục giá trị thống nhất**" – lấy con người và sự thấu cảm làm điểm xuất phát để chống lại sự phân rã của chủ nghĩa hư vô. Ngòi bút chính là chiếc chìa khóa để mở ra cánh cửa thấu hiểu, lan tỏa thông điệp tích cực và vá víu lại những rạn nứt đang rỉ máu của nhân gian, biến xã hội thành một cộng đồng nhân văn thực thụ. Tác phẩm *Nước Mỹ chống lại nước Mỹ* (1991) của tác giả Vương Hỗ Ninh là một tập hợp những quan sát sắc bén và lạnh lùng về những mâu thuẫn nội tại của xã hội Mỹ. Dưới đây là 9 trích đoạn chi tiết mang giá trị triết luận và thực chứng cao từ tác phẩm:

a. **Về ý nghĩa của sự mâu thuẫn nội tại:** "Ý định của tôi khi đặt tiêu đề này là để cho thấy rằng nước Mỹ chứa đựng những mâu thuẫn không thể bị quy gọn chỉ bằng một câu nói. Có những thế mạnh và cũng có những điểm yếu; ở đâu có lực lượng khẳng định thì ở đó cũng có thể tìm thấy lực lượng phủ định. Nước Mỹ là một sự mâu thuẫn, nó chứa đựng muôn vàn thực tại đối lập. Đó chính là ý nghĩa của 'Nước Mỹ chống lại nước Mỹ'".
b. **Về sự hàng hóa hóa mọi giá trị nhân sinh:** "Trong hệ thống Mỹ, mọi thứ đều mang tính lưỡng diện và sự hào nhoáng của quá trình hàng hóa hóa cao độ hiện diện khắp nơi. Xác thịt con người, tình dục, tri thức, chính trị, quyền lực và luật pháp — tất cả đều có thể trở thành đối tượng của sự hàng hóa hóa. Theo nhiều cách, việc hàng hóa hóa này đã làm tha hóa xã hội và dẫn đến những vấn đề xã hội nghiêm trọng".
c. **Về nỗi cô đơn như một sản phẩm của hệ thống:** "Hệ thống kinh tế Mỹ đã tạo ra nỗi cô đơn của con người như là sản phẩm hàng đầu của nó, cùng với sự bất bình đẳng dị thường. Nỗi cô đơn của con người là sản phẩm của các chế độ xã hội, và rất khó để tìm ra giải pháp chừng nào các chế độ xã hội đó vẫn còn nguyên vẹn".
d. **Về cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa hư vô:** "Chủ nghĩa hư vô đã trở thành lối sống của người Mỹ, đây là một cú sốc chí mạng đối với sự phát triển văn hóa và tinh thần Mỹ. Nếu hệ thống giá trị sụp đổ, làm sao hệ thống xã hội có thể duy trì?".
e. **Về sự tan rã của tế bào gia đình:** "Tế bào thực sự của xã hội Hoa Kỳ là cá nhân... bởi vì tế bào nền tảng nhất của xã hội theo quan niệm của Aristotle — gia đình — đã tan rã. Khi chủ nghĩa cá nhân cực đoan chiếm ưu thế, giá trị của sự bình đẳng khó lòng có thể thống trị".
f. **Về việc công nghệ cai trị con người:** "Sự phát triển của khoa học công nghệ tiên tiến đòi hỏi một sự phân công lao động tỉ mỉ hơn, nơi mỗi người có một nhiệm vụ riêng biệt. Tự động hóa và điện tử hóa khiến mỗi cá nhân chỉ cần phụ thuộc vào máy móc; những mệnh lệnh duy nhất họ tuân theo là của máy móc. Con người không còn điều khiển máy móc mà trở thành nô lệ của chúng".
g. **Về sự tiền tệ hóa các mối quan hệ xã hội:** "Sự nổi bật và tầm quan trọng của tiền bạc trong xã hội đã tiền tệ hóa các mối quan hệ giữa người với người, trong khi cảm xúc của

con người bị nén xuống dưới các quan hệ tiền tệ. Một chút hơi ấm cũng có thể quy đổi thành tiền".

h. **Về sức mạnh của tập quán và truyền thống:** "Các tập quán chính trị và truyền thống chính trị đôi khi còn quyền năng hơn cả luật pháp, bởi vì luật pháp được viết trên giấy trong khi những thứ kia được khắc ghi vào trái tim và tâm trí con người".

i. **Về sự không chắc chắn và 'cú sốc tương lai':** "Bất kỳ ai đến Mỹ cũng sẽ cảm thấy một loại 'cú sốc tương lai'. Sự phát triển của Mỹ với sự thịnh vượng kinh tế, các quy trình chính trị và lối sống của nó đã gieo rắc rất nhiều sự không chắc chắn cho thế giới. Những người ở các nước đang phát triển sẽ tự hỏi: Những lực lượng nào đã tạo ra một nền văn minh vật chất đáng kinh ngạc như vậy? Liệu đó là kết quả của sự ngẫu nhiên hay là một tất yếu lịch sử?".

PHẦN IV: SUY NIỆM, TRIẾT LUẬN, VĂN CHƯƠNG

CHƯƠNG 10: Trăn trở - Khi ngòi bút không thể đứng ngoài nỗi đau thời cuộc

Có những đêm tôi ngồi trước trang giấy trắng mà nghe rất rõ tiếng động của thời cuộc vọng vào trong lồng ngực mình. Đó không phải là tiếng ồn ngoài phố, không phải tiếng xe cộ, không phải tiếng người cười nói trôi qua dưới những bảng hiệu sáng đèn. Đó là một thứ âm thanh sâu hơn: tiếng nứt vỡ của lòng tin, tiếng thở dài của những phận người bị bỏ lại, tiếng lặng im của những kẻ biết đau mà không còn biết kêu ai.

Người cầm bút, nếu còn một chút lương tri, không thể giả vờ rằng mình chỉ sống trong thế giới của chữ nghĩa. Chữ nghĩa không mọc lên trong khoảng không. Nó mọc lên từ đất, từ máu, từ những phận người, từ những biến động của xã hội, từ những giấc mơ chưa thành và những thất vọng chưa nguôi. Viết, vì thế, không bao giờ chỉ là một trò chơi của trí tuệ. Viết là một cách chịu trách nhiệm với những gì mình đã thấy, đã nghe, đã đau và đã không thể quên.

10.1. Nỗi bất an của người chứng kiến

Tôi thường tự hỏi: điều gì làm cho một người bắt đầu cầm bút? Có phải vì muốn lưu danh? Vì muốn chứng tỏ mình thông minh? Vì muốn chen vào dòng chảy văn chương bằng một dấu vết riêng?

Có lẽ có người bắt đầu như thế. Nhưng càng đi sâu vào đời sống, tôi càng tin rằng người cầm bút chân chính bắt đầu từ một nỗi bất an. Một nỗi bất an không cho phép mình yên ổn. Một câu chuyện nghe được ở hành lang bệnh viện. Một đôi mắt trẻ thơ không biết gọi tên nỗi sợ. Một người mẹ cúi đầu trước hóa đơn điều trị. Một trí thức bị đẩy ra lề chỉ vì nói điều trái tai. Một xã hội càng giàu lên mà con người càng cô độc. Những điều ấy đọng lại trong lòng ta như những mảnh thủy tinh. Không viết thì đau. Viết ra cũng đau. Nhưng không viết thì cái đau ấy hóa thành sự đồng lõa.

Tôi trăn trở không phải vì tin rằng ngòi bút có thể lập tức thay đổi thế giới. Tôi không ngây thơ đến thế. Tôi biết một trang sách

không thể cứu một đứa trẻ khỏi bệnh tật, không thể phá tan một cơ chế bất công, không thể biến những kẻ vô cảm thành người nhân hậu chỉ sau một đêm. Nhưng tôi cũng biết: nếu không có những trang viết làm chứng, nỗi đau sẽ bị xóa tên. Nếu không có chữ nghĩa giữ lại, những phận người yếu thế sẽ tan vào bụi thời gian như chưa từng tồn tại.

Ngòi bút không phải lúc nào cũng là thanh gươm. Nhiều khi nó chỉ là một ngọn đèn nhỏ. Nhưng trong bóng tối dày đặc, một ngọn đèn nhỏ cũng có nghĩa.

10.2. Khi sự thật trở thành một gánh nặng

Sự thật không bao giờ nhẹ. Người ta thường nói yêu sự thật, nhưng ít ai chịu nổi cái giá của sự thật. Bởi sự thật thường làm đổ vỡ những ảo tưởng dễ chịu. Nó buộc ta nhìn thấy những gì ta muốn né tránh: sự mục nát sau vẻ hào nhoáng, sự cô đơn sau thành công, sự tàn nhẫn sau những khẩu hiệu đẹp, sự bất lực của con người trước những cỗ máy quá lớn.

Tôi đã nhiều lần nhận ra rằng, điều khó nhất của người viết không phải là tìm chữ. Điều khó nhất là đủ can đảm để không phản bội điều mình đã thấy. Có những sự thật nếu viết ra sẽ làm người khác khó chịu. Có những sự thật nếu nói ra sẽ khiến ta mất lòng, mất chỗ đứng, mất sự yên thân. Nhưng một ngòi bút chỉ biết chọn phần an toàn thì sớm muộn cũng biến thành thứ trang trí. Nó có thể đẹp, có thể trau chuốt, nhưng không còn linh hồn.

Tuy vậy, tôi cũng không tin vào kiểu sự thật lạnh lùng, tàn nhẫn, nhân danh chính nghĩa để làm tổn thương con người. Sự thật không được phép trở thành một thứ búa bổ xuống đầu kẻ yếu. Sự thật phải đi cùng lòng trắc ẩn. Nói thật không phải để thỏa mãn cái tôi đạo đức của mình, mà để mở ra một khả năng hiểu biết sâu hơn, công bằng hơn, nhân hậu hơn.

Có những sự thật cần được nói bằng giọng nghiêm khắc. Có những sự thật phải được nói bằng nước mắt. Và cũng có những sự thật chỉ có thể được nói bằng im lặng, bằng cách đặt một bàn tay lên vai người đang đau khổ, để họ biết rằng nỗi đau của họ đã có người chứng kiến.

10.3. Thời cuộc như một vết thương mở

Thời cuộc không phải là một khái niệm trừu tượng. Nó nằm trong giá gạo, trong học phí, trong bệnh án, trong đôi mắt người cha thất nghiệp, trong sự mệt mỏi của người mẹ chở con đi trị liệu, trong nỗi hoang mang của thanh niên trước một tương lai đầy sương mù. Nó nằm trong cách người ta đối xử với người yếu thế,

trong cách xã hội gọi tên những ai khác biệt, trong cách quyền lực lắng nghe hay bịt miệng sự phản biện.

Có những thời đại làm con người lớn lên. Cũng có những thời đại làm con người nhỏ lại. Khi một xã hội tôn thờ thành công quá mức, nó dễ khiến những người thất bại cảm thấy mình không còn quyền được thương yêu. Khi một xã hội tôn thờ tốc độ, nó dễ bỏ rơi những đứa trẻ cần đi chậm. Khi một xã hội tôn thờ lợi nhuận, nó dễ xem lòng trắc ẩn là thứ xa xỉ. Và khi một xã hội tôn thờ quyền lực, nó dễ biến sự thật thành một món hàng nguy hiểm.

Trăn trở của tôi nằm ở đó. Tôi không muốn viết những trang chỉ để ru ngủ người đọc. Tôi muốn chữ nghĩa có thể lay động một chút gì trong họ: một câu hỏi, một nỗi ngờ vực, một niềm thương, một sự tự vấn. Tôi muốn người đọc sau khi khép sách lại không chỉ nói "hay", mà lặng đi một chút và tự hỏi: mình đã sống đủ sâu chưa, đã nghe đủ kỹ chưa, đã từng vô tình làm tổn thương ai chỉ vì sự vội vàng và phán xét của mình chưa?

10.4. Viết để chống lại sự vô cảm

Vô cảm là căn bệnh âm thầm nhất của thời hiện đại. Nó không làm người ta ngã xuống ngay lập tức. Nó chỉ làm trái tim ngày càng chai lại. Ban đầu là dửng dưng trước một tin buồn. Sau đó là thờ ơ trước một bất công. Rồi đến một ngày, ta có thể nhìn thấy nỗi đau của người khác mà chỉ xem đó như một dữ kiện bình thường.

Ngòi bút phải chống lại sự vô cảm ấy. Không phải bằng những lời lên gân đạo đức, mà bằng cách trả lại gương mặt cho từng phận người. Một con số thống kê có thể làm ta giật mình, nhưng một câu chuyện thật mới khiến ta nhớ lâu. Hai triệu người chết đói là một thảm họa lịch sử; nhưng một người mẹ bế đứa con đã lả đi bên vệ đường mới khiến thảm họa ấy chạm vào tận đáy lòng. Hàng nghìn trẻ tự kỷ cần hỗ trợ là một vấn đề xã hội; nhưng một đứa trẻ chạm tay mẹ để nói "con thương mẹ" mới khiến ta hiểu rằng giao tiếp có thể bắt đầu từ một điều nhỏ đến nghẹn ngào.

Tôi viết vì không muốn con người bị rút gọn thành số liệu. Tôi viết vì tin rằng mỗi số phận đều có một chiều sâu không thể thay thế. Tôi viết để nhắc chính mình rằng: sau mọi học thuyết, mọi chiến lược, mọi công trình, mọi hệ thống quyền lực, cuối cùng vẫn là một con người cụ thể đang run rẩy trước đau khổ và mong được hiểu.

10.5. Nghiệp cầm bút như một lời tự buộc

Tôi gọi viết là một nghiệp, bởi nó không cho ta được yên.

Người đã thật sự bước vào con đường này sẽ khó còn sống vô tư như trước. Mỗi sự kiện đi qua đều để lại dấu vết. Mỗi cuộc gặp gỡ đều có thể trở thành một câu hỏi. Mỗi nỗi đau của người khác đều có thể trở thành một món nợ tinh thần.

Nghiệp cầm bút là tự buộc mình phải nhìn kỹ hơn, nghe sâu hơn, nghĩ lâu hơn và thương nhiều hơn. Đó là một con đường không hào nhoáng. Nhiều khi nó chỉ là sự cô độc trước trang giấy. Nhiều khi nó là cảm giác bất lực vì chữ nghĩa quá nhỏ bé trước khổ đau quá lớn. Nhưng chính trong sự nhỏ bé ấy, tôi lại tìm thấy ý nghĩa của mình.

Bởi nếu mỗi trang viết có thể giữ lại một chút nhân tính, nếu mỗi câu văn có thể làm một người bớt phán xét hơn, nếu mỗi suy niệm có thể giúp ai đó nhìn người yếu thế bằng ánh mắt dịu hơn, thì ngòi bút ấy chưa uổng.

Và tôi tiếp tục viết, không phải vì tin mình đúng hơn người khác, mà vì tôi còn đau. Còn đau nghĩa là còn chưa hóa đá. Còn biết đau trước phận người và thời cuộc, nghĩa là còn một phần người trong tôi chưa bị đánh mất.

CHƯƠNG 11: Suy niệm – Đi tìm một trục giá trị giữa thời đại phân rã

Sau những trăn trở, tôi bước vào suy niệm như bước vào một căn phòng lặng. Ở đó, những biến cố ồn ào ngoài kia được đặt xuống, không phải để quên, mà để nhìn cho rõ hơn. Trăn trở khiến ta đau. Suy niệm giúp ta hiểu vì sao ta đau. Nếu không suy niệm, nỗi đau dễ biến thành phẫn nộ mù quáng. Nếu chỉ phẫn nộ mà thiếu suy niệm, người cầm bút rất dễ biến ngòi bút thành một thứ vũ khí nóng nảy, có thể gây thương tích nhưng không mở ra ánh sáng.

Tôi luôn tin rằng một xã hội không sụp đổ trước hết vì nghèo, mà vì mất phương hướng. Nghèo có thể vượt qua nếu con người còn niềm tin, còn kỷ luật, còn một hệ giá trị chung để nương tựa. Nhưng khi mọi giá trị đều bị mua bán, mọi chuẩn mực đều bị chế giễu, mọi lý tưởng đều bị xem là ngây thơ, thì xã hội bắt đầu rơi vào tình trạng phân rã âm thầm. Người ta vẫn đi làm, vẫn tiêu dùng, vẫn giải trí, vẫn nói cười; nhưng bên trong, sợi dây nối người với người đã mủn đi.

11.1. Khi con người đánh mất la bàn tinh thần

Thời hiện đại đem đến cho con người nhiều lựa chọn hơn bao

giờ hết. Nhưng lựa chọn nhiều không đồng nghĩa với tự do sâu sắc. Một người đứng giữa vô số con đường mà không biết mình đi đâu thì không phải là người tự do; đó là người lạc đường.

Tôi nhìn thấy rất nhiều người trẻ hôm nay có kỹ năng, có bằng cấp, có khả năng dùng công nghệ, có tham vọng thành công. Nhưng trong mắt họ vẫn có một khoảng trống khó gọi tên. Họ biết cách kiếm sống, nhưng không biết sống để làm gì. Họ có thể kết nối với hàng nghìn người qua màn hình, nhưng lại thiếu một người để thật sự tâm sự. Họ tiếp nhận vô số thông tin mỗi ngày, nhưng lại không có một trục giá trị đủ vững để phân biệt điều gì đáng tin, điều gì đáng giữ, điều gì đáng hy sinh.

La bàn tinh thần của con người hiện đại đang bị nhiễu. Ngày xưa, dù nhiều ràng buộc, con người vẫn còn những điểm tựa: gia đình, làng xóm, đạo lý, tín ngưỡng, truyền thống, danh dự. Những điểm tựa ấy có mặt tối, có lúc ngột ngạt, có khi bất công. Nhưng khi chúng bị phá vỡ quá nhanh mà chưa có gì thay thế, con người bị ném vào khoảng không. Chủ nghĩa cá nhân cực đoan hứa hẹn giải phóng con người khỏi mọi ràng buộc, nhưng cũng có thể biến họ thành những hòn đảo cô độc, tự do mà lạnh lẽo.

Một xã hội muốn bền vững không thể chỉ dựa vào luật pháp và thị trường. Luật pháp giữ con người khỏi làm điều ác. Thị trường thúc con người tạo ra giá trị vật chất. Nhưng chỉ có văn hóa và đạo lý mới dạy con người vì sao phải sống tử tế ngay cả khi không ai nhìn thấy.

11.2. Sự phân rã của gia đình, cộng đồng và niềm tin

Gia đình từng là nơi con người học bài học đầu tiên về yêu thương, nhường nhịn, chịu trách nhiệm và tha thứ. Nhưng khi nhịp sống hiện đại cuốn con người vào vòng xoáy mưu sinh, gia đình nhiều khi chỉ còn là một địa chỉ cư trú. Người ta ở chung nhà nhưng không sống chung một đời sống tinh thần. Cha mẹ bận rộn, con cái lớn lên với màn hình, người già lặng lẽ trong góc phòng, những bữa cơm chung thưa dần như một nghi lễ cũ.

Cộng đồng cũng vậy. Ngày xưa, một người đau thì hàng xóm biết. Một gia đình gặp nạn thì cả làng nghe. Ngày nay, một người có thể chết trong căn hộ giữa thành phố đông đúc mà nhiều ngày sau mới được phát hiện. Sự phồn hoa đô thị che giấu một sự thật tàn nhẫn: con người đang ở gần nhau hơn về không gian, nhưng xa nhau hơn về tâm hồn.

Niềm tin xã hội cũng đang mòn đi. Khi người ta quá nhiều lần chứng kiến sự giả dối được tưởng thưởng, sự tử tế bị lợi dụng, sự

thật bị bóp méo, họ bắt đầu tự vệ bằng hoài nghi. Hoài nghi là cần thiết để không bị lừa. Nhưng hoài nghi kéo dài quá lâu sẽ trở thành độc dược. Một xã hội mà không ai tin ai thì mọi quan hệ đều biến thành hợp đồng, mọi sự giúp đỡ đều bị nghi ngờ, mọi lời tử tế đều bị xem là có mục đích.

Tôi suy niệm rất lâu về điều này: làm sao khôi phục lại niềm tin mà không rơi vào ngây thơ? Làm sao xây dựng một trục giá trị chung mà không biến nó thành giáo điều áp đặt? Làm sao giữ được tự do cá nhân mà vẫn bảo vệ được nghĩa vụ cộng đồng?

Có lẽ câu trả lời không nằm ở những khẩu hiệu lớn. Nó bắt đầu từ những thực hành nhỏ: giữ lời hứa, nói thật trong khả năng có thể, không lợi dụng người yếu thế, không hạ nhục người khác để chứng tỏ mình đúng, biết xin lỗi, biết cảm ơn, biết lắng nghe trước khi phán xét. Một nền văn minh có thể sụp đổ từ những quyết sách lớn, nhưng cũng có thể được nâng đỡ bằng vô số cử chỉ nhỏ của lòng tử tế.

11.3. Tri thức không có đạo lý sẽ trở thành lạnh lùng

Tôi từng kính trọng tri thức như một ánh sáng. Nhưng càng đi nhiều, gặp nhiều, chứng kiến nhiều, tôi càng hiểu: tri thức tự nó chưa đủ cứu con người. Một bộ óc sắc bén mà thiếu lòng nhân có thể trở thành công cụ nguy hiểm. Một kỹ thuật y khoa tinh vi mà thiếu sự thấu cảm có thể biến bệnh nhân thành ca bệnh. Một hệ thống quản trị hiệu quả mà thiếu phẩm giá con người có thể biến xã hội thành trại nuôi kỷ luật. Một nền giáo dục chỉ dạy cạnh tranh mà không dạy trách nhiệm có thể sản xuất ra những kẻ thành công nhưng trống rỗng.

Tri thức cần đạo lý để biết mình phục vụ ai. Khoa học cần nhân văn để không lạnh lùng trước sinh mệnh. Chính trị cần văn hóa để không rơi vào bạo lực. Kinh tế cần luân lý để không nghiền nát người yếu thế. Và ngòi bút cần trái tim để không biến sự thông minh thành kiêu ngạo.

Tôi không chống lại tiến bộ. Trái lại, tôi tin con người phải tiến bộ, phải học hỏi, phải mở rộng hiểu biết. Nhưng tiến bộ không thể chỉ đo bằng tốc độ, sản lượng, tiện nghi và những con số tăng trưởng. Tiến bộ thật sự phải làm cho con người bớt sợ hãi hơn, bớt cô độc hơn, bớt bị xúc phạm hơn, có nhiều cơ hội sống đúng phẩm giá hơn. Nếu một xã hội giàu lên mà người yếu thế bị bỏ rơi, trẻ em bị áp lực, người già bị quên lãng, người bệnh bị thương mại hóa, thì đó chỉ là một sự phát triển lệch trục.

Một con tàu chạy rất nhanh nhưng sai hướng sẽ càng lúc càng

xa bờ.

11.4. Cần một lực hấp dẫn chung

Tôi thường nghĩ đến khái niệm "lực hấp dẫn chung" như một hình ảnh đẹp. Trong vũ trụ, nếu không có lực hấp dẫn, các hành tinh sẽ trôi dạt vào khoảng không lạnh lẽo. Trong xã hội cũng vậy, nếu không có một hệ giá trị chung, con người sẽ tản mát thành những cá nhân rời rạc, mỗi người kéo về một phía, mỗi nhóm sống trong một thế giới riêng, mỗi cộng đồng nhỏ tự dựng lên sự thật của mình.

Lực hấp dẫn chung ấy không nhất thiết phải là một ý thức hệ cứng nhắc. Nó có thể là những nguyên tắc nền tảng: tôn trọng phẩm giá con người, đề cao sự thật, bảo vệ người yếu thế, gìn giữ gia đình, nuôi dưỡng giáo dục nhân bản, coi cộng đồng không phải là nhà tù của cá nhân mà là nơi cá nhân học cách trưởng thành.

Tôi mơ về một xã hội nơi người giỏi không khinh người kém, người giàu không bỏ mặc người nghèo, người mạnh không giẫm lên người yếu, người bình thường không chế nhạo người khác biệt. Tôi mơ về một lớp học nơi đứa trẻ chậm hơn không bị xem là gánh nặng. Một bệnh viện nơi bệnh nhân không bị rút gọn thành mã số. Một đô thị nơi người lang thang không bị coi như vết bẩn trên vỉa hào nhoáng. Một nền văn hóa nơi người cầm bút còn dám nói sự thật mà không đánh mất lòng trắc ẩn.

Có thể đó là một giấc mơ khó. Nhưng nếu không có những giấc mơ như thế, ngòi bút sẽ chỉ còn biết ghi chép sự suy tàn.

11.5. Suy niệm để trở về với con người

Sau cùng, mọi suy niệm của tôi đều quay về một điểm: con người. Không phải con người như khái niệm trong sách vở, mà là con người cụ thể, với thân thể đau đớn, tâm hồn yếu đuối, niềm hy vọng mong manh và khát vọng được nhìn nhận.

Tôi không muốn một hệ giá trị nào nhân danh tương lai mà chà đạp hiện tại của con người. Tôi không muốn một trật tự nào nhân danh ổn định mà làm câm lặng tất cả những tiếng kêu đau. Tôi cũng không muốn một thứ tự do nào nhân danh cá nhân mà phá vỡ mọi nghĩa vụ với tha nhân. Con đường nhân bản phải nằm ở giữa: đủ trật tự để con người không rơi vào hỗn loạn, đủ tự do để con người không bị nghiền nát, đủ đạo lý để con người không hóa thành thú săn mồi, đủ thấu cảm để người yếu thế còn có chỗ đứng.

Suy niệm, với tôi, là cách làm chậm lại cơn cuồng lưu của thời đại. Là ngồi xuống giữa những tiếng ồn và hỏi: điều gì còn đáng

giữ? Điều gì đang bị đánh mất? Điều gì cần được phục hồi trước khi quá muộn?

Và câu trả lời, dù đi vòng qua bao nhiêu học thuyết, cuối cùng vẫn giản dị đến nghẹn lòng: hãy giữ lấy con người. Giữ lấy khả năng biết đau trước nỗi đau của người khác. Giữ lấy sự xấu hổ khi làm điều sai. Giữ lấy lòng kính trọng trước sự thật. Giữ lấy một bàn tay biết đưa ra khi ai đó đang chìm.

Nếu một xã hội còn giữ được những điều ấy, nó vẫn còn hy vọng.

CHƯƠNG 12: Sự thấu cảm – Cúi xuống trước phận người để hiểu thời đại

Tôi đã đi qua nhiều miền suy nghĩ: quyền lực, chính trị, lịch sử, khoa học, y đạo, ái tình, phụ nữ, đô thị, trẻ tự kỷ, thân phận trí thức. Nhưng càng đi xa, tôi càng nhận ra một điều: mọi con đường ấy đều gặp nhau ở sự thấu cảm.

Thấu cảm không phải là thương hại. Thương hại thường nhìn từ trên xuống. Thấu cảm là ngồi xuống ngang tầm. Thương hại có thể khiến người nhận cảm thấy nhỏ bé. Thấu cảm trả lại cho họ phẩm giá. Thương hại dễ thỏa mãn cái tôi đạo đức của người ban phát. Thấu cảm đòi hỏi ta phải lắng nghe, phải thay đổi vị trí, phải chịu để nỗi đau của người khác đi qua mình.

Người cầm bút không có thấu cảm thì chữ nghĩa dễ trở thành lạnh lùng. Bác sĩ không có thấu cảm thì y khoa dễ trở thành kỹ thuật vô hồn. Nhà chính trị không có thấu cảm thì quyền lực dễ trở thành bạo lực hợp pháp. Nhà giáo không có thấu cảm thì giáo dục dễ trở thành sự áp đặt. Cha mẹ không có thấu cảm thì tình thương dễ biến thành kỳ vọng đè nặng lên con.

12.1. Thấu cảm là nhìn thấy người khác như một đời sống trọn vẹn

Điều tàn nhẫn nhất mà xã hội có thể làm với con người là rút gọn họ. Rút gọn người nghèo thành sự lười biếng. Rút gọn người bệnh thành bệnh án. Rút gọn trẻ tự kỷ thành chẩn đoán. Rút gọn phụ nữ thành nhan sắc. Rút gọn trí thức thành công cụ. Rút gọn người thất bại thành kẻ vô dụng. Rút gọn một dân tộc thành con số trong báo cáo.

Thấu cảm là chống lại sự rút gọn ấy. Là nhìn một người không chỉ qua biểu hiện bên ngoài, mà qua cả lịch sử riêng của họ: họ đã

đi qua gì, đã mất gì, đã sợ gì, đã từng hy vọng điều gì. Một đứa trẻ la hét trong lớp học không chỉ là "gây rối"; có thể em đang quá tải trước tiếng ồn và ánh sáng. Một người mẹ cáu gắt ở bệnh viện không chỉ là "khó chịu"; có thể bà đã thức trắng nhiều đêm, đã cạn tiền, đã kiệt sức vì sợ mất con. Một người trí thức im lặng không hẳn là hèn nhát; có thể họ đang bị bao vây bởi những áp lực mà người ngoài không nhìn thấy.

Thấu cảm không miễn trừ trách nhiệm cho con người. Nó không bảo rằng mọi hành vi đều đúng. Nhưng nó giúp ta không kết án quá vội. Nó buộc ta đặt thêm một câu hỏi trước khi phán xét: phía sau hành vi ấy là nỗi đau nào?

12.2. Sự thấu cảm trong y đạo

Trong bệnh viện, tôi học được rằng thân thể con người có thể kể những câu chuyện mà miệng không nói ra. Một bàn tay nắm chặt mép giường. Một ánh mắt tránh nhìn bác sĩ. Một người bệnh hỏi đi hỏi lại cùng một câu, không phải vì không hiểu, mà vì quá sợ. Một người nhà nổi nóng, không phải vì vô lý, mà vì họ đang đứng trước khả năng mất đi người thân yêu nhất.

Y học dạy tôi cách đọc xét nghiệm, hình ảnh, dấu hiệu sinh tồn. Nhưng đời sống dạy tôi cách đọc sự im lặng, sự run rẩy, sự chống chế, sự tuyệt vọng. Có những ca bệnh không chỉ cần thuốc. Họ cần được giải thích chậm hơn. Cần được gọi bằng tên. Cần được nhìn như một người chứ không phải như một trường hợp. Cần một câu nói: "Tôi biết anh đang sợ." Cần một sự hiện diện đủ bình tĩnh để họ mượn lấy mà đi qua cơn hoảng loạn.

Tôi không thần thánh hóa thấu cảm. Nó không thay thế chuyên môn. Một bác sĩ chỉ biết thương mà thiếu năng lực chuyên môn có thể gây nguy hiểm. Nhưng chuyên môn không có thấu cảm thì làm nghèo y học. Nó khiến ta chữa bệnh mà quên người bệnh. Cắt được khối u nhưng để lại một linh hồn hoang mang. Kéo dài sự sống nhưng không giúp người bệnh giữ lại phẩm giá.

Y đạo, theo tôi, bắt đầu từ nơi khoa học cúi xuống trước phận người.

12.3. Sự thấu cảm với trẻ tự kỷ và những ngôn ngữ khác

Khi làm việc với trẻ tự kỷ, tôi học được một bài học lớn: không phải ai im lặng cũng là không có gì để nói. Có những ngôn ngữ không đi qua miệng. Có những câu nói nằm trong ánh mắt, trong bàn tay, trong nhịp thở, trong cách một đứa trẻ đặt món đồ vào tay người lớn rồi rút lại. Nếu người lớn chỉ nghe bằng tai, họ sẽ bỏ lỡ cả một thế giới.

Thấu cảm với trẻ tự kỷ không phải là thương hại các em vì "thiếu hụt". Đó là học cách bước vào hệ quy chiếu riêng của các em. Một tiếng động nhỏ với ta có thể là cơn bão với trẻ. Một cái chạm bất ngờ với ta là bình thường, với trẻ có thể là sự xâm phạm. Một sự thay đổi lịch trình với ta chỉ là chuyện nhỏ, với trẻ có thể là mặt đất sụp xuống dưới chân.

Thấu cảm ở đây là đổi câu hỏi. Thay vì hỏi: "Tại sao con không giống người khác?", ta hỏi: "Con đang cần điều kiện gì để có thể bước ra?" Thay vì hỏi: "Bao giờ con nói?", ta hỏi: "Con đang nói bằng cách nào?" Thay vì ép trẻ vào chuẩn mực, ta điều chỉnh môi trường để tiếng nói của trẻ có nơi neo lại.

Khi một đứa trẻ không lời chạm tay mẹ và người mẹ hiểu đó là "con thương mẹ", giây phút ấy dạy ta rằng ngôn ngữ sâu nhất không nằm trong ngữ pháp. Nó nằm trong sự hiện diện. Trong khả năng hai tâm hồn nhận ra nhau dù chưa có lời hoàn chỉnh.

12.4. Sự thấu cảm với phụ nữ và những vết thương bị lịch sử che khuất

Trong lịch sử, phụ nữ đã chịu quá nhiều phán xét nhân danh đạo đức, lễ giáo, gia đình, danh dự. Họ bị yêu cầu hy sinh, nhẫn nhịn, đoan trang, chịu đựng; nhưng nỗi đau của họ lại ít khi được lắng nghe như một sự thật riêng. Người ta ca ngợi đức hy sinh của mẹ, nhưng nhiều khi quên hỏi người mẹ ấy đã mệt đến đâu. Người ta ca ngợi tiết hạnh, nhưng quên nhìn những bức tường đã giam giữ đời sống tinh thần của người phụ nữ. Người ta ca ngợi sắc đẹp, nhưng cũng chính sắc đẹp ấy nhiều khi biến họ thành đối tượng bị sở hữu, bị phán xét, bị hy sinh cho những thất bại của đàn ông và triều đại.

Thấu cảm với phụ nữ không phải là dựng lên một hình ảnh thánh nữ không tì vết. Phụ nữ cũng có yếu đuối, tự ái, ghen tuông, sai lầm, ham muốn, mâu thuẫn. Nhưng chính vì họ là con người trọn vẹn như thế, họ càng cần được nhìn bằng ánh mắt công bằng. Không phải như biểu tượng. Không phải như vật trang sức. Không phải như công cụ duy trì gia đình. Không phải như tội nhân của mọi đổ vỡ. Mà như một đời sống có quyền được hiểu.

Tôi nghĩ sự tiến bộ của một xã hội có thể được đo bằng cách xã hội ấy đối xử với nỗi đau của phụ nữ. Nếu nỗi đau ấy bị đem ra chế giễu, xã hội còn thô bạo. Nếu nỗi đau ấy bị bắt phải im lặng vì "đại cục", xã hội còn bất công. Nếu nỗi đau ấy được lắng nghe, được gọi tên, được chia sẻ trách nhiệm, xã hội bắt đầu có cơ hội trưởng thành.

12.5. Sự thấu cảm với người yếu thế giữa đô thị

Đô thị thường che giấu nỗi đau rất giỏi. Những tòa nhà cao, những con đường sáng, những quán cà phê đông người, những trung tâm thương mại lấp lánh khiến ta tưởng rằng đời sống đang đi lên. Nhưng chỉ cần bước chậm lại một chút, ta sẽ thấy những phận người nằm ở mép sáng: người bán vé số, người lao động nhập cư, người già neo đơn, đứa trẻ theo mẹ ra vỉa hè, bệnh nhân nghèo chờ ngoài hành lang, người thất nghiệp ngồi rất lâu ở một góc công viên.

Họ không làm hỏng vẻ đẹp của thành phố. Họ là phần sự thật mà thành phố không muốn nhìn vào.

Sự thấu cảm với người yếu thế không thể dừng ở cảm xúc xót xa. Nó phải trở thành một cách tổ chức xã hội. Một chính sách biết thấu cảm sẽ hỏi: người nghèo tiếp cận bệnh viện bằng cách nào? Trẻ khuyết tật đến trường ra sao? Người lao động nhập cư có nơi nào để gửi con? Người già cô độc có ai kiểm tra sức khỏe định kỳ? Không gian công cộng có chỗ cho người khác biệt không? Một thành phố chỉ đáng tự hào khi nó không chỉ phục vụ người mạnh, người giàu, người nhanh, người khỏe, mà còn biết mở lối cho người chậm, người yếu, người nghèo, người bị bỏ quên.

Tôi tin lòng trắc ẩn nếu chỉ nằm trong thơ văn thì chưa đủ. Nó phải đi vào thiết kế trường học, bệnh viện, đường phố, pháp luật, chính sách bảo trợ, cách truyền thông gọi tên con người. Một xã hội nhân bản không phải xã hội không có đau khổ, mà là xã hội không để người đau khổ phải đau một mình.

12.6. Thấu cảm trước thời cuộc: Không đầu hàng bóng tối

Có người hỏi: thấu cảm liệu có làm ta yếu đi không? Trong một thời đại cạnh tranh dữ dội, liệu người biết thương có bị nghiền nát không?

Tôi nghĩ ngược lại. Thấu cảm là một hình thức mạnh mẽ của trí tuệ. Nó giúp ta hiểu sâu hơn về con người, và ai hiểu sâu hơn về con người thì nhìn thời cuộc rõ hơn. Kẻ chỉ biết sức mạnh có thể thắng một trận. Người hiểu được nỗi sợ, khát vọng, tổn thương và niềm tin của con người mới hiểu được dòng chảy dài của lịch sử.

Thấu cảm không có nghĩa là mềm yếu trước cái ác. Có những lúc lòng trắc ẩn đòi hỏi ta phải cứng rắn để bảo vệ người bị hại. Thấu cảm với phận người không đồng nghĩa với dung túng cho sự tàn nhẫn. Trái lại, chính vì hiểu nỗi đau mà ta càng không thể thỏa hiệp với những cơ chế sản sinh ra đau khổ.

Tôi muốn ngòi bút của mình đi theo hướng ấy: đủ mềm để chạm vào nước mắt, đủ cứng để không quỳ trước bạo lực; đủ lặng để lắng nghe, đủ sáng để gọi tên sự thật; đủ gần với phận người để không biến thời cuộc thành khái niệm lạnh lùng.

12.7. Kết chương — Viết như một cách ở lại với con người

Sau cùng, sự thấu cảm là một cách ở lại. Ở lại với người bệnh khi họ sợ. Ở lại với đứa trẻ khi em chưa tìm được lời. Ở lại với người phụ nữ khi nỗi đau của họ bị lịch sử làm cho câm lặng. Ở lại với người yếu thế khi thành phố đi qua họ quá nhanh. Ở lại với sự thật khi nó chưa được hoan nghênh. Ở lại với trang giấy khi trong lòng mình còn nhiều điều chưa thể nguôi.

Tôi biết mình không thể cứu hết những phận người. Không ai có thể. Nhưng tôi có thể làm một việc nhỏ: không quay mặt đi. Tôi có thể lắng nghe lâu hơn một chút. Viết trung thực hơn một chút. Thương người cụ thể hơn một chút. Tự vấn mình nghiêm khắc hơn một chút. Và nếu mỗi người đều chịu làm "một chút" ấy, có lẽ thế giới này sẽ bớt lạnh.

Nghiệp cầm bút, đến tận cùng, không phải là nghiệp của chữ. Đó là nghiệp của lòng. Chữ chỉ là hình hài. Lòng mới là hơi thở. Khi lòng còn biết đau, chữ còn có máu. Khi chữ còn có máu, trang giấy còn có thể giữ lại một chút hơi ấm cho nhân gian.

Và tôi viết, như một người cúi xuống bên dòng nước đục của thời đại, cố lắng nghe xem dưới đó còn tiếng vọng nào chưa được nghe thấy.

BẢNG THUẬT NGỮ

[illegible] / Nhân vật

[illegible] của người viết, vừa là thiên chức vừa là gánh nặng.

[illegible] ghi chép, phản biện, mổ xẻ xã hội và thấu cảm phận người.

[illegible] dấn thân trước lịch sử và nhân sinh.

[illegible] thức không yên trước nỗi đau thời cuộc.

[illegible] lại để hiểu sâu bản chất quyền lực, văn hóa và phận người.

[illegible] mình vào nỗi đau của người khác mà không thương hại từ trên xuống.

[illegible] mong manh của con người trước lịch sử, bệnh tật, quyền lực và cô độc.

[illegible] động chính trị, xã hội, văn hóa làm nền cho toàn tác phẩm.

[illegible] đời sống, thiếu va đập thực tế.

[illegible] công cụ giải phẫu những góc khuất xã hội.

[illegible] chỉ phê phán mà còn nâng đỡ, an ủi.

[illegible] bên trong con người, cần được đánh thức bằng chữ nghĩa.

[illegible] con người với đau khổ, hy vọng, khát vọng và đổ vỡ.

[illegible] đưa con người ra khỏi u mê bằng lý trí và khoa học.

[illegible] thức, thực nghiệm và tinh thần nhân bản.

[illegible] truyền thống được kế thừa, đối thoại và tái giải thích.

[illegible] của chiến tranh, chính trị và biến động xã hội.

[illegible] mực tinh thần giúp xã hội không rơi vào hỗn loạn.

[illegible] giữ con người khỏi cô lập, hư vô và phân rã.

[illegible] để duy trì trật tự xã hội.

[illegible] niềm tin vào chân lý, đạo đức và ý nghĩa sống.

[illegible] người bị tách khỏi cộng đồng, gia đình, truyền thống.

[illegible] người hiện đại sống khép kín trong nỗi cô đơn riêng.

[illegible] thức khép kín làm chia rẽ xã hội.

[illegible] chia sẻ một thực tại chung.

[illegible] hội giàu vật chất nhưng nghèo ý nghĩa.

[illegible] ủa đạo đức, niềm tin, cộng đồng và gia đình.

[illegible] ựại nền tảng xã hội hài hòa, có đạo lý.

[illegible] âu dài và ổn định bền vững trong tư tưởng Đông phương.

[illegible] ặt cao trong tư duy quản trị quốc gia.

[illegible] ã trật tự, thường được quyền lực dùng để chính danh hóa kiểm soát.

[illegible] nhằm duy trì ổn định.

[illegible] chức, hợp thức hóa và vận hành trong xã hội.

[illegible] ập chế, dễ nghiền nát trí thức và người yếu thế.

[illegible] n dụng quyền lực để sinh tồn và chi phối chính trường.

[illegible] dùng để chuyển hóa tình thế trong đấu tranh chính trị.

[illegible] đã được tôi luyện bằng trí tuệ, quyền uy và hiệu quả.

[illegible] ản giữ quyền thuật khỏi tha hóa.

[illegible] g, mưu lược và phương tiện thực thi quyền lực.

[illegible] a lý tưởng nhân nghĩa và phương tiện chính trị.

[illegible] trị quốc bằng nhân nghĩa, đạo đức và lòng dân.

[illegible] trị quốc bằng sức mạnh, cưỡng chế và thủ đoạn.

[illegible] trị bình cao nhất khi đạo và thuật cùng vững.

[illegible] tạm yên khi có thuật nhưng thiếu phần đạo.

[illegible] rối loạn khi mất cả đạo lẫn thuật.

[illegible] đạo lý của chính trị.

[illegible] vận hành quyền lực để trị quốc.

[illegible] thể chế và hình thức tổ chức chính trị.

[illegible] vấn, tri thức và tư tưởng phục vụ trị bình.

[illegible] quản trị tài chính, nguồn lực và kinh tế.

[illegible] a, tập tục và nền nếp xã hội.

[illegible] ng thô của chính trị, cần được thăng hoa thành quyền lực.

[illegible] chế bằng tư tưởng và trí thức.

[illegible] lên thành thủ đoạn có trí tuệ.

[illegible] ụng của hành động chính trị.

[illegible] hính trị theo logic xung đột lợi ích giai cấp.

[illegible] ổ chức quyền lực, duy trì trật tự và thống trị.

[illegible] c như công cụ quyền lực giai cấp.

[illegible] nh lợi ích và ưu thế của một giai tầng.

[illegible] vận động của quyền lực, lợi ích, trật tự và xung đột.

[illegible] về quan hệ giữa kinh tế, giai cấp, nhà nước và quyền lực.

[illegible] vì chính trị luôn gắn kinh tế, xã hội, văn hóa.

[illegible] điều hướng ý chí và nhận thức của người khác.

[illegible] thức khiến đối tượng tự nguyện tuân theo.

[illegible] tham, tự ái và khát vọng trong chính trị.

[illegible] thức hóa quyền lực trước xã hội.

[illegible] biểu tượng chính danh để điều khiển thế cuộc.

[illegible] để đạt mục tiêu của mình.

[illegible] bằng hướng giả để đi đường thật.

[illegible] lược tượng trưng cho sự biến hóa của trí tuệ chính trị.

[illegible] tượng vận động, không phải danh sách chết.

[illegible] biết người để thắng trong đấu tranh và xử thế.

[illegible] tính đạt đạo.

[illegible] cần biết; cái biết sinh từ nhu cầu sinh tồn.

[illegible] quý nhưng dễ bị nghiền nát nếu thiếu hiểu biết quyền lực.

[illegible] ngoan thủ đoạn trong môi trường quyền lực.

[illegible] vào thiện ý mà không hiểu cơ chế quyền lực.

[illegible] trước khi thực thi lý tưởng.

[illegible] đạo đức bị kẻ quyền lực lợi dụng hoặc vô hiệu hóa.

[illegible] thể bị hy sinh trước logic ổn định tuyệt đối.

[illegible] mực đạo đức thường va chạm với quyền lực chính trị.

[illegible] người cầm bút theo đuổi nhưng cũng là nguyên nhân khiến họ bị đe dọa.

[illegible] quyền lực và những điều được coi là hiển nhiên.

[illegible] trong va đập thực tế, không đứng ngoài thời cuộc.

[illegible] không khuất phục của người trí thức.

[illegible] đức và trách nhiệm xã hội của kẻ sĩ.

[illegible] thức truyền thống mang lý tưởng trị quốc, an dân.

[illegible] tưởng có khả năng ảnh hưởng chính trị và xã hội.

Khái niệm trí thức như một lực lượng chính trị – xã hội.

Khẳng định vào nền đạo đức của người trí thức.

Khái niệm biến cái biết thành quyền lực cải tạo đời sống.

Khái niệm chạm giữa phẩm đức, giá trị và quyền lực.

Vấn đề đau của người biết chữ trước vận mệnh quốc gia.

Nghề nhiều chữ xưa nay thường nhiều lo lắng và hoạn nạn.

Khuynh hướng tránh giành tước vị, dựa vào quyền quý để tiến thân.

Nguy hiểm đánh mất độc lập, xu phụ cường quyền.

Những nguyên lực chính trị vì chữ nghĩa, thơ văn, tư tưởng.

Điều tích cho nhạo lực quyền lực đối với trí thức.

Ấn chạ hóa của trí thức trước danh lợi và quyền lực.

Không giấy trắng đối diện với lương tâm và thực tại.

Khiến người tinh thần vượt khỏi nghề nghiệp thông thường.

Vô tiếng Anh/Pháp chỉ thiên hướng, ơn gọi, sứ mạng nghề nghiệp.

Khái niệm phân tâm chân lý và xét đoán thời cuộc.

Khái niệm văn hóa, ký ức và đạo lý dân tộc được giữ qua chữ nghĩa.

Người viết nối văn hóa, hiện tại và tương lai.

Nghiệp chướng cao quý tinh thần đau đớn nhưng đáng mang.

Khái niệm Nước kiến can dự vào gia đình và xã hội.

Khái niệm Nho giáo như nền tảng của trị quốc.

Quản lý quốc gia bằng đạo lý và năng lực.

Khái niệm Nho giáo thiên hạ, lập lại trật tự lớn.

Thành ngữ chính để làm yên dân chúng.

Khái niệm chính trị của tầng lớp kẻ sĩ.

Khái niệm xã hội nơi trí thức có thể dựa vào để tiến thân.

Khái niệm quý hiền thế, địa vị, tài nguyên chính trị.

Điều ý đạo không xác phẩm người đọc sách hiến.

Khái niệm cả quyền lực trong việc tiếp nhận phản biện trí thức.

Khái niệm trí thức, khoa học, văn hóa của đội ngũ trí thức.

Khái niệm trên đạo lý, trí tuệ và cống hiến xã hội.

Khái niệm thương thiếu nguồn lực cải tạo thực tế.

Khái niệm bóc lột, tham nhũng, thủ đoạn.

Khái niệm và Khổng giáo với tính toán kinh tế thực dụng.

Khái niệm/hiểu tượng lý và tu dưỡng phương Đông.

Khái niệm cho hiệu quả, quản trị và tính toán thực tiễn.

Khái niệm khách quan, thực nghiệm, logic và biết hoài nghi.

[illegible] nghĩa, trọng văn chương nhưng kém thực nghiệm.

[illegible] mùa, có vẻ Tây học nhưng tư duy còn sơ đẳng.

[illegible] thuật, vụ lợi, thiếu nền tảng nhân văn.

[illegible] vào lực lượng vô hình thay cho nhận thức khoa học.

[illegible] vạn vật đều có linh hồn, thần lực.

[illegible] như định mệnh siêu nhiên, thiếu thực chứng.

[illegible] và đặt câu hỏi.

[illegible] tới con người như cứu cánh.

[illegible] nhân như một con người trọn vẹn, không chỉ là ca bệnh.

[illegible] nghề y, lấy lòng nhân và trách nhiệm làm gốc.

[illegible] thuốc chăm người bệnh như mẹ hiền.

[illegible] nghề y trước ranh giới sống chết.

[illegible] học, phần có thể đo bằng xét nghiệm và chẩn đoán.

[illegible] đớn chủ quan của người bệnh.

[illegible] kể lại tổn thương thân thể và đời sống.

[illegible] đạo đức trước nỗi đau của người bệnh.

[illegible] có nguy cơ rút gọn con người thành dữ kiện.

[illegible] sự mong manh tận cùng.

[illegible] khỏe bị chi phối bởi thị trường và lợi nhuận.

[illegible] bệnh mà không phán xét hay ban phát.

[illegible], đôi khi phải nhường chỗ cho an ủi và phẩm giá.

[illegible] khỏi không còn khả thi.

[illegible] trẻ tự kỷ tồn tại ở kênh khác.

[illegible] giao tiếp bằng nhịp, cử chỉ, im lặng và tín hiệu riêng.

[illegible] đặt con người lên trước kỹ thuật.

[illegible] bỉ, ấm áp, không bạo lực.

[illegible] những điều chưa thể nói thành lời.

[illegible] trống rỗng, mà là nơi ý nghĩa đang gom lại.

[illegible] qua môi trường khác, cần đổi cách nghe.

[illegible] mắt, tay, hơi thở, dáng điệu.

[illegible] nhại, có thể là nhịp tự điều chỉnh và cầu nối giao tiếp.

Khái niệm ước lệ

Chấp nhận – Tôn trọng – Thiên vị và chăm sóc trẻ tự kỷ.

Cách điều hành mệnh như nghệ thuật chiến lược và quản trị thời thế.

Cộng mệnh phận của tập thể, dòng tộc, cộng đồng hay dân tộc.

Biết liều mệnh thế, biết giới hạn và cơ hội của vận mệnh.

Hòa vào cộng đồng, dân tộc, lịch sử.

Riêng lẻ, hữu hạn.

Á Đông để giữ trật tự và chống phân rã xã hội.

Trong gia đình và xã hội truyền thống.

Xã hội bị đe dọa bởi chủ nghĩa cá nhân cực đoan.

Nâng đỡ con người khỏi cô độc và hư vô.

Cực đoan cá nhân đẩy đến mức phá vỡ liên kết xã hội.

Tình yêu, tri thức thành hàng hóa.

Giá trị nghiêm túc thành trò tiêu khiển.

Giáo dục, y tế, tình cảm thành đối tượng mua bán.

Người chìm khuất sau vẻ phồn hoa.

Thành phố hiện đại.

Sau nghèo và địa vị ngày càng dữ dội.

Phồn hoa, tài chính, cao ốc và quyền lực đô thị.

Sống nhập cư, chật vật và tương phản xã hội.

Bỏ rơi trong hệ thống phát triển.

Nằm nâng đỡ người yếu thế.

Bị bỏ quên giữa đô thị đông đúc.

Phụ nữ như giá trị, gánh nặng và công cụ quyền lực.

Bị chiếm hữu, tôn vinh, phán xét trong lịch sử giới.

Thành vật để ngắm nhìn và đánh giá.

Qua lễ giáo, sắc đẹp, ái tình và quyền lực.

Tôn vinh vai trò người mẹ và dòng nữ.

Quyền lực nam giới làm trung tâm.

Phong kiến ràng buộc phụ nữ.

Truyền thống áp đặt lên đời sống phụ nữ.

Lỗi cho phụ nữ đẹp khi vương triều suy sụp.

Nhưng có thể bỏ quên căn tính và thực chất tự do.

Phụ nữ bị ép bắt chước mô hình nam giới như chuẩn mực tiến bộ.

[illegible] nền hạnh phúc, vừa là nguồn đau khổ nếu thiếu chữ “biết”.

[illegible] hiểu nhau, âu yếm và hy sinh.

[illegible] phải đi trước tình yêu để tránh làm khổ nhau.

[illegible] của hạnh phúc tình yêu và hôn nhân.

[illegible] người khác cũng nghĩ như mình.

[illegible] sinh tình sâu, nhất là trong tình yêu và đạo lý.

[illegible] căn bản của tình yêu chân thật.

[illegible] dàng cần có để tình yêu không khô cứng.

[illegible] biết, xử thế, điều hòa khác biệt và trách nhiệm.

[illegible] cùng để trí tuệ không trở thành lạnh lùng và quyền lực không hóa bạo lực.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

BẢNG THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM VÀ ĐIỂN CỐ CHÍNH

1. Nghiệp cầm bút

"Nghiệp cầm bút" trong tác phẩm này không chỉ được hiểu như nghề viết, mà là một định mệnh tinh thần. Người cầm bút mang lấy trách nhiệm chứng kiến, suy niệm và thấu cảm trước những biến động của đời sống. Viết không chỉ để ghi lại sự kiện, mà còn để giữ lại phẩm giá con người trong những hoàn cảnh lịch sử dễ khiến con người bị quên lãng.

2. Kẻ sĩ

"Kẻ sĩ" là hình tượng trí thức truyền thống phương Đông: người học chữ, mang lý tưởng tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Trong tác phẩm này, kẻ sĩ được nhìn như một thân phận bi kịch: vừa khao khát phụng sự xã hội, vừa dễ bị nghiền nát hoặc tha hóa bởi quyền lực.

3. Trí thức

Trí thức không chỉ là người có học vấn, mà là người có khả năng biến tri thức thành trách nhiệm xã hội. Trí thức chân chính phải có phẩm đức, giá trị và ý thức về thân phận của mình trước quyền lực, nhân dân và lịch sử.

4. Phẩm đức

Phẩm đức là nền lương tâm của người trí thức. Nó giúp người cầm bút không trở thành công cụ của cường quyền, không phản bội sự thật và không đánh mất phần nhân bản trong mình.

5. Giá trị

Giá trị của người trí thức nằm ở khả năng biến cái biết thành năng lực cải tạo đời sống. Biết mà không hành động, không làm cho đời sống sáng hơn, thì cái biết ấy vẫn còn là một thứ tri thức bị giam trong tháp ngà.

6. Thân phận

Thân phận là kết quả của sự va chạm giữa phẩm đức, giá trị và thực tế quyền lực. Người trí thức càng dấn thân, càng dễ phải trả giá cho điều mình biết và điều mình nói.

7. Quyền lực

Quyền lực là sức mạnh được tổ chức và hợp thức hóa. Trong tác phẩm này, quyền lực vừa là phương tiện để kiến tạo trật tự, vừa là cám dỗ có thể làm biến dạng nhân cách con người.

8. Quyền thuật

Quyền thuật là kỹ thuật vận dụng quyền lực trong thực tế chính trị. Nó không nhất thiết đồng nghĩa với vô luân, nhưng nếu tách khỏi đạo lý, quyền thuật sẽ biến thành công cụ thao túng và hủy hoại nhân tính.

9. Đạo

"Đạo" là nền tảng nhân bản, luân lý và chính nghĩa. Đạo giúp quyền lực không trở thành bạo lực, giúp mưu kế không trở thành gian trá, giúp trí tuệ không trở thành lạnh lùng.

10. Thuật

"Thuật" là kỹ năng hành động, phương tiện, mưu lược và phương pháp tổ chức. Thuật cần thiết cho thực tế, nhưng thuật không được phép nuốt chửng đạo.

11. Vương đạo

Vương đạo là lý tưởng trị quốc bằng nhân nghĩa, đạo đức và lòng dân. Trong tác phẩm, vương đạo là giấc mơ cao đẹp nhưng luôn bị thử thách bởi thực tế chính trị khốc liệt.

12. Bá đạo

Bá đạo là cách vận hành quyền lực bằng sức mạnh, cưỡng chế và hiệu quả. Nó có thể giúp ổn định tạm thời, nhưng nếu thiếu đạo, bá đạo dễ dẫn đến bạo quyền.

13. Mưu kế

Mưu kế là trí lược dùng để xoay chuyển tình thế. Trong chính trị, mưu kế không chỉ là mẹo vặt, mà là năng lực đọc thời, đọc người, đọc thế và vận dụng cơ hội.

14. Thủ đoạn

Thủ đoạn là mưu kế đã được tôi luyện bằng trí tuệ, quyền uy và mục tiêu chính trị. Thủ đoạn khác với lừa lọc vụn vặt ở chỗ nó gắn với một cấu trúc quyền lực lớn hơn.

15. Thao túng

Thao túng là hành vi điều hướng ý chí, cảm xúc hoặc nhận thức của người khác để họ hành động theo khuôn mẫu định sẵn. Tác phẩm xem thao túng như một trong những vấn đề lớn của chính trị cổ điển lẫn xã hội truyền thông hiện đại.

16. Trường trị cửu an

"Trường trị cửu an" nghĩa là trị vì lâu dài, bình yên bền vững. Đây là khát vọng sâu xa của nhiều mô hình chính trị Đông phương, nhưng nếu tuyệt đối hóa ổn định, nó có thể hy sinh tự do, phản biện và phẩm giá cá nhân.

17. Lực hấp dẫn chung

“Lực hấp dẫn chung” là hệ giá trị tinh thần đủ mạnh để neo giữ con người khỏi rơi vào cô lập, hư vô và phân rã. Đó có thể là gia đình, cộng đồng, đạo lý, trách nhiệm và lòng nhân.

18. Trục giá trị

Trục giá trị là hệ chuẩn mực giúp cá nhân và xã hội phân biệt điều đáng giữ với điều cần vượt qua. Một xã hội mất trục giá trị sẽ dễ rơi vào hỗn loạn tinh thần dù vẫn phát triển vật chất.

19. Chủ nghĩa hư vô

Chủ nghĩa hư vô là trạng thái mất niềm tin vào ý nghĩa, đạo đức và chân lý. Khi mọi thứ bị thương mại hóa, giải trí hóa và tương đối hóa, con người dễ rơi vào cảm giác trống rỗng.

20. Thấu cảm

Thấu cảm là khả năng đặt mình vào nỗi đau của người khác mà không thương hại từ trên xuống. Đây là giá trị trung tâm của tác phẩm, nối liền nghề viết, nghề y, giáo dục, chính trị và đời sống gia đình.

21. Y đạo

Y đạo là đạo lý của nghề y. Nó nhắc người thầy thuốc rằng bệnh nhân không chỉ là bệnh án, xét nghiệm hay chẩn đoán, mà là một đời sống đang run rẩy trước đau đớn, sợ hãi và mất mát.

22. Disease

“Disease” chỉ bệnh lý sinh học: tổn thương, rối loạn, chỉ số, chẩn đoán có thể đo lường bằng công cụ y học.

23. Illness

“Illness” chỉ trải nghiệm đau khổ chủ quan của người bệnh: nỗi sợ, sự mất mát, đổ vỡ căn tính, cảm giác bị cô lập và nhu cầu được lắng nghe.

24. Tiếng vọng dưới nước

“Tiếng vọng dưới nước” là ẩn dụ về ngôn ngữ của trẻ tự kỷ: tiếng nói không mất đi, nhưng đi qua những kênh khác thường. Người lớn muốn hiểu phải đổi cách nghe.

25. Kỷ luật hiền

Kỷ luật hiền là phương pháp nâng đỡ bằng sự bền bỉ, rõ ràng, ấm áp, không cưỡng ép và không làm tổn thương phẩm giá của trẻ.

26. Hộp thư im lặng

“Hộp thư im lặng” là hình ảnh chỉ không gian để những điều chưa thể nói bằng lời vẫn có chỗ được tiếp nhận. Nó có thể là một thực hành trong gia đình, trường học, trị liệu hoặc đời sống tinh thần.

27. Ái tình

Ái tình trong tác phẩm không được nhìn như cảm xúc lãng mạn thuần túy, mà như một trường thử thách của hiểu biết, tự ái, ân nghĩa, hy sinh và nghệ thuật sống chung.

28. Chữ "biết" trong tình yêu

"Biết" phải đi trước "yêu". Yêu mà không hiểu tâm lý, giới hạn, hoàn cảnh và nhu cầu của nhau thì tình yêu dễ biến thành đau khổ.

29. Hy sinh

Hy sinh là khả năng bớt cái tôi để mưu cầu hạnh phúc cho người mình yêu. Trong tình yêu chân thật, hy sinh không phải xóa bỏ bản thân, mà là vượt khỏi ích kỷ.

30. Lòng nhân

Lòng nhân là nền ấm cuối cùng của toàn bộ tác phẩm. Trí tuệ không có lòng nhân sẽ thành lạnh lùng; quyền lực không có lòng nhân sẽ thành bạo lực; ngòi bút không có lòng nhân sẽ thành dao sắc không chuôi.

PHỤ LỤC II

NHÂN VẬT, TÁC GIẢ VÀ HÌNH TƯỢNG ĐƯỢC NHẮC ĐẾN

1. Vương Hỗ Ninh

Nhà lý luận chính trị Trung Quốc, thường được xem như một trong những kiến trúc sư tư tưởng quan trọng của Trung Quốc đương đại. Trong bản thảo, Vương Hỗ Ninh được dùng như một điểm quy chiếu để suy niệm về trật tự xã hội, khủng hoảng giá trị, chủ nghĩa cá nhân, truyền thông, tiêu thụ và sự phân rã tinh thần hiện đại.

2. Vũ Tài Lục

Học giả, nhà biên khảo Việt Nam, được tác phẩm sử dụng như một nguồn suy tư lớn về trí thức, quyền lực, chính trị, mưu kế và thân phận kẻ sĩ. Các tác phẩm của ông giúp bản thảo xây dựng trục phân tích giữa đạo và thuật, giữa trí thức và quyền lực.

3. Nguyễn Duy Cần

Học giả, tác giả *Thuật yêu đương*. Trong bản thảo, Nguyễn Duy Cần được dùng để suy niệm về tâm lý ái tình, hôn nhân, chữ "biết", sự hiểu nhau, hy sinh và nghệ thuật sống chung.

4. Nguyễn Đình Chiểu

Nhà thơ yêu nước, biểu tượng của khí tiết người cầm bút Nam Bộ. Hình ảnh Nguyễn Đình Chiểu trong bản thảo đại diện cho ngòi bút đạo nghĩa, dùng văn chương để chống gian tà và bảo vệ chính nghĩa.

5. Khuất Nguyên

Nhà thơ nước Sở, biểu tượng của kẻ sĩ trung trực bị quyền lực và gian thần đẩy vào bi kịch. Cái chết ở sông Mịch La được dùng như hình ảnh cực đoan của trí thức không chịu khuất phục trước thời cuộc suy đồi.

6. Tô Đông Pha

Đại văn hào Trung Hoa, biểu tượng của trí tuệ, tài hoa và nỗi ưu hoạn của người biết chữ. Những câu thơ tự trào của ông được dùng để diễn tả cái khổ của sự thông minh trong môi trường quyền lực.

7. Gia Cát Lượng

Nhân vật chính trị – quân sự thời Tam Quốc, biểu tượng cho sự kết hợp giữa đạo lý, mưu lược và tận trung. Trong tác phẩm, ông xuất hiện như hình ảnh của người dùng trí tuệ để phục vụ một lý tưởng lớn.

8. Tào Tháo

Nhân vật Tam Quốc, biểu tượng của quyền thuật, chính danh, thực dụng và thao túng. Tào Tháo được dùng để phân tích tính phức tạp của chính trị: vừa có tài tổ chức, vừa gây tranh cãi về đạo đức.

9. Lưu Bị

Nhân vật Tam Quốc, thường gắn với lý tưởng nhân nghĩa. Trong bản thảo, Lưu Bị giúp mở ra câu hỏi về ranh giới giữa nhân nghĩa thật và nhân nghĩa như một công cụ chính trị.

10. Tư Mã Ý

Nhân vật Tam Quốc, biểu tượng của nhẫn nại, che giấu năng lực, thao túng bằng sự tĩnh lặng và chờ thời. Tư Mã Ý đại diện cho loại quyền thuật vận hành âm thầm nhưng rất sâu.

11. Quan Vũ

Nhân vật Tam Quốc, biểu tượng của nghĩa khí và lòng trung. Trong tác phẩm, Quan Vũ giúp làm rõ sức mạnh tâm lý của ân nghĩa và sự mắc nợ đạo đức.

12. Tần Thủy Hoàng

Hoàng đế đầu tiên thống nhất Trung Hoa, gắn với điển cố "đốt sách chôn nho". Trong bản thảo, ông là biểu tượng của quyền lực muốn kiểm soát tư tưởng.

13. Machiavelli

Nhà tư tưởng chính trị Ý thời Phục Hưng, tác giả *Quân vương*. Ông được dùng như điểm tham chiếu cho tư duy chính trị hiện thực, nơi hiệu quả, quyền lực và sinh tồn được phân tích không

che đậy.

14. Shibusawa Eiichi

Nhà công nghiệp Nhật Bản, gắn với tư tưởng kết hợp *Luận Ngữ* và bàn tính. Trong bản thảo, ông đại diện cho mô hình kết hợp đạo lý và thực dụng kinh tế.

15. Arthur W. Frank

Nhà xã hội học y học, tác giả *The Wounded Storyteller*. Ông được dùng như điểm tựa cho cách nhìn người bệnh như một chủ thể kể chuyện bị thương, chứ không chỉ là đối tượng điều trị.

16. Phạm Ngọc Khuê

Trí thức Tây học Việt Nam, được nhắc trong mạch bàn về óc khoa học, óc nho sĩ, óc mô lăng và nhu cầu đổi mới tư duy trong thời kỳ giao thời.

17. Đặng Văn Ngữ

Bác sĩ, nhà khoa học Việt Nam, biểu tượng của sự dấn thân trong y học và kháng chiến. Ông đại diện cho mẫu hình trí thức khoa học gắn đời mình với vận mệnh dân tộc.

18. Nguyễn Trãi

Nhà chính trị, nhà văn hóa lớn của Việt Nam, biểu tượng của trí thức ưu hoạn và bi kịch quyền lực. Nguyễn Trãi có thể được đọc như một hình ảnh song hành với thân phận kẻ sĩ trong tác phẩm.

19. Nam Cao

Nhà văn hiện thực Việt Nam, đại diện cho ngòi bút nhìn sâu vào nỗi đau con người nghèo khổ, bị tha hóa và bị xã hội bỏ rơi.

20. Nguyễn Huy Tưởng

Nhà văn, nhà viết kịch, trí thức yêu nước. Trong mạch bản thảo, ông thuộc nhóm văn nghệ sĩ dấn thân khi ngòi bút trở thành vũ khí tinh thần.

21. Nguyễn Đình Thi

Nhà văn, nhạc sĩ, trí thức cách mạng, được nhắc trong mạch Hội Văn hóa Cứu quốc và vai trò của văn nghệ sĩ trong thời đoạn lịch sử.

22. Tô Hoài

Nhà văn Việt Nam, đại diện cho thế hệ cầm bút đi qua nhiều biến động xã hội, chiến tranh và đời sống dân tộc.

23. Stendhal

Nhà văn Pháp, tác giả *De l'amour*, được dùng như nguồn tham chiếu về tâm lý tình yêu, ảo tưởng và sự tan vỡ của mộng yêu khi va vào đời sống thực.

24. André Maurois

Nhà văn Pháp, được nhắc trong mạch bàn về hôn nhân, tâm lý nam nữ và những bất ngờ của đời sống vợ chồng.

25. André Gide

Nhà văn Pháp, tác giả *Khúc nhạc đồng quê*, được dùng để soi chiếu bi kịch của lòng thương hại, ân nghĩa và tình yêu ngang trái.

26. Khái Hưng

Nhà văn Tự Lực văn đoàn, tác giả *Nửa chừng xuân*, được dùng để minh họa tâm lý ân nghĩa, nợ tình và sự ràng buộc trong tình yêu.

27. Margaret Mitchell

Tác giả *Gone with the Wind*, được dùng qua hình tượng Scarlett để phân tích tự ái, lựa chọn tình yêu, quyến rũ và bi kịch cá nhân.

28. La Fontaine

Nhà thơ ngụ ngôn Pháp, được dùng như nguồn điển cố cho những ẩn dụ về sức mạnh, lợi ích và bản chất phân chia trong đời sống xã hội.

29. Huệ Túc Phu Nhân

Nhân vật được nhắc trong mạch Tử vi Đông A, đại diện cho cách dùng tri thức vận mệnh để nhận diện nhân tài và thế cuộc.

30. Tác giả "tôi"

"Tôi" trong tác phẩm là chủ thể tự sự: người viết, người quan sát, người suy niệm, người thầy thuốc, người chứng kiến và người cố gắng dùng chữ nghĩa để thấu cảm với thời cuộc.

PHỤ LỤC III

NIÊN BIỂU GỢI Ý CHO MẠCH LỊCH SỬ – TƯ TƯỞNG

Thời cổ đại – trung đại phương Đông

Thời Xuân Thu – Chiến Quốc:

Hình thành các hệ tư tưởng lớn như Nho gia, Đạo gia, Pháp gia, Binh gia. Đây là nền gốc cho các suy niệm về đạo, thuật, trị quốc, quyền lực và mưu lược.

Đời Tần:

Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, đồng thời để lại điển cố "đốt sách chôn nho", biểu tượng của quyền lực chính trị kiểm soát tư tưởng.

Thời Tam Quốc:

Giai đoạn quyền thuật, mưu lược, chính danh và đấu tranh sinh tồn chính trị được đẩy đến cực điểm. Tào Tháo, Lưu Bị, Gia Cát Lượng, Quan Vũ, Tư Mã Ý trở thành những hình tượng điển hình để phân tích chính trị và nhân tâm.

Thời trung đại Việt Nam

Thời Lý – Trần:

Giai đoạn văn hóa, Phật giáo, tinh thần cộng đồng và bản lĩnh dân tộc phát triển mạnh. Hào khí Đông A, tinh thần cộng nghiệp và quản trị vận mệnh tập thể có thể được dùng như điểm tựa suy niệm.

Thời Lê sơ:

Nguyễn Trãi là biểu tượng của trí thức vừa phụng sự chính trị, vừa chịu bi kịch khốc liệt của quyền lực.

Thế kỷ XIX:

Nguyễn Đình Chiểu trở thành biểu tượng của nhà nho yêu nước, dùng văn chương làm đạo khí chống lại sự xâm lược và suy đồi.

Thời cận đại Việt Nam

Cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX:

Xã hội Việt Nam bước vào thời giao thời: Nho học suy tàn, Tây học du nhập, óc khoa học bắt đầu va chạm với tư duy cũ.

Giai đoạn 1930–1945:

Sự va đập giữa thuộc địa, phong trào dân tộc, trí thức mới, văn học hiện thực, Hội Văn hóa Cứu quốc và nạn đói Ất Dậu tạo nên nền bi kịch lớn cho suy tư về ngòi bút và thời cuộc.

Năm 1945:

Nạn đói Ất Dậu và biến động chính trị dẫn tới sự thức tỉnh mạnh mẽ của trí thức, văn nghệ sĩ và quần chúng.

Thời hiện đại

Nửa sau thế kỷ XX:

Các mô hình chính trị, phát triển, tiêu thụ, truyền thông và cá nhân hóa tạo ra những câu hỏi mới về trật tự, tự do, gia đình và cộng đồng.

Cuối thế kỷ XX – đầu thế kỷ XXI:

Vương Hỗ Ninh quan sát khủng hoảng xã hội Mỹ, từ đó gợi ra những suy niệm về sự phân rã giá trị, chủ nghĩa cá nhân, truyền thông và nhu cầu tái lập hệ giá trị chung.

Thế kỷ XXI:

Y học hiện đại, tự kỷ học, y học tự sự, nhân văn y khoa, đô thị hóa và khủng hoảng tinh thần đặt ra yêu cầu mới: khoa học phải song hành với thấu cảm.

PHỤ LỤC IV

BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC TRỤC TƯ TƯỞNG TRONG SÁCH

[illegible] tâm

[illegible] không tha hóa

Nhận vào cái thương tiện mà không mất cứu cánh
Thấu hả kiện nhận xăn không trở thành lạnh lùng
Nhẹ và phận người mà không quên người bệnh
Khử tiếng hiểu biết không làm khổ nhau
Phẩm giá hoạt khỏi cái nhìn khách thể hóa
Bình hoà người yếu thế không đánh mất lòng nhân
Tạ nhân vẫn không rơi vào cô lập
Phẩm hiện và hội bền vững mà không bóp nghẹt sự thật
Cấu thành thời cụ thực và có ích cho nhân gian

PHỤ LỤC V

DANH MỤC TÁC PHẨM VÀ NGUỒN THAM KHẢO CHÍNH

A. Nhóm nguồn về chính trị, trí thức và quyền lực

1. Vương Hỗ Ninh. *Nước Mỹ chống nước Mỹ*. Bản dịch/bản PDF tiếng Việt.
2. Vương Hỗ Ninh. *Logic chính trị*. Bản dịch/bản PDF tiếng Việt.
3. Vương Hỗ Ninh. *Cuộc đời chính trị*. Bản dịch/bản PDF tiếng Việt.
4. Vũ Tài Lục. *Thân phận trí thức dưới nhãn quan chính trị*. Bản in/bản PDF lưu hành.
5. Vũ Tài Lục. *Thủ đoạn chính trị*. Sài Gòn, 1968.
6. Vũ Tài Lục. *Mưu kế chính trị*. Bản in/bản PDF lưu hành.
7. Vũ Tài Lục. *Nói chuyện Tam Quốc*. Bản in/bản PDF lưu hành.
8. Vũ Tài Lục. *Những quy luật chính trị trong sử Việt*. Bản in/bản PDF lưu hành.
9. Niccolò Machiavelli. *The Prince / Quân vương*. Nguồn tham chiếu về chính trị hiện thực.
10. Tôn Tử. *Binh pháp Tôn Tử*. Nguồn nền tảng về thế, thời, mưu lược và chiến lược.

B. Nhóm nguồn về tình yêu, hôn nhân và tâm lý

1. Nguyễn Duy Cần. *Thuật yêu đương*. Nhà xuất bản Văn học, 2006.
2. Stendhal. *De l'amour / Luận về tình yêu*.
3. André Maurois. Các tiểu luận/tác phẩm bàn về hôn nhân và tâm lý nam nữ.
4. André Gide. *La Symphonie pastorale / Khúc nhạc đồng quê*.
5. Khái Hưng. *Nửa chừng xuân*.
6. Margaret Mitchell. *Gone with the Wind / Cuốn theo chiều gió*.

C. Nhóm nguồn về y đạo, y học tự sự và thấu cảm

1. Arthur W. Frank. *The Wounded Storyteller: Body, Illness, and Ethics*. University of Chicago Press, 1995.
2. Các tài liệu về y học tự sự, y đức, quan hệ bác sĩ – bệnh nhân, phân biệt "disease" và "illness".
3. Các nghiên cứu về vai trò của thấu cảm trong điều trị, giao tiếp y khoa và chất lượng chăm sóc người bệnh.
4. Các tài liệu lịch sử về bác sĩ Đặng Văn Ngữ và sự dấn thân của trí thức y khoa Việt Nam.

D. Nhóm nguồn về trẻ tự kỷ, ngôn ngữ và trị liệu

1. Nguyễn Đông Hưng. *Tiếng vọng dưới nước: Hành trình tìm lại ngôn ngữ của trẻ tự kỷ Việt Nam*. Bản thảo song ngữ Việt – Anh, 2025.
2. Các tài liệu nghiên cứu về rối loạn phổ tự kỷ, giao tiếp phi lời, echolalia, ngôn ngữ trị liệu và can thiệp sớm.
3. Các tài liệu về phối hợp gia đình – nhà trường – trung tâm trong hỗ trợ trẻ tự kỷ.

E. Nhóm nguồn văn hóa – lịch sử Việt Nam

1. Nguyễn Đình Chiểu. Các tác phẩm thơ văn yêu nước.
2. Nguyễn Trãi. Các tác phẩm chính luận, thơ văn và tư liệu lịch sử liên quan đến thân phận trí thức.
3. Các tài liệu về nạn đói Ất Dậu 1945, chính sách bóc lột của Pháp – Nhật tại Đông Dương.
4. Các tài liệu về Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam, phong trào truyền bá chữ quốc ngữ, vai trò trí thức trong kháng chiến.

F. Nhóm nguồn tư tưởng – điển cố phương Đông

1. *Luận Ngữ*. Nguồn gốc Khổng giáo về tu thân, đạo lý và trật tự xã hội.
2. La Quán Trung. *Tam Quốc diễn nghĩa*. Nguồn văn học – lịch sử về quyền thuật, mưu lược và nhân vật chính trị.
3. Các tài liệu về Khuất Nguyên, *Ly Tao* và văn hóa Sở.
4. Các tài liệu về Tô Đông Pha, thơ văn và thân phận trí thức thời Tống.
5. Shibusawa Eiichi. *The Analects and the Abacus / Luận Ngữ và*

bàn tính.

PHỤ LỤC VI
GHI CHÚ VỀ CÁCH TRÍCH DẪN VÀ BIÊN TẬP

1. Về nguyên tắc trích dẫn

Các trích dẫn trong sách nên được đối chiếu lại với bản gốc hoặc bản in đáng tin cậy trước khi xuất bản. Với những nguồn đang dùng từ PDF, bản dịch lưu hành hoặc tư liệu cá nhân, cần bổ sung đầy đủ các thông tin sau nếu có:

Tên tác giả; tên tác phẩm; tên dịch giả hoặc người biên soạn; nhà xuất bản; nơi xuất bản; năm xuất bản; số trang; đường dẫn lưu trữ nếu là tài liệu điện tử.

2. Về cách ghi chú chân trang

Với nhân vật lịch sử, điển cố, khái niệm cổ điển hoặc thuật ngữ ngoại văn, nên dùng ghi chú chân trang ngắn gọn, tránh biến chú thích thành một bài khảo luận dài. Chú thích chỉ nên làm ba việc:

Giải thích nhân vật là ai; làm rõ khái niệm nghĩa là gì; chỉ ra vì sao khái niệm ấy liên quan đến mạch lập luận.

3. Về các đoạn trích dịch

Nếu trích từ tác phẩm nước ngoài qua bản dịch tiếng Việt, nên ghi rõ: “Bản dịch tiếng Việt”, “dịch giả chưa xác định” hoặc “tạm dịch” nếu chưa tìm được nguồn chính thức. Nếu người viết tự dịch, có thể ghi: “Người viết tạm dịch”.

4. Về các số liệu lịch sử

Những số liệu liên quan đến nạn đói Ất Dậu, thuế khóa thời thuộc địa, số người chết, diện tích trồng đay, tỷ lệ dân số mù chữ... cần được kiểm chứng qua nguồn sử học đáng tin cậy trước khi in. Nếu số liệu còn khác biệt giữa các nguồn, nên ghi: “theo một số tài liệu”, “ước tính”, hoặc nêu rõ nguồn.

5. Về thuật ngữ y khoa

Các khái niệm như “disease”, “illness”, “narrative medicine”, “empathy”, “autism spectrum disorder”, “echolalia” nên được dùng nhất quán. Khi lần đầu xuất hiện, nên có chú thích hoặc giải thích ngắn trong ngoặc.

6. Về thuật ngữ chính trị

Các thuật ngữ như “nhà nước là công cụ thống trị giai cấp”, “đấu tranh giai cấp”, “quyền lực giai cấp”, “trường trị cửu an” cần được trình bày như khái niệm phân tích, tránh biến văn bản thành tuyên truyền một chiều. Nên luôn giữ giọng suy niệm, đối thoại và phản tỉnh.

7. Về những quan niệm giới trong sách cũ

Khi sử dụng *Thuật yêu đương* hoặc các tác phẩm có quan niệm giới mang dấu ấn thời đại, nên có chú thích biên tập rằng một số nhận định phản ánh bối cảnh lịch sử và không nhất thiết tương ứng với quan niệm bình đẳng giới hiện đại. Việc trích dẫn cần tập trung vào các giá trị phổ quát: hiểu nhau, hy sinh, âu yếm, tự ái, ân nghĩa, nghệ thuật sống chung.

PHỤ LỤC VII

GỢI Ý HỆ THỐNG CHÚ THÍCH TRONG BẢN IN

Có thể dùng ba loại chú thích:

1. Chú thích nhân vật

Ví dụ:

Vương Hỗ Ninh: Nhà lý luận chính trị Trung Quốc, tác giả *Nước Mỹ chống nước Mỹ*, *Logic chính trị*, *Cuộc đời chính trị*. Trong sách này, ông được nhắc như một điểm quy chiếu để bàn về trật tự, quyền lực, văn hóa và khủng hoảng xã hội hiện đại.

2. Chú thích khái niệm

Ví dụ:

Trường trị cửu an: Cụm từ Hán Việt chỉ khát vọng trị vì lâu dài và duy trì sự bình yên bền vững. Trong tác phẩm, khái niệm này được dùng để suy niệm về mối căng thẳng giữa ổn định xã hội và tự do cá nhân.

3. Chú thích nguồn trích

Ví dụ:

Vũ Tài Lục, *Thủ đoạn chính trị*, Sài Gòn, 1968, phần Lời kết.

Hoặc:

Nguyễn Duy Cần, *Thuật yêu đương*, NXB Văn học, 2006, chương "Yêu đương và hạnh phúc".

PHỤ LỤC VIII

GỢI Ý DANH MỤC TỪ KHÓA TRA CỨU

Ái tình; Ân nghĩa; Bá đạo; Bạo lực lịch sử; Bệnh án; Chữ biết; Chính trị; Chủ nghĩa cá nhân; Chủ nghĩa hư vô; Cô lập cá nhân; Cộng đồng; Cộng nghiệp; Cường quyền; Đạo; Đạo – Thuật; Disease; Dấn thân; Đấu tranh giai cấp; Gia đình; Giá trị; Giàu thanh cao; Hạnh phúc hôn nhân; Hệ giá trị; Illness; Khai minh; Kẻ sĩ; Khổng giáo hiện đại; Kỷ luật hiền; Logic chính trị; Lòng nhân; Lực hấp dẫn chung; Mưu kế; Ngòi bút; Nghiệp cầm bút; Người cầm bút; Người yếu thế; Nhân văn y khoa; Phẩm đức; Phận người; Quyền lực; Quyền thuật; Sự thật; Thân phận; Thao túng; Thấu cảm; Thuật; Trăn trở; Trí thức; Trục giá trị; Tự do cá nhân; Văn tự ngục;

Vương đạo; Y đạo.

PHỤ LỤC IX

LỜI CẢM TẠ

Tôi xin gửi lời tri ân đến những bậc tiền nhân đã để lại cho hậu thế những trang chữ mang sức nặng của lương tri, những nhà văn, nhà tư tưởng, thầy thuốc, học giả và người cầm bút đã đi qua lịch sử bằng cả trí tuệ lẫn nỗi đau.

Tôi cũng xin cảm tạ những phận người lặng lẽ mà tôi từng gặp trong đời sống: người bệnh trên giường điều trị, những người mẹ bền bỉ bên con, những đứa trẻ chưa kịp gọi tên thế giới, những người lao động mưu sinh trong bóng tối đô thị, những trí thức cô độc trước thời cuộc, những người phụ nữ đã chịu quá nhiều im lặng mà vẫn giữ trong lòng một ngọn lửa yêu thương.

Nếu cuốn sách này có được chút hơi ấm nào, thì hơi ấm ấy không chỉ đến từ trang viết, mà đến từ chính những đời sống đã đi qua tôi, làm tôi đau, làm tôi nghĩ, làm tôi không thể quay mặt đi.

Tôi viết như một lời cảm tạ.

Tạ ơn chữ nghĩa đã cho tôi một nơi để tự vấn.

Tạ ơn nghề y đã dạy tôi cúi xuống trước phận người.

Tạ ơn những nỗi đau đã buộc tôi học cách lắng nghe.

Và tạ ơn những ai còn tin rằng, giữa thời cuộc đầy rạn vỡ này, lòng nhân vẫn là điều đáng giữ nhất.

PHỤ LỤC X

GHI CHÚ CUỐI SÁCH

Bản thảo *Nghiệp cầm bút* là một công trình mang tính suy niệm, kết hợp tùy bút, biên khảo, tự sự nghề nghiệp và phản tư xã hội. Tác phẩm không nhằm đưa ra một hệ thống lý luận khép kín, mà mở ra một hành trình đối thoại: giữa người viết và lịch sử, giữa trí thức và quyền lực, giữa khoa học và nhân văn, giữa y học và phận người, giữa ái tình và chữ "biết", giữa đô thị hiện đại và những tiếng khóc thầm bị bỏ quên.

Những nhận định trong sách phản ánh góc nhìn, trải nghiệm và thao thức riêng của người viết. Người đọc có thể đồng tình, chất vấn hoặc tiếp tục mở rộng. Đó cũng chính là mong muốn của tác phẩm: không đóng lại một kết luận, mà khơi lên một cuộc suy nghĩ chung về cách con người có thể sống sâu hơn, nghe kỹ hơn và thương nhau đúng hơn trong một thời đại nhiều đứt gãy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Hỗ Ninh. *Nước Mỹ chống nước Mỹ*. Bản PDF lưu hành nội bộ/bản dịch tiếng Việt.
2. Vương Hỗ Ninh. *Logic chính trị*. Bản PDF/bản dịch tiếng Việt.
3. Vương Hỗ Ninh. *Cuộc đời chính trị*. Bản PDF/bản dịch tiếng Việt.
4. Vũ Tài Lục. *Thân phận trí thức dưới nhãn quan chính trị*. Bản PDF/bản in lưu hành.
5. Vũ Tài Lục. *Thủ đoạn chính trị*. Sài Gòn, 1968.
6. Vũ Tài Lục. *Mưu kế chính trị*. Bản PDF/bản in lưu hành.
7. Vũ Tài Lục. *Nói chuyện Tam Quốc*. Bản PDF/bản in lưu hành.
8. Vũ Tài Lục. *Những quy luật chính trị trong sử Việt*. Bản PDF/bản in lưu hành.
9. Nguyễn Duy Cần. *Thuật yêu đương*. Nhà xuất bản Văn học, 2006.
10. Nguyễn Đông Hưng. *Tiếng vọng dưới nước: Hành trình tìm lại ngôn ngữ của trẻ tự kỷ Việt Nam*. Bản thảo song ngữ Việt – Anh, 2025.
11. Nguyễn Đình Chiểu. Các sáng tác thơ văn yêu nước, đặc biệt những câu thơ được trích ở đầu Phần I về đạo lý người cầm bút.
12. Tô Thức / Tô Đông Pha. Các bài thơ và giai thoại văn học liên quan đến thân phận trí thức, đặc biệt câu "Cổ kim thức tự đa ưu hoạn" và bài thơ tự trào về cái khổ của sự thông minh.
13. Khuất Nguyên. *Ly Tao* và các giai thoại lịch sử về cái chết ở sông Mịch La, dùng như biểu tượng bi kịch của kẻ sĩ trước quyền lực.
14. La Quán Trung. *Tam Quốc diễn nghĩa*. Nguồn văn học – lịch sử dùng để đối chiếu các hình tượng Tào Tháo, Lưu Bị, Gia Cát Lượng, Tư Mã Ý và quyền thuật thời loạn.
15. Tôn Tử. *Binh pháp Tôn Tử*. Nguồn nền tảng cho các luận điểm về mưu lược, thế, thời, lực và nghệ thuật thắng bằng trí.
16. Niccolò Machiavelli. *The Prince / Quân vương*. Nguồn tham chiếu cho tư duy hiện thực chính trị và quan hệ giữa đạo đức, quyền lực, thủ đoạn.
17. Shibusawa Eiichi. *Luận Ngữ và bàn tính / The Analects and the*

Abacus. Nguồn tham chiếu cho ý niệm kết hợp đạo lý với thực dụng kinh tế.
18. Arthur W. Frank. *The Wounded Storyteller: Body, Illness, and Ethics*. University of Chicago Press, 1995. Nguồn tham chiếu cho khái niệm "người kể chuyện bị thương" trong y học tự sự.
19. André Maurois. Các tiểu luận và tác phẩm bàn về hôn nhân, tâm lý nam nữ, được dẫn qua mạch phân tích của Nguyễn Duy Cần trong *Thuật yêu đương*.
20. Stendhal. *De l'amour / Luận về tình yêu*. Nguồn tham chiếu cổ điển về tâm lý ái tình và ảo tưởng trong tình yêu.
21. André Gide. *La Symphonie pastorale / Khúc nhạc đồng quê*. Nguồn văn học được nhắc trong phần bàn về tình thương, lòng thương hại và bi kịch ái tình.
22. Khái Hưng. *Nửa chừng xuân*. Nguồn văn học Việt Nam được dùng để minh họa tâm lý ân nghĩa, tình yêu và món nợ tinh thần.
23. Margaret Mitchell. *Gone with the Wind / Cuốn theo chiều gió*. Nguồn văn học được dùng như ví dụ về tự ái, ái tình, quyến rũ và bi kịch lựa chọn.
24. Jean de La Fontaine. Các ngụ ngôn chọn lọc. Nguồn tham chiếu cho những ẩn dụ về sức mạnh, quyền lợi và phần chia trong chính trị.
25. Phạm Ngọc Khuê. Các bài khảo luận về "óc khoa học", "óc nho sĩ", "óc mô lăng" và tinh thần khoa học trong giai đoạn giao thời. Cần kiểm tra lại chính xác nhan đề, năm xuất bản và nơi xuất bản trước khi in.
26. Các tài liệu lịch sử về nạn đói Ất Dậu 1945, chính sách cưỡng bức trồng đay, thu mua lúa gạo của Nhật và chính sách bóc lột của Pháp tại Đông Dương. Nên bổ sung nguồn học thuật cụ thể khi hoàn thiện chú thích.
27. Các tài liệu về Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam, phong trào trí thức yêu nước, phong trào truyền bá chữ quốc ngữ và vai trò của văn nghệ sĩ trong kháng chiến.
28. Các tài liệu lịch sử về bác sĩ Đặng Văn Ngữ, hoạt động nghiên cứu Penicillin, kháng sinh và đóng góp y học trong kháng chiến.
29. Các tài liệu về y học tự sự, y đức, quan hệ bác sĩ – bệnh nhân, sự khác biệt giữa "disease" và "illness". Nên bổ sung thêm nguồn chuyên khảo y khoa khi biên tập bản in.

30. Các tài liệu nghiên cứu về rối loạn phổ tự kỷ, ngôn ngữ trị liệu, giao tiếp phi lời, echolalia, can thiệp gia đình – nhà trường – trung tâm, dùng làm nền khoa học cho phần *Tiếng vọng dưới nước*.

---

[1] Nguyễn Đình Chiểu (1822–1888), hay cụ Đồ Chiểu, là nhà thơ yêu nước tiêu biểu nhất của miền Nam Việt Nam trong thế kỷ XIX, một nhân cách văn hóa lớn và danh nhân văn hóa thế giới được UNESCO vinh danh.

[2] **Vương Hỗ Ninh** (Wang Huning) là một nhà lý luận chính trị hàng đầu và là chính trị gia cao cấp của Trung Quốc, hiện giữ chức **Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc**. Ông được giới quan sát quốc tế mệnh danh là "quốc sư" hoặc "kiến trúc sư tư tưởng" đứng sau ba thế hệ lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc: Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào và Tập Cận Bình.

[3] **Tô Đông Pha** (1037–1101), tên thật là **Tô Thức**, là một trong những **đại thi hào, nhà văn, họa sĩ và chính trị gia vĩ đại nhất lịch sử Trung Quốc** thời Bắc Tống. Ông được hậu thế tôn vinh là một trong "Đường Tống Bát đại gia" (tám học giả lớn nhất thời Đường và Tống) nhờ tài năng xuất chúng trên nhiều lĩnh vực nghệ thuật.

[4] **Niccolò Machiavelli** (1469 – 1527) là một nhà ngoại giao, nhà triết học chính trị, nhạc sĩ, nhà thơ và nhà viết kịch vĩ đại người Ý thời Phục Hưng. Ông được giới học giả tôn vinh là "**Cha đẻ của lý luận chính trị hiện đại**".

[5] **Shibusawa Eiichi** (1840 – 1931), tước vị Tử tước, là một nhà công nghiệp vĩ đại và được tôn vinh là "**Cha đẻ của chủ nghĩa tư bản Nhật Bản**". Ông là nhân vật kiệt xuất thời kỳ Minh Trị Duy Tân, có công lớn trong việc chuyển đổi nước Nhật từ một quốc gia phong kiến thành một cường quốc kinh tế hiện đại.

[6] **Tô Đông Pha** (1037 – 1101), tên thật là **Tô Thức**, tự Tử Chiêm, là một nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhà thư pháp và chính trị gia kiệt xuất thời Bắc Tống. Ông được đánh giá là một trong những bậc đại tài toàn năng nhất trong lịch sử văn hóa Trung Hoa.

[7] **Anglo-Saxons** (Người Ăng-glô Sắc-xông) là một nhóm văn hóa-sắc tộc đã xâm chiếm, định cư và cai trị vùng đất phía nam đảo Anh (ngày nay là nước Anh) từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 11. Họ chính là những người đã đặt nền móng cho bản sắc, ngôn ngữ và thể chế chính trị của quốc gia Anh hiện đại.

[8] **Phạm Thái** (1777 – 1813), còn gọi là Phạm Đan Phượng hay Phạm Phượng Sinh, mang hiệu là **Chiêu Lỳ** (hoặc Chiêu Lì). Ông là một **danh sĩ, nhà thơ tài hoa, ngang tàng và là một chiến sĩ chung thủy với nhà Lê** trong giai đoạn đầy biến động cuối thế kỷ 18 – đầu thế kỷ 19.

[9] **Tư Mã Ý** (179 – 251), tự Trọng Đạt, là một nhà quân sự, nhà chính trị lỗi lạc thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Hoa. Ông là đại thần quyền lực của nước Tào Ngụy, người đã đặt nền móng vững chắc cho con cháu lật đổ nhà Ngụy, lập ra nhà Tấn và thống nhất Trung Quốc.

[10] **Vũ Tài Lục** (1929–2016) là một **học giả, nhà biên khảo và dịch giả nổi tiếng** người Việt Nam, có tầm ảnh hưởng lớn trong giới trí thức tại miền

Nam trước năm 1975. Ông được biết đến nhiều nhất qua các công trình nghiên cứu sâu sắc về **chính trị học, tướng mệnh học và tử vi**.

[11] **Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam** là một tổ chức đoàn thể cách mạng của giới trí thức, văn nghệ sĩ Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và là thành viên của Mặt trận Việt Minh.

[12] Đây là kiểu tư duy đơn giản, thô sơ, chưa qua rèn luyện khoa học chặt chẽ.

[13] "Bác sĩ P. N. Khuê (1943)" là cách gọi tắt kèm năm xuất bản tác phẩm tiêu biểu của **Bác sĩ Phạm Ngọc Khuê** (1913 – 1996). Ông là một trí thức Tây học, nhà văn, nhà biên khảo và là **Chủ nhiệm Quân y đầu tiên của Trung đoàn Tây Tiến**

[14] **Arthur W. Frank** (sinh năm 1946) là một **nhà xã hội học người Canada**, nổi tiếng thế giới với những đóng góp tiên phong trong lĩnh vực **xã hội học về cơ thể** và **y học tự sự** (narrative medicine)